

Số: **1223** /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày **15** tháng **5** năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách những người đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chức danh tương đương chuyên viên chính thuộc ngành y tế, ngành giáo dục và đào tạo năm 2019 của thành phố Hải Phòng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nội vụ: Số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức; số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Công văn số 5747/BNV-CCVC ngày 19/11/2019 của Bộ Nội vụ về việc thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức năm 2019 của thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Kế hoạch số 290/KH-UBND ngày 05/12/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc tổ chức kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chức danh tương đương chuyên viên chính thuộc ngành y tế, ngành giáo dục và đào tạo năm 2019 của thành phố Hải Phòng;

Xét đề nghị của Sở Y tế tại Công văn số 462/SYT-TCCB ngày 24/02/2020; Sở Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 1015/SGDDĐT-TCCB ngày 12/5/2020; Sở Nội vụ tại Công văn số 1159/SNV-CCVC ngày 12/5/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách những người đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chức danh tương đương chuyên viên chính thuộc ngành y tế, ngành giáo dục và đào tạo năm 2019, cụ thể:

1. Danh sách những người đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế: 129 người, bao gồm:

- Từ bác sĩ (hạng III) lên bác sĩ chính (hạng II): 124 người;
- Từ y tế công cộng (hạng III) lên y tế công cộng (hạng II): 05 người.

2. Danh sách những người đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục và đào tạo: 651 người, bao gồm:

- Từ giảng viên (hạng III) lên giảng viên chính (hạng II): 25 người;
- Từ giáo viên trung học cơ sở hạng II lên giáo viên trung học cơ sở hạng I: 80 người;
- Từ giáo viên trung học phổ thông hạng III lên giáo viên trung học phổ thông hạng II: 546 người.

(Có danh sách chi tiết kèm theo).

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

1. Hội đồng thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chức danh tương đương chuyên viên chính thuộc ngành y tế, ngành giáo dục và đào tạo năm 2019 thông báo triệu tập những người đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự kỳ thi và tổ chức kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức đảm bảo đúng quy định hiện hành.

2. Các cơ quan, địa phương, đơn vị có thí sinh tham dự kỳ thi và các thí sinh tham dự kỳ thi chịu trách nhiệm về tính trung thực đối với các nội dung trong hồ sơ dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thuộc cơ quan, địa phương, đơn vị mình.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Nội vụ; Hội đồng thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chức danh tương đương chuyên viên chính thuộc ngành y tế, ngành giáo dục và đào tạo năm 2019, Thủ trưởng các cơ quan, địa phương, đơn vị có viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi; các cơ quan, đơn vị liên quan và các ông (bà) có tên trong danh sách nêu tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: Nội vụ; Y tế;
- Giáo dục và Đào tạo;
- TTTU, TTHĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- PCVP UBND TP;
- Đài PTTHHP, Báo HP, Cổng TTĐTTP;
- Các Phòng: KSTTHC, VX, NC&KTGS;
- CV: NV2;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN DỰ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
TỪ GIÁO VIÊN THCS HẠNG II LÊN GIÁO VIÊN THCS HẠNG I NĂM 2019 CỦA THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

(Kèm theo Quyết định số **1223** /QĐ-UBND ngày **15** tháng **5** năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Vị trí việc làm đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/ CDNN giáo viên THCS hạng II hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cơ sở/ GV dạy giỏi/ GV chủ nhiệm giỏi/ Tổng PT đội giỏi cấp huyện trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THCS hạng I	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
	QUẬN HỒNG BÀNG																	
1	Trần Thị Ánh Tuyết		11/9/1980	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Trãi	Giáo viên dạy môn Hóa	x	3,99	V.07.04.11	Đại học ngành sư phạm Hóa	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy Chứng nhận năng lực Tiếng Anh B1 khung NLNN 6 bậc VN 7/2019	x			Tiếng Anh	
2	Nguyễn Thị Hồng Liên		16/8/1980	Giáo viên	Trường THCS Ngô Gia Tự	Giáo viên dạy môn Hóa	x	3,66	V.07.04.11	Đại học ngành sư phạm Hóa	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1 Châu Âu 02/2018	x			Tiếng Anh	

kg

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Vị trí việc làm đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/ CDNN giáo viên THCS hạng II hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cơ sở/ GV dạy giỏi/ GV chủ nhiệm giỏi/ Tổng PT đội giỏi cấp huyện trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THCS hạng I	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
3	Tạ Thị Mai Dung		24/7/1976	Giáo viên	Trường THCS Ngô Gia Tự	Giáo viên dạy môn Toán	x	4,32	V.07.04.11	Đại học ngành sư phạm Toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1 Châu Âu 02/2018	x			Tiếng Anh	
4	Nguyễn Thị Lor		18/8/1983	Giáo viên	Trường THCS Ngô Gia Tự	Giáo viên dạy môn Văn	x	3,66	V.07.04.11	Thạc sĩ ngành sư phạm Ngữ văn 11/2011; Đại học ngành sư phạm Ngữ văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1 Châu Âu 02/2018	x			Tiếng Anh	
5	Nguyễn Văn Nghĩa	18/02/1973		Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Trãi	Giáo viên dạy môn Toán	x	4,32	V.07.04.11	Thạc sĩ Toán học 8/2017; Đại học ngành sư phạm Toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực Tiếng Anh B1 Châu Âu 12/2015	x			Tiếng Anh	
6	Triệu Thị Hiền		04/3/1974	Giáo viên	Trường THCS Bạch Đằng	Giáo viên dạy môn Hóa	x	4,65	V.07.04.11	Đại học ngành sư phạm Hóa học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x			Tiếng Anh	

kg

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Vị trí việc làm đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THCS hạng II hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cơ sở/ GV dạy giỏi/ GV chủ nhiệm giỏi/ Tổng PT đội giỏi cấp huyện trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THCS hạng I	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
7	Nguyễn Thị Vân Hải		27/10/1979	Giáo viên	Trường THCS Quán Toan	Giáo viên dạy môn Tin	x	4,32	V.07.04.11	Đại học ngành sư phạm Tin học	x	Đại học sư phạm Tin học	Tiếng Anh C	x	x		Tiếng Anh	
8	Phạm Thị Hoài Thu		07/8/1980	Giáo viên	Trường THCS Phan Bội Châu	Giáo viên dạy môn Tiếng Anh	x	3,99	V.07.04.11	Đại học ngành tiếng Anh; Cao đẳng sư phạm tiếng Anh	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Trung C	x			Tiếng Trung	
QUẬN NGÔ QUYÊN																		
9	Đào Thị Minh Phương		06/3/1973	Hiệu trưởng	Trường THCS Lý Tự Trọng	Quản lý, giảng dạy môn Giáo dục công dân	x	4,98	V07.04.11	Đại học sư phạm ngành Ngữ văn; Thạc sĩ Ngôn ngữ VN 01/2014	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x			Tiếng Anh	
10	Nguyễn Thị Như Trang		04/11/1981	Phó hiệu trưởng	Trường THCS Lý Tự Trọng	Quản lý, giảng dạy môn Địa lý	x	3,66	V07.04.11	Đại học ngành sư phạm Địa lý	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x			Tiếng Anh	

Ng

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Vị trí việc làm đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/ CDNN giáo viên THCS hạng II hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cơ sở/ GV dạy giỏi/ GV chủ nhiệm giỏi/ Tổng PT đội giỏi cấp huyện trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THCS hạng I	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
11	Nguyễn Trọng Nghinh	14/4/1975		Giáo viên	Trường THCS Lý Tự Trọng	Giảng dạy môn Toán, Hóa	x	4,65	V07.04.11	Thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục 11/2012; Đại học sư phạm ngành Toán học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực Tiếng Anh B1 khung năng lực NNVN 11/2017	x			Tiếng Anh	
12	Nguyễn Thanh Huyền		07/7/1977	Giáo viên	Trường THCS Lý Tự Trọng	Giáo viên dạy môn Văn, Sử	x	4,65	V07.04.11	Đại học ngành sư phạm Văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B2 Châu Âu 11/2017	x		x		
13	Trần Thị Huyền		08/3/1976	Giáo viên	Trường THCS Đà Nẵng	Giáo viên dạy môn Văn, Địa	x	4,65	V.07.04.11	Đại học ngành sư phạm Ngữ Văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B2 Châu Âu 11/2017	x		x		
14	Huỳnh Thị Lê		23/10/1968	Giáo viên	Trường THCS Đà Nẵng	Giáo viên dạy môn Văn, Giáo dục công dân	x	4,98	V.07.04.11	Đại học sư phạm ngành Ngữ Văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B2 Châu Âu 12/2017	x		x		
15	Nguyễn Đăng Khoa	21/12/1982		Giáo viên	Trường THCS An Đà	giáo viên dạy môn Toán	x	3,66	V.07.04.11	Thạc sĩ Toán học 6/2012; Đại học ngành sư phạm Toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh TĐ B1 Châu Âu 12/2011	x			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Vị trí việc làm đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THCS hạng II hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cơ sở/ GV dạy giỏi/ GV chủ nhiệm giỏi/ Tổng PT đội giỏi cấp huyện trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THCS hạng I	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
16	Phạm Văn Quân	17/6/1974		Hiệu trưởng	Trường THCS Chu Văn An	Hiệu trưởng, giảng dạy môn Toán	x	4,65	V.07.04.11	Đại học sư phạm ngành Toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	x		x		
17	Trần Thanh Tra	10/5/1976		Giáo viên	Trường THCS Chu Văn An	Giáo viên dạy môn Toán	x	4,65	V.07.04.11	Thạc sĩ Quản lý giáo dục; Đại học sư phạm ngành Toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B2 Châu Âu 11/2017	x		x		
18	Nguyễn Thị Huyền		13/3/1975	Giáo viên	Trường THCS Chu Văn An	Giáo viên dạy môn Văn	x	4,65	V.07.04.11	Thạc sĩ Ngôn ngữ VN 6/2015; Đại học sư phạm ngành Ngữ văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học ngành tiếng Anh	x		x		
19	Lương Thị Vui		24/6/1982	Giáo viên	Trường THCS Chu Văn An	Giáo viên dạy môn Văn	x	3,66	V.07.04.11	Thạc sĩ Ngôn ngữ học 11/2011; Đại học ngành sư phạm Ngữ văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực Tiếng Anh B1 khung năng lực NNVN 10/2017	x			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Vị trí việc làm đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THCS hạng II hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cơ sở/ GV dạy giỏi/ GV chủ nhiệm giỏi/ Tổng PT đội giỏi cấp huyện trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THCS hạng I	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
20	Phùng Thị Kim Anh		07/4/1977	Giáo viên	Trường THCS Chu Văn An	Giáo viên dạy môn tiếng Anh	x	4,65	V.07.04.11	Đại học tiếng Anh; Cao đẳng sư phạm ngành tiếng Anh	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Pháp C	x			Tiếng Pháp	
21	Vũ Xuân Dương	13/11/1977		Giáo viên	Trường THCS Chu Văn An	Giáo viên dạy môn tiếng Anh	x	4,32	V.07.04.11	Đại học ngành tiếng Anh; Cao đẳng sư phạm ngành tiếng Anh	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Pháp C	x			Tiếng Pháp	
22	Bùi Văn Thạch	01/01/1977		Giáo viên	Trường THCS Chu Văn An	Giáo viên dạy môn Văn	x	4,32	V.07.04.11	Đại học ngành sư phạm Văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	x		x		
23	Nguyễn Tường Vân		03/01/1974	Phó hiệu trưởng	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	Giáo viên dạy môn Văn	x	4,65	V.07.04.11	Đại học sư phạm ngành Ngữ Văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x			Tiếng Anh	
24	Đinh Thị Thu Hà		30/01/1973	Giáo viên	Trường THCS Lạc Viên	Giáo viên dạy môn Ngữ văn, Lịch sử	x	4,65	V.07.04.11	Đại học ngành sư phạm Ngữ văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B2 Châu Âu 11/2017	x		x		

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Vị trí việc làm đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THCS hạng II hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cơ sở/ GV dạy giỏi/ GV chủ nhiệm giỏi/ Tổng PT đội giỏi cấp huyện trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THCS hạng I	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
25	Lê Thị Lành		25/11/1979	Giáo viên	Trường THCS Lạc Viên	Giáo viên dạy môn Ngữ văn, Lịch sử	x	4,32	V.07.04.11	Đại học sư phạm ngành Văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x			Tiếng Anh	
26	Hoàng Thị Mai Hương		08/02/1975	Giáo viên	Trường THCS Lạc Viên	Giáo viên dạy môn Ngữ văn, Lịch sử	x	4,65	V.07.04.11	Đại học sư phạm ngành Ngữ Văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực Tiếng Anh B2 khung năng lực NNVN 11/2017	x			Tiếng Anh	
27	Mai Văn Bình	14/4/1969		Giáo viên	Trường THCS Lạc Viên	Giáo viên dạy môn Toán, công nghệ	x	4,98 + 5% VK	V.07.04.11	Đại học sư phạm ngành Toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh bậc 3 (TĐ B1 Châu Âu) 8/2017	x			Tiếng Anh	
	QUẬN LÊ CHÂN																	
28	Nguyễn Thị Thanh Hồng		17/11/1980	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Bá Ngọc	Giáo viên dạy môn Tin	x	3,99	V.07.04.11	Đại học ngành sư phạm Tin	x	Đại học sư phạm Tin học	Đại học Tiếng Anh	x	x	x		

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Vị trí việc làm đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THCS hạng II hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cơ sở/ GV dạy giỏi/ GV chủ nhiệm giỏi/ Tổng PT đội giỏi cấp huyện trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THCS hạng I	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
29	Nguyễn Thị Thủy		31/8/1975	Phó Hiệu trưởng	Trường THCS Trương Công Định	Cán bộ quản lý, giáo viên dạy môn Toán	x	4,65	V.07.04.11	Đại học sư phạm ngành Toán học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x			Tiếng Anh	
30	Hoàng Thị Anh		29/6/1977	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THCS Trương Công Định	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	4,65	V.07.04.11	Thạc sĩ Ngôn ngữ VN 7/2012; Đại học ngành sư phạm Văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x			Tiếng Anh	
31	Nguyễn Thị Nguyệt Vân		26/11/1981	Giáo viên	Trường THCS Trương Công Định	Giáo viên dạy môn Hóa	x	3,99	V.07.04.11	Đại học ngành sư phạm Hóa; Cao đẳng sư phạm chuyên ngành Hóa - Sinh	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực Tiếng Anh B2 khung năng lực NNVN 11/2017	x			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Vị trí việc làm đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THCS hạng II hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTD cơ sở/ GV dạy giỏi/ GV chủ nhiệm giỏi/ Tổng PT đội giỏi cấp huyện trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THCS hạng I	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
32	Phạm Thị Thùy Nhung		06/02/1980	Tổ phó chuyên môn	Trường THCS Trương Công Định	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	3,99	V.07.04.11	Thạc sỹ Khoa học giáo dục 01/2014 (Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán học); Đại học ngành sư phạm Hóa học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1 Châu Âu (CC môn học sau ĐH) 3/2012	x			Tiếng Anh	
	QUẬN ĐÒ SƠN																	
33	Ngô Thị Phương Thoa		14/3/1978	Phó hiệu trưởng	Trường THCS Hợp Đức	Giáo viên dạy môn Toán học	x	3,99	V.07.04.11	Đại học sư phạm ngành Toán học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1 Châu Âu 7/2018	x			Tiếng Anh	
	QUẬN HẢI AN																	
34	Nguyễn Thị Mai Hương		12/9/1976	Hiệu trưởng	Trường THCS Lê Lợi	Cán bộ quản lý, giáo viên dạy môn Toán	x	4,65	V.07.04.11	Thạc sỹ Quản lý giáo dục; Đại học ngành sư phạm Toán	x	Trung cấp CNTT	Tiếng Anh B2 Châu Âu 29/12/2017	x	x	x		

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Vị trí việc làm đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/ CDNN giáo viên THCS hạng II hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cơ sở/ GV dạy giỏi/ GV chủ nhiệm giỏi/ Tổng PT đội giỏi cấp huyện trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THCS hạng I	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
35	Lê Thị Minh Ngọc		18/6/1976	Giáo viên	Trường THCS Đăng Lâm	Giáo viên dạy môn Toán	x	4,32	V.07.04.11	Đại học ngành sư phạm Toán	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh C	x			Tiếng Anh	
36	Nguyễn Thị Hương		16/9/1984	Giáo viên	Trường THCS Đăng Lâm	Giáo viên dạy môn Tin	x	3,00	V.07.04.11	Đại học ngành sư phạm Tin học	x	Đại học sư phạm Tin	Tiếng Anh C	x	x		Tiếng Anh	
37	Bùi Thị Hạnh		24/9/1976	Giáo viên	Trường THCS Đăng Lâm	Giáo viên dạy môn ngoại ngữ	x	4,65	V.07.04.11	Đại học ngành tiếng Anh; Cao đẳng sư phạm ngành tiếng Anh	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Trung C	x			Tiếng Trung	
38	Đặng Thị Thúy		17/11/1977	Giáo viên	Trường THCS Đăng Lâm	Giáo viên dạy môn ngoại ngữ	x	3,99	V.07.04.11	Đại học sư phạm ngành tiếng Anh	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Trung C	x			Tiếng Trung	
39	Hoàng Thị Thu Đông		06/7/1977	Tổ phó Tổ Khoa học xã hội	Trường THCS Đăng Lâm	Giáo viên dạy môn Văn	x	4,65	V.07.04.11	Đại học ngành sư phạm Ngữ văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x			Tiếng Anh	

dg

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Vị trí việc làm đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THCS hạng II hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cơ sở/ GV dạy giỏi/ GV chủ nhiệm giỏi/ Tổng PT đội giỏi cấp huyện trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THCS hạng I	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
40	Bùi Thị Mười		05/10/1969	Hiệu trưởng	Trường THCS Đăng Hải	Lãnh đạo quản lý, giáo viên dạy môn Giáo dục công dân	x	4,65	V.07.04.11	Đại học sư phạm ngành Giáo dục chính trị	x	Ứng dụng C	Tiếng Anh C	x		x (Nữ trên 50 tuổi)		
41	Đỗ Thị Kim Dung		25/11/1973	CTCĐ	Trường THCS Đăng Hải	Giáo viên dạy môn Tin	x	4,98	V.07.04.11	Đại học ngành sư phạm Tin học	x	Đại học sư phạm Tin	Tiếng Anh C	x	x		Tiếng Anh	
42	Nguyễn Thị Tươi		02/12/1974	Giáo viên	Trường THCS Đăng Hải	Giáo viên dạy môn tiếng Anh	x	4,32	V.07.04.11	Đại học ngành tiếng Anh; Cao đẳng sư phạm ngành tiếng Anh	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Trung C	x			Tiếng Trung	
43	Phạm Hồng Khánh	09/4/1973		Hiệu trưởng	Trường THCS Đông Hải	Giáo viên dạy môn Toán Lý	x	4,98	V.07.04.11	Thạc sĩ Giáo dục và Phát triển cộng đồng 12/2018; Đại học sư phạm ngành Toán học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh bậc 3 (TB B1 Châu Âu) - 10/2017	x			Tiếng Anh	

Kg

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Vị trí việc làm đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/ CDNN giáo viên THCS hạng II hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cơ sở/ GV dạy giỏi/ GV chủ nhiệm giỏi/ Tổng PT đội giỏi cấp huyện trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THCS hạng I	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
44	Nguyễn Thị Ngọc Huyền		02/4/1970	Phó Hiệu trưởng	Trường THCS Đông Hải	Giáo viên dạy môn Địa lý	x	4,65	V.07.04.11	Thạc sĩ Quản lý giáo dục 4/2019; Đại học sư phạm Địa lý	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1 Châu Âu 11/10/2017	x			Tiếng Anh	
45	Nguyễn Thị Thanh Nga		03/6/1977	GV- TT Tổ KHXH	Trường THCS Đông Hải	Giáo viên dạy môn Văn	x	4,32	V.07.04.11	Đại học sư phạm Ngữ văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B2 Châu Âu 24/11/2017	x		x		
46	Phạm Thị Châu Băng		16/7/1977	Giáo viên	Trường THCS Đông Hải	Giáo viên dạy môn Toán	x	4,65	V.07.04.11	Đại học sư phạm ngành Toán học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B2 Châu Âu 24/11/2017	x		x		
47	Nguyễn Xuân Yêm	14/5/1983		Giáo viên	Trường THCS Đông Hải	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,00	V.074.07.11	Thạc sĩ Phương pháp Toán sơ cấp; Đại học ngành sư phạm Tin học	x	Đại học sư phạm Tin	Giấy chứng nhận năng lực Tiếng Anh B1 Châu Âu 18/5/2015	x	x		Tiếng Anh	
HUYỆN THỦY NGUYÊN																		
48	Nguyễn Sỹ Hiệp	26/7/1977		Phó Hiệu trưởng	Trường THCS Phù Ninh	Cán bộ quản lý, giáo viên dạy môn Toán	x	4,65	V.07.04.11	Đại học sư phạm ngành Toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh bậc 3 (TĐ B1 Châu Âu) 7/2017	x			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Vị trí việc làm đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/ CDNN giáo viên THCS hạng II hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cơ sở/ GV dạy giỏi/ GV chủ nhiệm giỏi/ Tổng PT đội giỏi cấp huyện trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THCS hạng I	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
49	Hoàng Thị Lệ		05/10/1973	Phó Hiệu trưởng	Trường THCS Chính Mỹ	Cán bộ quản lý, giáo viên dạy môn Toán	x	4,98	V.07.04.11	Đại học sư phạm ngành Toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh bậc 3 (B1) 3/2019	x			Tiếng Anh	
50	Bùi Xuân Khoa	26/4/1976		Giáo viên	Trường THCS Chính Mỹ	Giáo viên dạy môn môn Thể dục	x	3,99	V.07.04.11	Đại học sư phạm ngành Giáo dục thể chất	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1 Châu Âu (8/2018)	x			Tiếng Anh	
51	Lê Thị Hiền		20/3/1973	Phó Hiệu trưởng	Trường THCS Lại Xuân	Cán bộ quản lý, giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	4,98	V.07.04.11	Đại học ngành Ngữ văn (Cử nhân sư phạm)	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B1 Châu Âu 3/2019	x			Tiếng Anh	
52	Trần Thị Duyên		22/10/1977	Phó Hiệu trưởng	Trường THCS Dương Quan	Cán bộ quản lý, giáo viên dạy môn Hóa học	x	4,65	V.07.04.11	Đại học ngành sư phạm Hóa học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1 Châu Âu 7/2018	x			Tiếng Anh	
	HUYỆN TIỀN LÃNG																	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Vị trí việc làm đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/ CDNN giáo viên THCS hạng II hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cơ sở/ GV dạy giỏi/ GV chủ nhiệm giỏi/ Tổng PT đội giỏi cấp huyện trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THCS hạng I	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
53	Nguyễn Cảnh Tuyên	01/12/1976		Hiệu trưởng	Trường THCS Cấp Tiến	Hiệu trưởng, giáo viên dạy môn Toán	x	4,65	V.07.04.11	Đại học sư phạm ngành Toán; Ths Khoa học giáo dục 01/2018 (Quản lý GD)	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh bậc 3 (tương đương B1 Châu Âu) 8/2016	x			Tiếng Anh	
54	Phạm Thị Hương		07/6/1976	Phó Hiệu trưởng	Trường THCS Tiên Minh	Phó Hiệu trưởng, Giáo viên dạy môn Toán	x	4,65	V.07.04.11	Đại học ngành sư phạm Toán	x	Cao đẳng sư phạm Toán Hóa - Tin	Tiếng Anh C	x	x		Tiếng Anh	
55	Nguyễn Thị Hằng		13/12/1975	Phó Hiệu trưởng	Trường THCS Kiến Thiết	Phó Hiệu trưởng, Giáo viên dạy môn Văn	x	4,65	V.07.04.11	Đại học sư phạm ngành Ngữ văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x			Tiếng Anh	
56	Cao Văn Lương	14/12/1979		Giáo viên	Trường THCS Kiến Thiết	Giáo viên dạy môn Sinh	x	3,99	V.07.04.11	Đại học ngành sư phạm Sinh học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x			Tiếng Anh	

rv

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Vị trí việc làm đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/ CDNN giáo viên THCS hạng II hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cơ sở/ GV dạy giỏi/ GV chủ nhiệm giỏi/ Tổng PT đội giỏi cấp huyện trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THCS hạng I	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
57	Hoàng Thị Sánh		10/10/1976	Giáo viên	Trường THCS Quyết Tiến	Giáo viên dạy môn Toán	x	4,65	V.07.04.11	Đại học ngành sư phạm Toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh bậc 3/6 - 14/12/2015	x			Tiếng Anh	
58	Vũ Văn Tuyên	04/5/1981		Giáo viên	Trường THCS Quyết Tiến	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,99	V.07.04.11	Đại học ngành sư phạm Toán	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh C	x			Tiếng Anh	
59	Nguyễn Kim Anh		13/8/1981	Giáo viên	Trường THCS thị trấn Tiên Lãng	Giáo viên dạy môn Địa lí	x	3,99	V.07.04.11	Đại học ngành Địa lí, Cao đẳng sư phạm ngành Hóa - Địa	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x			Tiếng Anh	
60	Phạm Thị Thu		16/8/1978	Giáo viên	Trường THCS thị trấn Tiên Lãng	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,99	V.07.04.11	Đại học sư phạm Toán	x	Cao đẳng sư phạm ngành Toán - Tin	Tiếng Anh C	x	x		Tiếng Anh	

kg

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Vị trí việc làm đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/ CDNN giáo viên THCS hạng II hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cơ sở/ GV dạy giỏi/ GV chủ nhiệm giỏi/ Tổng PT đội giỏi cấp huyện trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THCS hạng I	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
61	Nguyễn Thị Hà		31/5/1980	Giáo viên	Trường THCS thị trấn Tiên Lãng	Giáo viên dạy môn Văn	x	3,99	V.07.04.11	Đại học sư phạm ngành Ngữ văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x			Tiếng Anh	
62	Nguyễn Thị Lan		12/11/1972	Giáo viên	Trường THCS thị trấn Tiên Lãng	Giáo viên dạy môn Văn	x	4,65	V.07.04.11 5	Đại học ngành sư phạm Ngữ văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x			Tiếng Anh	
63	Ngô Thủy Hoa		18/7/1980	Giáo viên	Trường THCS Toàn Thắng	Giáo viên dạy môn Công nghệ	x	3,99	V.07.04.11	Đại học ngành sư phạm kĩ thuật	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x			Tiếng Anh	
64	Nguyễn Thị Lương		27/8/1982	Giáo viên	Trường THCS Toàn Thắng	Giáo viên dạy môn Địa lí	x	3,66	V.07.04.11	Đại học ngành địa lí, có giấy xác nhận của Trường ĐHHHP tốt nghiệp Đại học sư phạm Địa lý	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Vị trí việc làm đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THCS hạng II hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cơ sở/ GV dạy giỏi/ GV chủ nhiệm giỏi/ Tổng PT đội giỏi cấp huyện trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THCS hạng I	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
65	Vũ Thị Tố Uyên		27/3/1976	Giáo viên	Trường THCS Toàn Thắng	Giáo viên dạy môn môn Văn, Địa lí	x	4,32	V.07.04.11	Đại học ngành sư phạm Ngữ văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x			Tiếng Anh	
	HUYỆN AN DƯƠNG																	
66	Nguyễn Thị Anh Vân		08/5/1974	Hiệu trưởng	Trường THCS Đồng Thái	Hiệu trưởng, giáo viên dạy môn Văn	x	4,65	V07.04.11	Đại học sư phạm ngành ngữ văn, Thạc sĩ ngôn ngữ VN 11/2014	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh TĐ B1 Châu Âu (CC môn học sau ĐH) 11/2014 (có giấy xác nhận của Trường ĐHHP)	x			Tiếng Anh	
67	Nguyễn Thị Kim Lê		02/11/1976	Phó Hiệu trưởng	Trường THCS Hồng Phong	Phụ trách chuyên môn, giáo viên dạy môn Văn	x	4,65	V07.04.11	Đại học ngành sư phạm văn, Thạc sĩ quản lý giáo dục 01/2017	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực Tiếng Anh B1 Châu Âu 10/2015	x			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Vị trí việc làm đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THCS hạng II hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cơ sở/ GV dạy giỏi/ GV chủ nhiệm giỏi/ Tổng PT đội giỏi cấp huyện trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THCS hạng I	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
68	Bùi Quốc Độ	18/5/1978		Giáo viên	Trường THCS Hồng Phong	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,99	V07.04.11	Đại học sư phạm ngành Toán, Thạc sĩ Toán học 9/2014	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh TĐ B1 Châu Âu 9/2013	x			Tiếng Anh	
69	Bùi Thị Hải Anh		04/7/1976	Giáo viên	Trường THCS Lê Lợi	Giáo viên dạy môn Hóa	x	4,65	V07.04.11	Đại học sư phạm ngành Hóa học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1 Châu Âu 02/2018	x			Tiếng Anh	
HUYỆN VINH BẢO																		
70	Dương Thị Chinh		11/10/1978	Hiệu trưởng	Trường THCS Giang Biên	Cán bộ quản lý, giáo viên dạy môn Văn	x	3,99	V.07.04.11	Thạc sĩ Quản lý giáo dục 11/2016; Đại học sư phạm ngành Ngữ Văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1 Châu Âu 11/2014 (CC môn học sau ĐH)	x			Tiếng Anh	
HUYỆN AN LÃO																		
71	Bùi Thị Minh Nguyệt		19/10/1976	Hiệu trưởng	Trường THCS An Thắng	Hiệu trưởng, giáo viên dạy môn Văn	x	4,65	V.07.04.11	Đại học sư phạm ngành Ngữ văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x			Tiếng Anh	

Ng

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Vị trí việc làm đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THCS hạng II hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cơ sở/ GV dạy giỏi/ GV chủ nhiệm giỏi/ Tổng PT đội giỏi cấp huyện trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THCS hạng I	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
72	Nguyễn Thế Viễn	21/3/1976		Phó Hiệu trưởng	Trường THCS Trường Thọ	Phó Hiệu trưởng, giáo viên dạy môn Toán	x	4,65	V.07.04.11	Thạc sỹ Quản lý giáo dục 12/2018; Đại học sư phạm ngành Toán học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh bậc 3 (TĐ B1 Châu Âu) 7/2016	x			Tiếng Anh	
73	Lê Văn Thơ	12/12/1976		Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Chuyên Mỹ	Giáo viên dạy môn tiếng Anh	x	4,65	V.07.04.11	Đại học Tiếng Anh, Cao đẳng sư phạm ngành tiếng Anh	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Trung C	x			Tiếng Trung	
74	Bùi Văn Sang	20/6/1976		Hiệu trưởng	Trường THCS Bát trang	Hiệu trưởng, giáo viên dạy môn Toán	x	4,32	V.07.04.11	Thạc sỹ Quản lý giáo dục 4/2019; Đại học sư phạm ngành Toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1 Châu Âu 8/2016	x			Tiếng Anh	

kg

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Vị trí việc làm đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THCS hạng II hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cơ sở/ GV dạy giỏi/ GV chủ nhiệm giỏi/ Tổng PT đội giỏi cấp huyện trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THCS hạng I	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
75	Phạm Thanh Thủy		08/02/1977	Hiệu trưởng	Trường THCS Chiến Thắng	Hiệu trưởng, giáo viên dạy môn Hóa	x	4,65	V.07.04.11	Đại học ngành sư phạm Hóa	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x			Tiếng Anh	
76	Phạm Văn Hải	10/7/1974		Hiệu trưởng	Trường THCS Quang Hưng	Hiệu trưởng, giáo viên dạy môn Toán	x	4,65	V.07.04.11	Thạc sỹ Quản lý giáo dục 01/2018; Đại học sư phạm ngành Toán học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh bậc 3 (TĐ B1 Châu Âu) 8/2016	x			Tiếng Anh	
77	Trần Thị Ái Vân		24/10/1976	Giáo viên	Trường THCS Lương Khánh Thiện	Giáo viên dạy môn Văn	x	4,65	V.07.04.11	Đại học ngành sư phạm Văn	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh C	x			Tiếng Anh	
78	Bùi Thị Thủy		26/8/1978	Phó Hiệu trưởng	Trường THCS Mỹ Đức	Phó Hiệu trưởng, giáo viên dạy môn Văn	x	4,32	V.07.04.11	Đại học ngành sư phạm Ngữ Văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Vị trí việc làm đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THCS hạng II hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cơ sở/ GV dạy giỏi/ GV chủ nhiệm giỏi/ Tổng PT đội giỏi cấp huyện trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THCS hạng I	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
79	Phạm Thị Huệ		10/3/1980	Phó Hiệu trưởng	Trường THCS Quang Hưng	Phó Hiệu trưởng, giáo viên dạy môn Văn	x	3,66	V.07.04.11	Đại học ngành sư phạm Ngữ Văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x			Tiếng Anh	
80	Nguyễn Thị Hằng		06/3/1981	Giáo viên	Trường THCS Trường Thọ	Giáo viên dạy môn Mỹ thuật	x	3,99	V.07.04.11	Đại học ngành Địa lý; Cao đẳng sư phạm ngành Hóa - Địa	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x			Tiếng Anh	

Tổng số: 80 người

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
TỪ GIÁO VIÊN THPT HẠNG III LÊN GIÁO VIÊN THPT HẠNG II NĂM 2019 CỦA THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**
(Kèm theo Quyết định số **1223/QĐ-UBND** ngày **15** tháng **5** năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/ CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/ GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
QUẬN HẢI AN																		
1	Hoàng Bá Thường	13/7/1975		Giám đốc	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên quận Hải An	Giám đốc phụ trách chung, giảng dạy môn Toán	x	4,65	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán học; Thạc sĩ Quản lý giáo dục 11/2009	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
2	Bùi Thủy Hương		23/7/1978	Phó giám đốc	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên quận Hải An	Phó Giám đốc phụ trách GDTX, nghề, giảng dạy môn Địa lý	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Địa lý; Thạc sĩ Quản lý giáo dục 12/2014;	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B1 Châu Âu 3/2013	x		x		
3	Nguyễn Thị Quỳnh Nga		06/10/1980	Tổ trưởng tổ GDTX	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên quận Hải An	Tổ trưởng Tổ GDTX; Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng nhận tiếng Anh tương đương A2 Châu Âu	x			Tiếng Anh	
4	Trịnh Mai Minh		09/9/1977	Tổ trưởng tổ Giáo vụ	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên quận Hải An	Tổ trưởng Tổ Giáo vụ; Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn	x	Ứng dụng B	Chứng nhận tiếng Anh tương đương A2 Châu Âu	x			Tiếng Anh	
QUẬN KIẾN AN																		
5	Nguyễn Thị Thu Hương		14/4/1970	Phó Giám đốc	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên quận Kiến An	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	4,98	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ Ngôn ngữ học 11/2011	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/ GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
	HUYỆN THỦY NGUYÊN																	
6	Nguyễn Thị Cẩm		25/10/1978	Giám đốc	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện Thủy Nguyên	Giám đốc; Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ Ngôn ngữ học 11/2011	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh TĐ B1 Châu Âu 6/2013	x		x		
7	Đỗ Quang Đức	10/5/1979		Phó Giám đốc	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện Thủy Nguyên	Phó Giám đốc; Giáo viên dạy môn Toán	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Quản lý giáo dục	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1 Châu Âu 8/2016	x		x		
8	Lê Thị Ba		17/3/1978	Giáo viên	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện Thủy Nguyên	Giáo viên dạy môn Lịch sử	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Lịch sử	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2 Châu Âu 8/2018	x			Tiếng Anh	
	HUYỆN KIẾN THỤY																	
9	Phạm Hữu Kiên	20/12/1979		Giám đốc	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện Kiến Thụy	Quản lý; Giáo viên dạy môn Tiếng Anh	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm tiếng Anh; Thạc sĩ Quản lý giáo dục 4/2010	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Nhật B	x			Tiếng Trung	
	HUYỆN TIỀN LĂNG																	
10	Nguyễn Đình Trường	27/7/1973		Giám đốc	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện Tiên Lãng	Giáo viên dạy môn Toán	x	4,65	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán học; Thạc sĩ Quản lý giáo dục 11/2009	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh TĐ B1 Châu Âu 12/2012	x		x		
11	Bùi Thị Thu		14/6/1977	Phó Giám đốc	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện Tiên Lãng	Giáo viên dạy môn Lịch sử	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Lịch sử	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
12	Nguyễn Thị Mai Hương		30/6/1982	Phó Giám đốc	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện Tiên Lãng	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa; Thạc sĩ Hóa phân tích 8/2017	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng nhận Tiếng Anh B1 Châu Âu 02/2015	x			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
13	Lưu Thị Duyên		04/6/1984	Giáo viên	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện Tiền Lãng	Giáo viên dạy môn Kỹ thuật công nghiệp	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp; Thạc sĩ Khoa học giáo dục 3/2015	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh TD B1 Châu Âu 4/2013	x		x		
14	Nguyễn Thị Hương Sen		01/12/1975	Giáo viên	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện Tiền Lãng	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	4,65	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
15	Nguyễn Văn Triển	29/11/1979		Giáo viên	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện Tiền Lãng	Giáo viên dạy môn Địa lý	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Địa lý	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
16	Đào Văn Định	16/6/1971		Giáo viên	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện Tiền Lãng	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	4,98	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO																		
17	Vũ Văn Chiến	25/12/1977		Phó hiệu trưởng	Trường THPT Tiền Lãng	Phó hiệu trưởng - giảng dạy môn Thể dục	x	4,65	V.07.05.15	Đại học Sư phạm ngành Giáo dục thể chất; Thạc sĩ Quản lý giáo dục	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh bậc 3	x		x		
18	Nguyễn Văn Sự	14/12/1973		Phó hiệu trưởng	Trường THPT Tiền Lãng	Phó hiệu trưởng - giảng dạy môn Hóa học	x	4,65	V.07.05.15	Đại học Sư phạm ngành Hóa học; Thạc sĩ Hóa học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng nhận Tiếng Anh B1 Châu Âu	x			Tiếng Anh	
19	Phạm Đức Song	29/10/1981		Phó hiệu trưởng	Trường THPT Tiền Lãng	Phó hiệu trưởng - giảng dạy môn Vật lý	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm ngành Vật lý; Thạc sĩ Quản lý giáo dục	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh bậc 3	x		x		
20	Lê Thị Hồng Hoan		20/09/1972	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Tiền Lãng	Tổ trưởng chuyên môn - Giáo viên dạy môn Địa lý	x	4,98	V.07.05.15	Đại học Sư phạm ngành Địa lý	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
21	Trần Thị Thường		12/02/1978	Giáo viên	Trường THPT Tiên Lãng	Giáo viên dạy môn Sinh học	x	4,32	V.07.05.15	Cao đẳng Sư phạm Sinh - Hóa; Đại học ngành Công nghệ Sinh học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
22	Vũ Thị Thắm		12/12/1976	Giáo viên	Trường THPT Tiên Lãng	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	4,65	V.07.05.15	Đại học Sư phạm ngành Ngữ văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1 Châu Âu	x		x		
23	Vũ Thị Nhung		22/12/1981	Giáo viên	Trường THPT Tiên Lãng	Giáo viên dạy môn Tiếng Anh	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Tiếng Anh Sư phạm; Thạc sĩ ngành Tiếng Anh Sư phạm	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Trung C	x		x		
24	Hoàng Thị Trâm		17/12/1977	Giáo viên	Trường THPT Tiên Lãng	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ ngành Ngữ văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1 Châu Âu	x		x		
25	Hoàng Thị Hồng Thắm		25/11/1980	Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Tiên Lãng	Giáo viên dạy môn Lịch sử	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm ngành Lịch sử	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
26	Đỗ Thị Hiền Thảo		22/12/1978	Giáo viên	Trường THPT Tiên Lãng	Giáo viên dạy môn Toán học	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
27	Vũ Thị Thủy		20/03/1981	Giáo viên	Trường THPT Tiên Lãng	Giáo viên môn Vật lý	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm ngành Vật lý	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1 Châu Âu	x		x		
28	Nguyễn Thị Minh Thu		17/7/1982	Giáo viên	Trường THPT Tiên Lãng	Giáo viên dạy môn Địa Lý	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Địa	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/ CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/ GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
29	Phạm Quyết Chung		29/06/1980	Giáo viên	Trường THPT Tiên Lãng	Giáo viên dạy môn Thể dục	x	3,33	V.07.05.15	Cao đẳng Sư phạm Thể dục- Sinh; Đại học Giáo dục thể chất	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
30	Là Huy Thắng	05/8/1980		Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Toàn Thắng	Tổ phó chuyên môn; Giáo viên dạy môn Tiếng Anh	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Tiếng Anh - Thạc sĩ Quản lý giáo dục	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	HSK3- Tiếng Trung	x		x		
31	Nguyễn Văn Đạt	04/10/1984		Giáo viên	Trường THPT Toàn Thắng	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán -Thạc sĩ Toán học	x	Đại học Tin học	Tiếng Anh tương đương B1 Châu Âu	x	x	x		
32	Nguyễn Thị Lan		27/09/1980	Giáo viên	Trường THPT Toàn Thắng	Giáo viên dạy môn Công nghệ	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Đại học SP Tin học	x	Đại học SP Tin học	Tiếng Anh C	x	x	x		
33	Đỗ Văn Đoàn	16/06/1979		Giáo viên	Trường THPT Toàn Thắng	Giáo viên dạy môn Sinh	x	3,99	V.07.05.15	Cao đẳng Sư phạm Sinh Hóa; Đại học Công nghệ Sinh học; Thạc sĩ Sư phạm Sinh học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1	x		x		
34	Cao Văn Bảo	13/08/1968		Phó hiệu trưởng	Trường THPT Toàn Thắng	Phó hiệu trưởng; giảng dạy môn Kỹ thuật công nghiệp	x	4,98+10%VK	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp; Đại học Tiếng Anh; Thạc sĩ Quản lý giáo dục	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Tiếng Anh	x		x		
35	Nguyễn Hằng Hoàng	24/04/1979		Phó hiệu trưởng	Trường THPT Nhữ Văn Lan	Phó hiệu trưởng; giảng dạy môn Toán	x	3.99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Sư phạm Toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
36	Đỗ Thị Dung		24/04/1980	Phó hiệu trưởng	Trường THPT Nhữ Văn Lan	Phó hiệu trưởng; giảng dạy môn Ngữ văn	x	3.99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
37	Hoàng Thị Thu Hương		12/3/1978	Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Nhữ Văn Lan	Tổ phó chuyên môn; Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
38	Nguyễn Thị Minh		25/10/1979	Giáo viên	Trường THPT Nhữ Văn Lan	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ Văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1	x		x		
39	Lương Trọng Tuệ	23/08/1982		Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nhữ Văn Lan	Tổ trưởng chuyên môn; Giáo viên dạy môn Công nghệ	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Kỹ Thuật; Thạc sĩ Khoa học giáo dục	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh TĐ B1 Châu Âu	x		x		
40	Phạm Thanh Thúy		08/03/1985	Giáo viên	Trường THPT Nhữ Văn Lan	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hoá học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
41	Trần Thị Thúy Vân		02/9/1981	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nhữ Văn Lan	Tổ trưởng chuyên môn; giảng dạy môn Hóa học	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hoá học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
42	Phạm Văn Toán	21/10/1981		Giáo viên	Trường THPT Nhữ Văn Lan	Giáo viên dạy môn Tin học	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Tin học; Thạc sĩ Máy tính	x	Đại học SP Tin học	Chứng nhận tiếng Anh B1	x	x		Tiếng Anh	
43	Trần Hồng Quân	02/9/1979		Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Nhữ Văn Lan	Tổ phó chuyên môn; giảng dạy môn Sinh học	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
44	Dương Thùy Duyên		24/04/1984	Giáo viên	Trường THPT Nhữ Văn Lan	Giáo viên dạy môn Địa lý	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Địa lý	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh bậc 3	x		x		
45	Nguyễn Mạnh Duy	26/05/1988		Giáo viên	Trường THPT Nhữ Văn Lan	Giáo viên dạy môn Vật lý	x	3,00	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Vật lý	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
46	Ngô Thanh Huyền		07/04/1982	Giáo viên	Trường THPT Nhữ Văn Lan	Giảng dạy môn Tin học	x	3,00	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Tin học	x	Đại học SP Tin học	Tiếng Anh C	x	x	x		
47	Vũ Thị Nguyệt		05/07/1979	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Hùng Thắng	Giáo viên dạy môn Tiếng Anh	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm tiếng Anh; Thạc sĩ Giáo dục và phát triển Cộng đồng.	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Trung B	x			Tiếng Trung	
48	Vũ Trí Thanh	16/11/1978		Chủ tịch công đoàn	Trường THPT Hùng Thắng	Giáo viên dạy môn Thể dục	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Giáo dục thể chất; Thạc sĩ Quản lý giáo dục	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1 Châu Âu 8/2015	x			Tiếng Anh	
49	Vũ Văn Kiên	22/12/1978		Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Hùng Thắng	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh TĐ B1 Châu Âu 12/2013	x		x		
50	Nguyễn Thị Lan		16/02/1986	Giáo viên	Trường THPT Hùng Thắng	Giáo viên dạy môn Địa lí	x	3,33	V.07.05.15	Đại học sư phạm địa lý; Thạc sĩ Địa lí học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh TĐ B1 Châu Âu	x		x		
51	Vũ Văn Anh	27/8/1977		Giáo viên	Trường THPT Hùng Thắng	Giáo viên dạy môn Tin	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm ngành Tin; Thạc sĩ khoa học máy tính	x	Đại học SP Tin	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1 Châu Âu 3/2015	x	x		Tiếng Anh	
52	Vũ Thị Tuyết		25/4/1984	Giáo viên	Trường THPT Hùng Thắng	Giáo viên dạy môn Công nghệ	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Kỹ thuật Công nghiệp; Thạc sĩ Kỹ thuật Công nghiệp	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh bậc 3 (B1 Châu Âu) 5/2017	x		x		
53	Vũ Thị Năm		13/4/1979	Giáo viên	Trường THPT Hùng Thắng	Giáo viên dạy môn toán	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1 Châu Âu 11/2017	x			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
54	Phạm Văn Tuyên	20/10/1980		Giáo viên	Trường THPT Hùng Thắng	Giáo viên dạy môn toán	x	3,00	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Toán học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
55	Hà Đức Huy	10/9/1980		Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Khuyến	Giáo viên môn Công nghệ	x	3,99	V07.05.15	Đại học Sư phạm Kỹ thuật; Thạc sĩ Quản lý giáo dục	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1	x		x		
56	Nguyễn Mạnh Hoàng	27/11/1983		Giáo viên, Bí thư đoàn trường	Trường THPT Nguyễn Khuyến	Giáo viên môn Ngữ văn	x	3,66	V07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ Ngữ văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1	x		x		
57	Đỗ Thị Châu		30/07/1978	Giáo viên, Tổ trưởng tổ KHXH	Trường THPT Nguyễn Khuyến	Giáo viên môn Địa lý	x	4,32	V07.05.15	Đại học Sư phạm Địa lý	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
58	Vũ Quốc Mạnh	27/10/1974		Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Khuyến	Giáo viên môn Tin học	x	4,32	V07.05.15	Đại học Sư phạm Tin học	x	Đại học sư phạm Tin học	Tiếng Anh C	x	x	x		
59	Phạm Thị Xuyến		18/12/1976	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Khuyến	Giáo viên môn Toán	x	4,32	V07.05.15	Đại học Sư phạm Toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
60	Trần Thị Huệ		02/09/1979	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Khuyến	Giáo viên Giáo dục công dân	x	3,66	V07.05.15	Đại học Sư phạm Giáo dục chính trị	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
61	Nguyễn Thị Nguyên		01/01/1980	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Khuyến	Giáo viên môn Công nghệ	x	3,99	V07.05.15	Đại học Sư phạm Kỹ thuật	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
62	Trần Công Vũ	21/08/1982		Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Khuyến	Giáo viên môn Thể dục	x	3,66	V07.05.15	Đại học Sư phạm Giáo dục thể chất	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		

kg

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
63	Trần Tăng Thắng	15/01/1986		Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Khuyến	Giáo viên môn Toán	x	3,33	V07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Sư phạm Toán học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng nhận tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	
64	Đinh Ngọc Thuận	06/5/1977		Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Lê Chân	Giáo viên dạy môn Toán	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Toán	x	Ứng dụng B	Đại học Ngôn ngữ Anh	x		x		
65	Nguyễn Thị Dung		01/11/1978	Giáo viên	Trường THPT Lê Chân	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Toán	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B1	x		x		
66	Ngô Thị Phương		11/11/1985	Giáo viên	Trường THPT Lê Chân	Giáo viên dạy môn Lý	x	3,00	V.07.05.15	Cao đẳng Sư phạm Lý - Tin; Đại học Sư phạm Lý, Thạc sĩ Lý	x	Cao đẳng Lý - Tin	Chứng nhận tiếng Anh B1	x	x		Tiếng Anh	
67	Tổng Minh Tuấn	28/03/1981		Giáo viên	Trường THPT Lê Chân	Giáo viên dạy môn Hóa	x	3,66	V.07.05.15	Cao đẳng Sư phạm Sinh - Hóa; Đại học Sư phạm Hóa; Thạc sĩ Hóa	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng nhận tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	
68	Phạm Khắc Quân	24/09/1976		Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Thủy Sơn	Phó Hiệu trưởng; giảng dạy môn Sinh học	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Sinh học; Thạc sĩ Quản lý Giáo dục;	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	
69	Nguyễn Thị Thúy		15/11/1979	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Thủy Sơn	Phó hiệu trưởng; giảng dạy môn Kỹ thuật công nghiệp	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Kỹ thuật; Thạc sĩ Quản lý Giáo dục	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1	x		x		
70	Nguyễn Ánh Nguyên	02/10/1981		Tổ phó chuyên môn, Bí thư Đoàn	Trường THPT Thủy Sơn	Giáo viên dạy môn Tin học	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Kỹ thuật; Đại học Công nghệ thông tin; Thạc sĩ Hệ thống thông tin	x	Đại học công nghệ thông tin	Tiếng Anh bậc 3 (TĐ B1 Châu Âu)	x	x	x		

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
71	Nguyễn Khắc Thành	10/01/1982		Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Thủy Sơn	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Sư phạm Toán học	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh bậc 3 (TĐ B1 Châu Âu)	x		x		
72	Phạm Thị Ngọc Dao		31/07/1980	Giáo viên	Trường THPT Thủy Sơn	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,66	V.07.05.15	Thạc sĩ Toán học; Đại học Sư phạm Toán - Tin học	x	Đại học Toán - Tin; Ứng dụng B	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1	x	x		Tiếng Anh	
73	Đoàn Bá Thương	27/02/1985		Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Thủy Sơn	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Toán học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	
74	Bùi Quốc Hùng	25/04/1983		Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Thủy Sơn	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa học; Thạc sĩ Hóa học	x	Ứng dụng B	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	
75	Đỗ Thị Khánh Minh		03/07/1984	Giáo viên	Trường THPT Thủy Sơn	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa học	x	Ứng dụng B	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	
76	Quách Tân Bình	25/02/1979		Hiệu trưởng	Trường THPT Lê Ích Mộc	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Quản lý giáo dục	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B1	x		x		
77	Trần Anh Tuấn	14/11/1981		Tổ trưởng chuyên môn -Giáo viên	Trường THPT Lê Ích Mộc	Giáo viên dạy môn Hóa	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa; Thạc sĩ Hóa vô cơ	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1	x		x		
78	Nguyễn Đăng Hiệp	27/7/1982		Tổ trưởng chuyên môn -Giáo viên	Trường THPT Lê Ích Mộc	Giáo viên dạy môn Tin	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Tin; Thạc sĩ Hệ thống thông tin	x	Đại học SP Tin	Tiếng Anh bậc 3	x	x	x		

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
79	Nguyễn Thị Thùy Dương		02/11/1979	Tổ trưởng chuyên môn -Giáo viên	Trường THPT Lê Ích Mịch	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam	x	Ứng dụng B	Giấy chứng nhận năng lực Tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	
80	Vũ Thị Xuân		02/07/1981	Giáo viên	Trường THPT Lê Ích Mịch	Giáo viên dạy môn Vật lý	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Vật lý	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
81	Đặng Thị Thủy		04/9/1980	Giáo viên	Trường THPT Lê Ích Mịch	Giáo viên dạy môn Hóa	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm hóa học; Thạc sĩ Hóa học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực Tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	
82	Nguyễn Thị Tiến Hưng		13/6/1979	Tổ phó chuyên môn -Giáo viên	Trường THPT Lê Ích Mịch	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
83	Hoàng Khánh Trinh	15/03/1987		Giáo viên	Trường THPT Lê Ích Mịch	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,00	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Toán học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực Tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	
84	Nguyễn Thị Thu Hòa		12/01/1981	Giáo viên	Trường THPT Lê Ích Mịch	Giáo viên dạy môn Hóa	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa; Thạc sĩ Hóa học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực Tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	
85	Đinh Thị Kim Dung		11/6/1983	Giáo viên	Trường THPT Lê Ích Mịch	Giáo viên dạy môn Anh văn	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Tiếng Anh	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Trung B	x			Tiếng Pháp	
86	Nguyễn Thị Thanh		05/02/1983	Giáo viên	Trường THPT Lê Ích Mịch	Giáo viên dạy môn Thể dục-GDQP	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Giáo dục thể chất	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
87	Trịnh Văn Dũng	02/9/1979		Tổ trưởng chuyên môn - Giáo viên	Trường THPT Lê Ích Mịch	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/ CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/ GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
88	Nguyễn Đình Xuân	01/3/1977		Phó hiệu trưởng	Trường THPT Cộng Hiền	Phó hiệu trưởng, Giáo viên dạy môn Toán	x	4,65	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Toán; Cao đẳng Sư phạm Toán - Lý - Tin	x	Cao đẳng SP Toán - Lý - Tin	Tiếng Anh TĐ B1	x	x	x		
89	Nguyễn Văn Quyền	01/11/1980		Giáo viên	Trường THPT Cộng Hiền	Giáo viên dạy môn Công nghệ	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Kỹ thuật	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
90	Vũ Thị Mận		15/8/1980	Tổ trưởng chuyên môn, Giáo viên	Trường THPT Cộng Hiền	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,99	V.07.05.15	Đại học ngành Văn học, chứng chỉ môn học Nghiệp vụ sư phạm; Thạc sĩ Sư phạm Ngữ văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
91	Nguyễn Thị Bền		02/5/1979	Tổ phó chuyên môn, Giáo viên	Trường THPT Cộng Hiền	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
92	Vũ Văn Quỳnh	12/10/1978		Tổ trưởng chuyên môn, Giáo viên	Trường THPT Cộng Hiền	Giáo viên dạy môn Hóa	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
93	Nguyễn Văn Tinh	10/01/1976		Giáo viên	Trường THPT Cộng Hiền	Giáo viên dạy môn Giáo dục công dân	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Giáo dục công dân	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1	x		x		
94	Lương Cao Vinh	17/10/1982		Giáo viên	Trường THPT Cộng Hiền	Giáo viên dạy môn Toán học	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán-Tin; Thạc sĩ sư phạm Toán	x	Đại học SP Toán Tin; Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1	x	x		Tiếng Anh	
95	Bùi Khánh Toàn	15/8/1978		Hiệu trưởng	Trường THPT Lý Thường Kiệt	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Sư phạm Toán	x	Cao đẳng Toán- Tin	Đại học tiếng Anh	x	x	x		

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
96	Nguyễn Thị Lan		01/12/1976	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Lý Thường Kiệt	Giáo viên dạy môn Sinh	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
97	Bùi Thị Huệ		25/8/1977	Giáo viên	Trường THPT Lý Thường Kiệt	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Toán	x	Ứng dụng B	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1 11/2017	x			Tiếng Anh	
98	Nguyễn Thị Thanh Quyên		10/12/1982	Giáo viên	Trường THPT Lý Thường Kiệt	Giáo viên dạy môn Vật lý	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Lý - Tin; Thạc sĩ Vật Lý	x	Đại học Lý - Tin	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1 5/2015	x	x		Tiếng Anh	
99	Nguyễn Thị Thanh Hương		13/12/1978	Giáo viên	Trường THPT Lý Thường Kiệt	Giáo viên dạy môn Địa lý	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Địa lý; Thạc sĩ Địa lý	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	
100	Lê Thị Thu Trang		01/10/1982	Giáo viên	Trường THPT Lý Thường Kiệt	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ Văn; Thạc sĩ ngôn ngữ Việt Nam	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
101	Đặng Thị Thanh Phương		01/01/1980	Giáo viên	Trường THPT Lý Thường Kiệt	Giáo viên dạy môn Vật lý	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Vật lý; Thạc sĩ Sư phạm Vật lý	x	Ứng dụng B	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1 3/2014	x			Tiếng Anh	
102	Nguyễn Thị Hiền		25/9/1974	Giáo viên	Trường THPT Lý Thường Kiệt	Giáo viên dạy môn Sinh học	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh tương đương B1 châu Âu	x		x		
103	Phạm Thị Thúy Vân		26/12/1983	Giáo viên	Trường THPT Lý Thường Kiệt	Giáo viên dạy môn Ngoại ngữ	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Tiếng Anh; Thạc sĩ tiếng Anh	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Trung B	x			Tiếng Trung	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
104	Nguyễn Thu Hà		07/02/1983	Giáo viên	Trường THPT Lý Thường Kiệt	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
105	Nguyễn Thị Len		25/6/1983	Giáo viên	Trường THPT Lý Thường Kiệt	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
106	Nguyễn Thị Lan Hương		27/6/1983	Giáo viên	Trường THPT Lý Thường Kiệt	Giáo viên dạy môn tiếng Anh	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Tiếng Anh	x	Ứng dụng B	Tiếng Trung B	x			Tiếng Trung	
107	Nguyễn Thị Loan		05/10/1984	Giáo viên	Trường THPT Lý Thường Kiệt	Giáo viên dạy môn Địa lý	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Địa lí; Thạc sĩ Địa lí	x	Ứng dụng B	Giấy chứng nhận năng lực Tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	
108	Phạm Thị Vân		01/7/1982	Giáo viên	Trường THPT Lý Thường Kiệt	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ ngôn ngữ và văn hóa Việt nam	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh tương đương cấp độ B1 6/2014	x		x		
109	Nguyễn Thị Hoàn		08/02/1981	Giáo viên	Trường THPT Lý Thường Kiệt	Giáo viên dạy môn Lịch sử	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Lịch sử	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
110	Doãn Hoàng Trung	03/7/1985		Giáo viên	Trường THPT Lý Thường Kiệt	Giáo viên dạy môn Tin	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Tin; Thạc sĩ khoa học giáo dục	x	Đại học SP Tin	Tiếng Anh tương đương B1 châu âu	x	x	x		
111	Vũ Tiến Hưng	05/11/1980		Giáo viên	Trường THPT Lý Thường Kiệt	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa; Thạc sĩ Sư phạm Hóa	x	Ứng dụng B	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1 3/2014	x			Tiếng Anh	
112	Đàm Thu Hải		11/12/1977	Giáo viên	Trường THPT Lý Thường Kiệt	Giáo viên dạy môn Toán	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Toán	x	Ứng dụng B	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1 12/2015	x			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
113	Nguyễn Đăng Thủy	06/12/1977		Giáo viên	Trường THPT Lý Thường Kiệt	Giáo viên dạy môn Kỹ thuật công nghiệp	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Kỹ thuật; Thạc sĩ Sư phạm kỹ thuật	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
114	Đặng Thị Hồng Hạnh		24/3/1983	Giáo viên	Trường THPT Lý Thường Kiệt	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa; Thạc sĩ Sư phạm Hóa	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
115	Phạm Quốc Hiệu	25/5/1972		Hiệu trưởng	Trường THPT Vĩnh Bảo	Hiệu trưởng-giảng dạy môn Toán	x	4,98	V.07.05.15	Đại học Sư phạm ngành Toán; Thạc sĩ Toán học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh TB B1	x		x		
116	Lê Minh Tiến	16/6/1962		Phó hiệu trưởng	Trường THPT Vĩnh Bảo	Phó hiệu trưởng-giảng dạy môn Toán	x	4,98+ 12% VK	V.07.05.15	Đại học Sư phạm ngành Toán; Thạc sĩ Toán học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh TB B1	x		x		
117	Phạm Văn Tịnh	10/11/1972		Phó hiệu trưởng	Trường THPT Vĩnh Bảo	Phó hiệu trưởng-giảng dạy môn Thể dục	x	4,65	V.07.05.15	Đại học Sư phạm giáo dục thể chất; Thạc sĩ khoa học giáo dục	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh TB B1	x		x		
118	Trần Thị Trang Nhung		30/12/1979	Phó hiệu trưởng-CTCĐ	Trường THPT Vĩnh Bảo	Phó hiệu trưởng-CTCĐ; giảng dạy môn Ngữ văn	x	3,99	V.07.05.15	Thạc sĩ Sư phạm ngành Ngữ văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
119	Phạm Công Sơn	16/01/1985		Giáo viên; Bí thư Đoàn trường	Trường THPT Vĩnh Bảo	Giáo viên dạy môn Thể dục	x	3,00	V.07.05.15	Đại học ngành Giáo dục thể chất	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
120	Nguyễn Đức Long	02/04/1977		Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Vĩnh Bảo	Giáo viên dạy môn Vật lý	x	4,65	V.07.05.15	Đại học Sư phạm ngành Vật lý; Thạc sĩ Vật lý	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh TB B1	x		x		

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTD cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
121	Vũ Thắng Long	11/6/1978		Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Vĩnh Bảo	Giáo viên dạy môn thể dục	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm ngành giáo dục thể chất; Đại học sư phạm ngành giáo dục chính trị	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
122	Lê Nguyên Hoàng	08/12/1983		Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Vĩnh Bảo	Giáo viên dạy môn Ngoại ngữ	x	3,66	V.07.05.15	Đại học ngành Tiếng Anh, CC nghiệp vụ SP bậc đại học; Thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học tiếng Anh	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Pháp B	x			Tiếng Pháp	
123	Bùi Duy Thành	25/12/1983		Giáo viên	Trường THPT Vĩnh Bảo	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa học; Thạc sĩ Hóa học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh bậc 3	x		x		
124	Cao Thị Thúy Hằng		06/11/1977	Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Vĩnh Bảo	Giáo viên dạy môn Toán	x	4,32	V.07.05.15	Đại học sư phạm ngành Toán; Thạc sĩ Toán học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	
125	Phạm Đức Thanh	18/9/1981		Giáo viên	Trường THPT Vĩnh Bảo	Giáo viên dạy môn Sinh học	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm ngành Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
126	Vũ Thị Ngọc Lánh		09/02/1978	Giáo viên	Trường THPT Vĩnh Bảo	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
127	Vũ Thị Vân		03/12/1982	Giáo viên	Trường THPT Vĩnh Bảo	Giáo viên dạy môn Sinh học	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Sinh học; Thạc sĩ Sinh học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận tiếng Anh B2	x			Tiếng Anh	
128	Nguyễn Thị Vân		22/10/1978	Giáo viên	Trường THPT Vĩnh Bảo	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa học; Thạc sĩ Hóa phân tích	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
129	Nguyễn Thị Thu		12/8/1982	Giáo viên	Trường THPT Vĩnh Bảo	Giáo viên dạy môn Sinh học	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Sinh học; Thạc sĩ Sinh học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	
130	Trần Thị Hằng Nga		20/3/1982	Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Vĩnh Bảo	Giáo viên dạy môn Tin học	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Tin học; Thạc sĩ hệ thống thông tin	x	Đại học Tin học	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B2	x	x		Tiếng Anh	
131	Đỗ Thị Huệ		20/7/1982	Giáo viên	Trường THPT Vĩnh Bảo	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán - tin học; Thạc sĩ Toán học	x	Đại học SP Toán - Tin học	Tiếng Anh B1	x	x	x		
132	Đoàn Thị Việt Ánh		07/12/1981	Giáo viên	Trường THPT Vĩnh Bảo	Giáo viên dạy môn Vật lý	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Vật lý; Thạc sĩ Vật lý	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	
133	Phạm Thị Thu Trang		13/07/1984	Giáo viên	Trường THPT Vĩnh Bảo	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
134	Bùi Thị Hồng		02/11/1975	Giáo viên	Trường THPT Vĩnh Bảo	Giáo viên dạy môn Thể dục	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Giáo dục thể chất	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
135	Lê Thị Hải Thành		27/12/1984	Giáo viên	Trường THPT Bạch Đằng	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ Văn; Thạc sĩ chuyên ngành văn học Việt Nam 8/2017	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận tiếng Anh B2	x			Tiếng Anh	
136	Lê Thị Thu Lan		18/10/1978	Giáo viên	Trường THPT Bạch Đằng	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
137	Lê Thị Nhung		11/01/1982	Giáo viên	Trường THPT Bạch Đằng	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh bậc 3	x		x		
138	Nguyễn Thị Thu Hà		20/01/1980	Giáo viên	Trường THPT Bạch Đằng	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	3,99	V.07.05.15	Đại học ngành Sư phạm Hóa; Thạc sĩ Hóa học 8/2018;	x	Ứng dụng B	Giấy chứng nhận Tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	
139	Hoàng Minh An		10/12/1979	Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Bạch Đằng	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán học; Thạc sĩ Toán học 8/2018;	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận Tiếng Anh B1 11/2017 (ĐH Thái Nguyên)	x			Tiếng Anh	
140	Đỗ Thị Linh Trang		01/03/1981	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Bạch Đằng	Giáo viên dạy môn Kỹ thuật công nghiệp	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Kỹ thuật; Thạc sĩ Quản lý Giáo dục 01/2017,	x	Ứng dụng A	Tiếng Anh TĐ B2 2013 (ĐH Thái Nguyên)	x		x		
141	Vũ Văn Đức	13/03/1981		Giáo viên	Trường THPT Bạch Đằng	Giáo viên dạy môn Địa lý	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Địa lý; Thạc sĩ Giáo dục và Phát triển cộng đồng 01/2018	x	Ứng dụng A	Giấy chứng nhận Tiếng Anh B1 8/2015 (ĐH Thái Nguyên)	x			Tiếng Anh	
142	Hoàng Minh Toàn	26/02/1971		Hiệu trưởng	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	Hiệu trưởng; giảng dạy môn tiếng Anh	x	4,98	V.07.05.15	Cao đẳng sư phạm Vật lý; Đại học ngành tiếng anh; Thạc sĩ Quản lý giáo dục	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Pháp B	x			Tiếng Pháp	
143	Bùi Thái Hiền	24/02/1982		Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	Phó Hiệu trưởng; Giáo viên dạy môn Vật lý	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư Phạm ngành Vật lý - Kỹ thuật công nghiệp; Thạc sĩ Vật lý	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1	x		x		
144	Đào Văn Dương	25/05/1972		Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	Phó Hiệu trưởng; GV môn Hóa học	x	4,65	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa học; Thạc sĩ quản lý giáo dục	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận Tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	

Ng

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTD cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
145	Đào Minh Huân	02/02/1978		Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa; Thạc sĩ Hóa phân tích	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận Tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	
146	Phạm Bá Khanh	11/10/1982		Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
147	Nguyễn Thị Nhung		31/05/1979	Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận Tiếng Anh B1; tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
148	Nguyễn Thế Thắng	09/5/1983		Giáo viên; Bí thư Đoàn trường	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
149	Trần Thị Hương		10/01/1978	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Toán	x	Ứng dụng B	Chứng nhận Tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	
150	Nguyễn Thị Ngọc Diệp		02/12/1979	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
151	Nguyễn Thị Liên		30/05/1977	Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy môn Giáo dục công dân	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Tâm lý giáo dục; Thạc sĩ lý luận và phương pháp dạy học lý luận chính trị	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng nhận Tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	
152	Phạm Thị Lượng		30/08/1978	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy môn Lịch sử	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Lịch sử	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
153	Nguyễn Thị Huy Hoàng		29/08/1981	Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy môn Tin	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Tin học	x	Đại học Sư phạm Tin học, Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x	x	x		
154	Nguyễn Thị Song Thương		01/05/1977	Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy môn Vật lý	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Vật Lý; Thạc sĩ Vật lý	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng nhận Tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	
155	Nguyễn Thị Nga		20/11/1983	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ Văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1	x		x		
156	Khổng Thị Thủy Hồng		11/02/1985	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1	x		x		
157	Đoàn Mạnh Cường	03/01/1977		Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy môn Công nghệ	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm kỹ thuật	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
158	Nguyễn Văn Toàn	08/10/1978		Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy môn Toán	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Sư phạm Toán học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1	x		x		
159	Đinh Thị Hương		17/5/1982	Giáo viên	Trường THPT Phạm Ngũ Lão	Giáo viên dạy môn Sinh học	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Sinh-Kỹ thuật nông nghiệp; Thạc sĩ Khoa Học Giáo Dục Lý luận và phương pháp dạy bộ môn sinh học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1 6/2018	x			Tiếng Anh	
160	Lại Thu Hà		03/10/1982	Giáo viên	Trường THPT Phạm Ngũ Lão	Giáo viên dạy môn Công nghệ	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Kỹ thuật	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
161	Lại Thị Hải Hậu		10/8/1980	Giáo viên	Trường THPT Phạm Ngũ Lão	Giáo viên dạy môn Vật lý	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm vật lý; Thạc sĩ Vật lý	x	Ứng dụng B	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1 11/2017	x			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/ CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/ GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
162	Nguyễn Thị Hiền		05/02/1984	Giáo viên	Trường THPT Phạm Ngũ Lão	Giáo viên dạy môn Công nghệ	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
163	Nguyễn Thị Thanh Huyền		27/10/1971	Giáo viên	Trường THPT Phạm Ngũ Lão	Giáo viên dạy môn Giáo dục công dân	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm ngành Chính trị học; Đại học Luật	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B2 01/2016	x			Tiếng Anh	
164	Phạm Thị Thu Hằng		04/8/1972	Giáo viên	Trường THPT Phạm Ngũ Lão	Giáo viên dạy môn Ngữ Văn	x	4,98	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ Văn; Thạc sĩ ngành văn học Việt Nam	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B2 12/2015	x			Tiếng Anh	
165	Nguyễn Đồng Nghĩa	19/9/1981		Giáo viên	Trường THPT Phạm Ngũ Lão	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ quản lý giáo dục	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1 3/2014	x		x		
166	Nguyễn Thị Mai		18/9/1981	Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Phạm Ngũ Lão	Giáo viên dạy môn Vật lý	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Vật lý; Thạc sĩ Vật lý	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1 8/2018	x			Tiếng Anh	
167	Phạm Thị Miên		08/12/1982	Giáo viên	Trường THPT Phạm Ngũ Lão	Giáo viên dạy môn Thể dục	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Giáo dục thể chất	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
168	Nguyễn Thu Phương		02/7/1984	Giáo viên	Trường THPT Phạm Ngũ Lão	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Toán học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1 9/2012	x		x		
169	Vũ Thu Thủy		19/02/1973	Giáo viên	Trường THPT Phạm Ngũ Lão	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	4,98	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa học; Thạc sĩ Hóa học	x	Ứng dụng B	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1 11/2017	x			Tiếng Anh	
170	Lê Thu Trang		29/11/1978	Giáo viên	Trường THPT Phạm Ngũ Lão	Giáo viên dạy môn Lịch sử	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Lịch sử; Thạc sĩ Lịch sử Việt Nam	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1 6/2018	x			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
171	Nguyễn Thị Hồng Thương		12/5/1982	Giáo viên	Trường THPT Phạm Ngũ Lão	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm; Toán; Thạc sĩ Toán học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1 11/2017	x			Tiếng Anh	
172	Vương Đình Hường	06/12/1976		Hiệu trưởng, giáo viên	Trường THPT Quang Trung	Giáo viên dạy môn Vật lý	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Lý - Kỹ thuật công nghiệp; Thạc sĩ quản lý giáo dục	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh TB B1	x		x		
173	Đoàn Văn Toàn	29/10/1979		Phó Hiệu trưởng, giáo viên	Trường THPT Quang Trung	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Hóa học; Thạc sĩ Sư phạm Hóa học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1	x		x		
174	Ngô Văn Tuyền	02/01/1980		Phó Hiệu trưởng, giáo viên	Trường THPT Quang Trung	Giáo viên dạy môn Sinh học	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Sinh học; Thạc sĩ quản lý giáo dục	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	
175	Nguyễn Thị Hoài Thu		05/6/1978	Tổ trưởng chuyên môn, giáo viên	Trường THPT Quang Trung	Giáo viên dạy môn Ngữ Văn	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ Ngôn ngữ và Văn hóa Việt Nam	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	
176	Nông Thị Kim Chung		13/12/1983	Giáo viên	Trường THPT Quang Trung	Giáo viên dạy môn Lịch sử	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Lịch sử	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
177	Nguyễn Thị Thu Hà		25/12/1980	Tổ phó chuyên môn, Giáo viên	Trường THPT Quang Trung	Giáo viên dạy môn Vật lý	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Vật lý; Thạc sĩ Vật lý	x	Ứng dụng B	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	
178	Lê Thị Mai Dung		20/01/1984	Giáo viên	Trường THPT Quang Trung	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Phương pháp Toán sơ cấp	x	Ứng dụng B	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	
179	Nguyễn Thị Hằng		18/11/1977	Giáo viên	Trường THPT Quang Trung	Giáo viên dạy môn Ngữ Văn	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ Văn học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1	x		x		

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
180	Nguyễn Thanh Hải		12/10/1985	Giáo viên	Trường THPT Quang Trung	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa học; Thạc sĩ Hóa học	x	Ứng dụng B	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	
181	Nguyễn Thị Linh		24/9/2019	Tổ phó chuyên môn, giáo viên	Trường THPT Quang Trung	Giáo viên dạy môn Địa lý	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Địa lý; Thạc sĩ Địa lý	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1	x		x		
182	Nguyễn Thị Minh Huệ		14/12/1979	Giáo viên	Trường THPT Quang Trung	Giáo viên dạy môn Toán	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	
183	Nguyễn Thị Nhung		19/02/1983	Giáo viên	Trường THPT Quang Trung	Giáo viên dạy môn Ngữ Văn	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
184	Vũ Thị Hoài Thu		05/11/1977	Giáo viên	Trường THPT Quang Trung	Giáo viên dạy môn Ngữ Văn	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
185	Phạm Thị Phụng		02/10/1981	Giáo viên	Trường THPT Quang Trung	Giáo viên dạy môn Ngữ Văn	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ Ngôn ngữ	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh bậc 3/6	x		x		
186	Trịnh Thủy Dương		25/8/1976	Giáo viên	Trường THPT Quang Trung	Giáo viên dạy môn Ngữ Văn	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ Ngôn ngữ	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	
187	Bùi Trọng Quyết	24/5/1979		Giáo viên	Trường THPT Quang Trung	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Toán	x	Ứng dụng A	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	
188	Nguyễn Minh Quý	03/08/1975		Hiệu trưởng	Trường THPT Trần Nguyên Hãn	Hiệu trưởng; Giáo viên dạy môn Hóa học	x	4,65	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa; Thạc sĩ Quản lý giáo dục	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học ngành ngôn ngữ Anh	x		x		

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
189	Phạm Huy Bình	25/10/1980		Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Trần Nguyên Hãn	Phó Hiệu trưởng; Giáo viên dạy môn Toán	x	3,66	V.07.05.16	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Toán học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học ngành ngôn ngữ Anh	x		x		
190	Nguyễn Thị Thanh Vân		21/09/1981	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Trần Nguyên Hãn	Tổ trưởng chuyên môn; giáo viên dạy môn Toán	x	3,66	V.07.05.16	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Sư phạm Toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học ngành ngôn ngữ Anh	x		x		
191	Nguyễn Thị Trắng		15/03/1981	Giáo viên	Trường THPT Trần Nguyên Hãn	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán - Tin học; Thạc sĩ Toán học	x	Đại học SP Toán Tin học	Giấy chứng nhận năng lực Tiếng Anh B1 3/2017	x	x		Tiếng Anh	
192	Đào Thị Khánh Vân		05/10/1975	Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Trần Nguyên Hãn	Tổ phó chuyên môn; Giáo viên dạy môn Toán	x	5	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Toán học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Tiếng Anh	x		x		
193	Nguyễn Thị Bích Liên		12/07/1978	Giáo viên	Trường THPT Trần Nguyên Hãn	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,66	V.07.05.16	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực Tiếng Anh B1 3/2017	x			Tiếng Anh	
194	Vũ Minh Thìn	06/6/1975		Giáo viên	Trường THPT Trần Nguyên Hãn	Giáo viên dạy môn Vật lý	x	4,65	V.07.05.15	Đại học SP ngành Vật lý	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
195	Phạm Thị Ngọc Lan		19/05/1981	Giáo viên	Trường THPT Trần Nguyên Hãn	Giáo viên dạy môn Vật lý	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm ngành Vật lý; Thạc sĩ Vật lý	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực Tiếng Anh B1 11/2017	x			Tiếng Anh	
196	Ngô Quý Cẩn	13/08/1983		Giáo viên	Trường THPT Trần Nguyên Hãn	Giáo viên dạy môn Vật lý	x	3,33	V.07.05.15	Thạc sĩ ngành Sư phạm Vật lý	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực Tiếng Anh B1 3/2014	x			Tiếng Anh	

Kg

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
197	Trần Bảo Trung	28/06/1979		Giáo viên	Trường THPT Trần Nguyên Hãn	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa; Thạc sĩ Sư phạm Hóa học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực Tiếng Anh B1 3/2014, Tiếng Anh C	x			Tiếng Anh	
198	Phạm Thị Thúy Lan		16/3/1979	Giáo viên	Trường THPT Trần Nguyên Hãn	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa học; Thạc sĩ Hóa học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực Tiếng Anh B1 11/2017	x			Tiếng Anh	
199	Nguyễn Thị Diệp		13/11/1982	Giáo viên	Trường THPT Trần Nguyên Hãn	Giáo viên giảng dạy môn Hóa học	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa; Thạc sĩ ngành Hóa học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1 4/2015	x		x		
200	Nguyễn Thị Thanh		01/09/1981	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Trần Nguyên Hãn	Tổ trưởng chuyên môn; Giáo viên dạy môn Địa lý	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Địa lý; Thạc sĩ Địa lý học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1 5/2016	x		x		
201	Trịnh Thị Thu Huyền		01/09/1984	Giáo viên	Trường THPT Trần Nguyên Hãn	Giáo viên dạy môn Địa lý	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Địa lý; Thạc sĩ Địa lý học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1 5/2016	x		x		
202	Nguyễn Thị Thành		22/06/1978	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Trần Nguyên Hãn	Tổ trưởng tổ chuyên môn; Giáo viên dạy môn Ngữ Văn	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ Ngữ văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
203	Tạ Xuân Hòa	10/8/1981		Phó hiệu trưởng	Trường THPT Ngô Quyền	Phó hiệu trưởng; Giáo viên dạy môn Toán học	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm ngành Toán - Tin học; Thạc sĩ ngành Sư phạm Toán 11/2010	x	Đại học SP Toán tin học	Tiếng Anh C	x	x	x		

kg

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
204	Hoàng Thế Mỹ	29/7/1974		Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Ngô Quyền	Tổ trưởng chuyên môn; giáo viên dạy môn Hóa học	x	4,65	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh bậc 2 (A2)	x			Tiếng Anh	
205	Nguyễn Thị Tuyết Nhung		25/11/1979	Giáo viên	Trường THPT Ngô Quyền	Giáo viên dạy môn Toán học	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm ngành Toán học; Thạc sĩ Sư phạm Toán học 2/2005	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1 Châu Âu 7/2019 (Cambridge E British council)	x		x		
206	Hoàng Thủy Nguyên		28/3/1984	Giáo viên	Trường THPT Ngô Quyền	Giáo viên dạy môn Toán học	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán học; Thạc sĩ ngành Sư phạm Toán 11/2011	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B2 Châu Âu 7/2019 (Cambridge E British council)	x		x		
207	Đỗ Đình Phá	20/4/1980		Giáo viên	Trường THPT Ngô Quyền	Giáo viên dạy môn Vật lý	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm ngành Vật lý; Thạc sĩ Vật lý 12/2006	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh bậc 2 (A2) 12/2018	x			Tiếng Anh	
208	Bùi Thị Thanh Hoa		31/7/1985	Giáo viên	Trường THPT Ngô Quyền	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán học; Thạc sĩ Sư phạm Toán 5/2013	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2 Châu Âu 7/2018 (Cambridge assessment E)	x			Tiếng Anh	
209	Trần Quốc Ân	25/11/1975		Giáo viên	Trường THPT Ngô Quyền	Giáo viên dạy môn Vật lý	x	4,65	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Vật lý; Thạc sĩ Sư phạm Vật lý 6/2015	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1 Châu Âu 6/2014	x		x		
210	Khiếu Thị Hương Chi		22/5/1980	Giáo viên	Trường THPT Ngô Quyền	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa học; Thạc sĩ Hóa học 4/2006	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1 Châu Âu 7/2019 (Cambridge E British council)	x		x		

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
211	Trần Tăng Hữu	14/01/1980		Tổ phó chuyên môn, chủ tịch công đoàn	Trường THPT Ngô Quyền	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán học; Thạc sĩ Sư phạm Toán học 2/2005	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2 11/2018	x			Tiếng Anh	
212	Phùng Thị Hạnh		11/11/1976	Giáo viên	Trường THPT Ngô Quyền	Giáo viên dạy môn Tiếng Anh	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm tiếng Anh; Thạc sĩ Khoa học ngành Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Trung B	x			Tiếng Trung	
213	Đoàn Thị Hằng		17/3/1983	Giáo viên	Trường THPT Ngô Quyền	Giáo viên dạy môn Địa lý	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Địa lý; Thạc sĩ Sư phạm Địa lý học 01/2018	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1 Châu Âu (8/2016)	x		x		
214	Vũ Văn Bằng	25/02/1977		Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Ngô Quyền	Tổ trưởng chuyên môn; Giáo viên dạy môn Toán	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Toán học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2 11/2018	x			Tiếng Anh	
215	Trần Tô Nga		11/01/1977	Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Ngô Quyền	Tổ phó chuyên môn; Giáo viên dạy môn Toán	x	4,65	V.07.05.15	Đại học Sư phạm ngành Toán - tin; Thạc sĩ Sư phạm Toán 6/2015	x	Đại học Toán - Tin	Tiếng Anh B1 Châu Âu	x	x	x		
216	Đậu Thị Hải Vân		27/4/1980	Bí thư Đoàn TN	Trường THPT Ngô Quyền	Bí thư Đoàn trường; Giáo viên dạy môn Lịch Sử	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Lịch sử; Thạc sĩ Sư phạm Lịch sử 5/2013	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
217	Đoàn Ngọc Hải	05/8/1974		Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Ngô Quyền	Tổ phó chuyên môn; Giáo viên dạy môn Thể dục	x	4,65	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Giáo dục thể chất	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2 11/2018	x			Tiếng Anh	
218	Phạm Thị Mai Anh		30/10/1980	Giáo viên	Trường THPT Ngô Quyền	Giáo viên dạy môn Toán học	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán học; Thạc sĩ Sư phạm Toán học 2/2005	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2 11/2018	x			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
219	Trương Thị Thanh Vân		02/10/1978	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Ngô Quyền	Tổ trưởng chuyên môn; Giáo viên dạy môn Giáo dục công dân	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Giáo dục công dân; Thạc sĩ Quản lý Giáo dục 01/2018	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1 Châu Âu 8/2015 (ĐHTN)	x			Tiếng Anh	
220	Tô Thị Chuyên		28/8/1976	Giáo viên	Trường THPT Ngô Quyền	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa; Thạc sĩ Hóa học 4/2006	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2 11/2018	x			Tiếng Anh	
221	Nguyễn Thị Ngọc Hà		16/5/1982	Giáo viên	Trường THPT Ngô Quyền	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ Sư phạm Ngữ văn 11/2011	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
222	Nguyễn Thị Hoài		29/10/1984	Giáo viên	Trường THPT Ngô Quyền	Giáo viên dạy môn Địa lý	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Địa lý; Thạc sĩ Sư phạm Địa lý học 01/2018	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1 Châu Âu 8/2016	x		x		
223	Nguyễn Thị Thu Hà		03/6/1979	Giáo viên	Trường THPT Ngô Quyền	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán học; Thạc sĩ Sư phạm Toán học 2/2005	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1 Châu Âu 6/2014	x		x		
224	Nguyễn Thị Tuyết		25/7/1971	Tổ phó chuyên môn; Giáo viên	Trường THPT Ngô Quyền	Tổ phó chuyên môn; Giáo viên dạy môn Địa lý	x	4,98 + VK6%	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Địa lý	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học tiếng Anh	x		x		
225	Phan Thị Tuyết		11/12/1980	Giáo viên	Trường THPT Ngô Quyền	Giáo viên dạy môn Sinh học	x	3,99	V.07.05.15	- Đại học Sư phạm ngành Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
226	Vũ Lữ Hoàng Anh		29/9/1980	Giáo viên	Trường THPT Ngô Quyền	Giáo viên dạy môn Vật lý	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm ngành Vật lý - Tin học; Thạc sĩ Sư phạm Khoa học vật chất 12/2017	x	Đại học Tin	Tiếng Anh tương đương B1 Châu Âu	x	x	x		
227	Đoàn Thu Ngọc		13/9/1981	Giáo viên	Trường THPT Ngô Quyền	Giáo viên dạy môn Tin học	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Tin học; Thạc sĩ Khoa học Công nghệ thông tin 7/2017	x	Đại học Tin	Tiếng Anh B1 Châu Âu	x	x	x		
228	Đinh Thị Hương		26/6/1976	Giáo viên	Trường THPT Ngô Quyền	Giáo viên dạy môn Vật lý	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Vật lý; Thạc sĩ Sư phạm Vật lý 6/2015	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1 Châu Âu	x		x		
229	Tổng Công Thương	25/12/1977		Hiệu trưởng	Trường THPT Tô Hiệu	Hiệu trưởng; Giáo viên dạy môn Vật lý	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Vật lý; Thạc sĩ Quản lý giáo dục	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1 (ĐH Thái Nguyên)	x			Tiếng Anh	
230	Phạm Văn Thiết	01/08/1975		Phó hiệu trưởng	Trường THPT Tô Hiệu	Phó Hiệu trưởng; Giáo viên dạy môn Hóa học	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa; Thạc sĩ Hóa học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1	x		x		
231	Nguyễn Thanh Tùng	22/12/1980		Phó hiệu trưởng	Trường THPT Tô Hiệu	Phó Hiệu trưởng; Giáo viên dạy môn Toán	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Toán học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1	x		x		
232	Nguyễn Xuân Sinh	07/12/1975		Tổ phó CM, Giáo viên	Trường THPT Tô Hiệu	Giáo viên dạy môn Thể dục	x	4,65	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Giáo dục thể chất	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
233	Vương Thị Thu Dung		20/08/1976	Tổ phó CM, Giáo viên	Trường THPT Tô Hiệu	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2	x			Tiếng Anh	

ng

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
234	Phạm Lan Hương		12/11/1977	Giáo viên	Trường THPT Tô Hiệu	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2	x			Tiếng Anh	
235	Hoàng Văn Tuấn	02/08/1977		Giáo viên	Trường THPT Tô Hiệu	Giáo viên dạy môn Thể dục	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Giáo dục thể chất	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
236	Nguyễn Thị Sao		07/02/1977	Giáo viên	Trường THPT Tô Hiệu	Giáo viên dạy môn Giáo dục công dân	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Giáo dục chính trị; Thạc sĩ KHGD lý luận và phương pháp giảng dạy giáo dục chính trị	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh TB B1	x		x		
237	Vũ Thị Sơn		10/04/1978	Tổ Phó CM, Giáo viên	Trường THPT Tô Hiệu	Giáo viên dạy môn Vật lý	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Vật lý - Kỹ thuật công nghiệp	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
238	Bùi Công Hoan	18/03/1980		Giáo viên; Bí thư Đoàn trường	Trường THPT Tô Hiệu	Giáo viên dạy môn Thể dục - Quốc phòng	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Thể dục thể thao	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
239	Trịnh Thị Luyện		21/08/1981	Giáo viên	Trường THPT Tô Hiệu	Giáo viên dạy môn Giáo dục công dân	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Giáo dục chính trị	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2	x			Tiếng Anh	
240	Vũ Văn Tấn	10/9/1982		Giáo viên	Trường THPT Tô Hiệu	Giáo viên dạy môn Thể dục - Quốc phòng	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Giáo dục thể chất	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
241	Nguyễn Thị Thủy		04/04/1980	Giáo viên	Trường THPT Tô Hiệu	Giáo viên dạy môn Lịch sử	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Lịch sử	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
242	Nguyễn Thị Hồng		05/9/1978	Giáo viên	Trường THPT Tô Hiệu	Giáo viên dạy môn Lịch sử	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Lịch sử	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
243	Đặng Thị Mai		05/12/1985	Giáo viên	Trường THPT Tô Hiệu	Giáo viên dạy môn Sinh học	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Sinh học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
244	Đặng Văn Cường	10/8/1981		Giáo viên	Trường THPT Hồng Bàng	Giáo viên dạy môn Tin học	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Tin học; Thạc sĩ công nghệ thông tin 2017	x	Thạc sĩ công nghệ thông tin	Tiếng Anh B1	x	x	x		
245	Phạm Thị Thanh Lan		13/9/1980	Giáo viên	Trường THPT Hồng Bàng	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
246	Phạm Hải Ninh	27/8/1973		Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Hồng Bàng	Giáo viên dạy môn Tin học	x	4,65	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Tin học; Thạc sĩ khoa học máy tính 2015	x	Thạc sĩ khoa học máy tính	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1	x	x		Tiếng Anh	
247	Nguyễn Huyền Trang		02/9/1983	Giáo viên	Trường THPT Hồng Bàng	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,66	V.07.05.15	Đại học sư phạm Toán; Thạc sĩ Sư phạm Toán 2013	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2	x			Tiếng Anh	
248	Lâm Thị Kiều		24/10/1977	Giáo viên	Trường THPT Hồng Bàng	Giáo viên dạy môn Lịch sử	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Lịch sử	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh bậc 3/6	x		x		
249	Đặng Phương Thảo		26/01/1981	Giáo viên	Trường THPT Hồng Bàng	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,99	V.07.05.15	Thạc sĩ Sư phạm Ngữ văn; Tiến sĩ Văn học	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B2	x		x		
250	Trần Thị Thu Hà		21/10/1974	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Hồng Bàng	Giáo viên dạy môn Giáo dục công dân	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Giáo dục chính trị	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
251	Tạ Thị Thuý Hằng		09/3/1978	Giáo viên	Trường THPT Hồng Bàng	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa học; Thạc sĩ Hóa phân tích 2017	x	Ứng dụng B	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	
252	Vũ Thị Thuý Dung		10/7/1984	Giáo viên	Trường THPT Hồng Bàng	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán - Tin học; Thạc sĩ Phương pháp Toán sơ cấp	x	Đại học Toán - Tin học	Tiếng Anh tương đương B1	x	x	x		

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
253	Lê Quý Thuận	28/9/1975		Giáo viên	Trường THPT Hồng Bàng	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm ngành Hóa học; Thạc sĩ Hóa học 2012	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1	x		x		
254	Trần Thị Thu Thủy		27/11/1978	Giáo viên	Trường THPT Hồng Bàng	Giảng dạy môn Toán	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán học; Thạc sĩ Toán học 2015	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh tương đương B1	x		x		
255	Đồng Thị Nhung		02/7/1980	Giáo viên	Trường THPT Hồng Bàng	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa; Thạc sĩ Hóa 2017	x	Ứng dụng B	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	
256	Phạm Văn Thìn	15/5/1977		Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Hồng Bàng	Giáo viên môn Thể dục	x	4,65	V.07.05.15	Đại học Sư phạm giáo dục thể chất	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	
257	Đào Thị Yên		07/12/1974	Giáo viên	Trường THPT Hồng Bàng	Giáo viên dạy môn Vật lý	x	4,65	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Vật lý	x	Đại học Tin học	Đại học tiếng Anh	x	x	x		
258	Tô Trung Tuyền	01/10/1980		Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Hồng Bàng	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2	x			Tiếng Anh	
259	Nguyễn Thị Minh Ngọc		05/11/1985	Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Hồng Bàng	Giáo viên dạy môn Sinh học	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Sinh học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2	x			Tiếng Anh	
260	Trần Thị Dung		23/02/1979	Giáo viên	Trường THPT Hồng Bàng	Giáo viên dạy môn Vật lý	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Vật lý	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
261	Chu Thị Hải Yến		25/02/1982	Giáo viên	Trường THPT Hồng Bàng	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán	x	Ứng dụng B	Giấy chứng nhận tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	
262	Phạm Ngọc Huyền My		21/8/1978	Giáo viên	Trường THPT Hồng Bàng	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		

Ng

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
263	Bùi Hồng Hưng	20/02/1978		Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Nguyễn Trãi	Phó Hiệu trưởng; Giáo viên dạy môn Toán	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Sư phạm Toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
264	Nguyễn Thị Xuân Thảo		11/8/1980	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Nguyễn Trãi	Phó hiệu trưởng; Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ Sư phạm Ngữ văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
265	Nguyễn Thị Hồng Liên		16/08/1976	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Trãi	Giáo viên dạy môn Toán	x	4,65	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán - Tin	x	Đại học SP Toán-Tin	Tiếng Anh B1	x	x	x		
266	Nguyễn Thị Hồng Hạnh		16/10/1978	Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Trãi	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Sư phạm Toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1 02/2014 (ĐHNN)	x			Tiếng Anh	
267	Bùi Xuân Hậu	20/07/1980		Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Trãi	Giáo viên dạy môn Vật lí	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Vật lí - Kỹ thuật; Thạc sĩ Sư phạm Vật lí	x	Đại học SP Tin	Tiếng Anh B1	x	x	x		
268	Nguyễn Thị Oanh		07/10/1977	Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Trãi	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa học; Thạc sĩ Hóa học	x	Ứng dụng B	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1 11/2017	x			Tiếng Anh	
269	Mạc Thành Trung	27/04/1983		Giáo viên; Bí thư Đoàn trường	Trường THPT Nguyễn Trãi	Giáo viên dạy môn Thể dục	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Giáo dục thể chất	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1	x		x		
270	Lê Thị Hồng Thủy		25/10/1978	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Trãi	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Sư phạm Toán	x	Ứng dụng A	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/ CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/ GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
271	Nguyễn Thị Kim Út		07/02/1976	Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Trãi	Giáo viên dạy môn tiếng Anh	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm tiếng Anh	x	Ứng dụng A	Tiếng Trung B	x			Tiếng Trung	
272	Vũ Văn Huy	07/10/1980		Hiệu trưởng	Trường THPT Hải An	Hiệu trưởng; Giáo viên dạy môn Vật lý	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Vật lý; Thạc sĩ Quản lý giáo dục	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
273	Nguyễn Kim Tuyên	12/4/1985		Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Hải An	Giáo viên dạy môn Thể dục	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Thể dục thể thao; Thạc sĩ Quản lý giáo dục	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1 8/2016	x		x		
274	Đỗ Thị Hải Yến		27/07/1981	Giáo viên	Trường THPT Hải An	Giáo viên dạy môn Vật lý	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Vật lý; Thạc sĩ Sư phạm Vật lý	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1 5/2013	x		x		
275	Nguyễn Mai Phương		12/12/1981	Giáo viên	Trường THPT Hải An	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ Văn học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
276	Nguyễn Thị Tuyết Nhung		08/11/1984	Giáo viên	Trường THPT Hải An	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Phương pháp Toán sơ cấp	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1 8/2015	x			Tiếng Anh	
277	Đặng Thị Mai		11/01/1981	Giáo viên	Trường THPT Hải An	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
278	Nguyễn Thị Hằng		15/10/1980	Giáo viên	Trường THPT Hải An	Giáo viên dạy môn Vật lý	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Vật lý - Kỹ thuật công nghiệp; Thạc sĩ Vật lý	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1 11/2017	x			Tiếng Anh	
279	Dương Thị Hải Yến		20/7/1984	Giáo viên	Trường THPT Hải An	Giáo viên dạy môn tiếng Anh	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm tiếng Anh; Thạc sĩ Quản lý giáo dục	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Trung B	x			Tiếng Trung	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
280	Nguyễn Thị Hoa Đào		11/03/1974	Giáo viên	Trường THPT Hải An	Giáo viên dạy môn Tin học	x	4,65	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Tin học; Đại học Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp	x	Đại học SP Tin học	Tiếng Anh C	x	x	x		
281	Vũ Thị Minh Lý		09/05/1982	Giáo viên	Trường THPT Hải An	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1	x		x		
282	Vũ Thị Bích Tần		28/01/1974	Giáo viên	Trường THPT Hải An	Giáo viên dạy môn Sinh học	x	4,65	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học tiếng Anh	x		x		
283	Đỗ Văn Đại	23/5/1978		Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Kiến An	Phó Hiệu trưởng; Giáo viên dạy môn Toán	x	4,32	V.07.15.05	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Sư phạm Toán học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2	x			Tiếng Anh	
284	Cao Thị Vân		30/9/1978	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Kiến An	Phó Hiệu trưởng; Giáo viên dạy môn Hóa học	x	3,66	V.07.15.05	Đại học Sư phạm Hoá; Thạc sĩ Hoá học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh TĐ B1	x		x		
285	Lưu Mỹ	22/4/1979		Giáo viên	Trường THPT Kiến An	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,99	V.07.15.05	Đại học Sư phạm Toán học; Thạc sĩ Toán học 8/2018	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh TĐ B1	x		x		
286	Bùi Thị Toàn		09/11/1975	Giáo viên; Chủ tịch công đoàn	Trường THPT Kiến An	Chủ tịch công đoàn; Giáo viên dạy môn Toán	x	4,65	V.07.15.05	Đại học sư phạm Toán; Thạc sĩ Quản lý giáo dục	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh TĐ B1	x		x		
287	Trần Thị Dung		27/07/1987	Giáo viên	Trường THPT Kiến An	Giáo viên dạy môn Toán	x	3	V.07.15.05	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Toán học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh TĐ B1	x		x		
288	Nguyễn Thị Thu Hương		08/11/1978	Giáo viên	Trường THPT Kiến An	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,66	V.07.15.05	Thạc sĩ sư phạm Toán; Đại học sư phạm Toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh bậc 3/6	x		x		

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTD cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
289	Lương Minh Tiến	31/01/1974		Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Kiến An	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	4,32	V.07.15.05	Đại học Sư phạm Ngữ Văn; Thạc sĩ văn học Việt Nam	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh TĐ B2	x		x		
290	Bùi Thị Hà Phương		07/01/1982	Giáo viên	Trường THPT Kiến An	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,66	V.07.15.05	Đại học Sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh bậc 3/6	x		x		
291	Nguyễn Thị Bích Phượng		07/10/1981	Giáo viên	Trường THPT Kiến An	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,99	V.07.15.05	Đại học Sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh bậc 3/6	x		x		
292	Nguyễn Thanh Nga		03/11/1978	Giáo viên	Trường THPT Kiến An	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,99	V.07.15.05	Đại học Sư phạm Ngữ Văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1	x		x		
293	Trần Thị Mai Thanh		20/06/1979	Giáo viên	Trường THPT Kiến An	Giáo viên dạy môn Vật lý	x	3,66	V.07.15.05	Đại học Sư phạm Lý - Kỹ thuật công nghiệp; Thạc sĩ Vật lý	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận Tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	
294	Lê Trung Kiên	31/07/1982		Giáo viên	Trường THPT Kiến An	Giáo viên dạy môn Vật lý	x	3,66	V.07.15.05	Đại học Sư phạm Vật lý	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh TĐ B1	x		x		
295	Bùi Thị Hồng Gấm		03/05/1976	Giáo viên	Trường THPT Kiến An	Giáo viên dạy môn Tiếng Anh	x	4,32	V.07.15.05	Đại học Sư phạm Tiếng Anh	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Trung C	x		x		
296	Nguyễn Thị Hưng		18/04/1976	Giáo viên	Trường THPT Kiến An	Giáo viên dạy môn Địa lý	x	3,99	V.07.15.05	Đại học Sư phạm Địa lý	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh bậc 2/6	x			Tiếng Anh	
297	Nguyễn Thị Thủy		11/09/1977	Giáo viên	Trường THPT Kiến An	Giáo viên dạy môn Địa lý	x	4,32	V.07.15.05	Đại học Sư phạm Địa lý	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh bậc 2/6	x			Tiếng Anh	
298	Bùi Thị Thủy		27/12/1978	Giáo viên	Trường THPT Kiến An	Giáo viên dạy môn Sinh học	x	3,99	V.07.15.05	Đại học Sư phạm Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2-khung năng lực 6 bậc	x			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
299	Bùi Thị Thu Hà		26/09/1979	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Kiến An	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	3,99	V.07.15.05	Đại học Sư phạm Hóa học; Thạc sĩ sư phạm Hoá học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2- khung năng lực 6 bậc	x			Tiếng Anh	
300	Bùi Hưng Đạo	22/12/1984		Giáo viên	Trường THPT Kiến An	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	3,66	V.07.15.05	Đại học Sư phạm Hóa học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
301	Nguyễn Thị Thúy Bích		15/05/1970	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Kiến An	Giáo viên dạy môn Thể dục	x	4,98	V.07.15.05	Cao đẳng Sư phạm Thể dục; Đại học thể dục thể thao	x	Đại học SP Tin học	Tiếng Anh bậc 2/6	x	x		Tiếng Anh	
302	Trần Thị Hiền		22/9/1985	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Đồ Sơn	Giáo viên dạy môn Địa lý	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Địa lý; Thạc sĩ Sư phạm Địa lý học 2018	x	Ứng dụng B	Đại học Tiếng Anh	x		x		
303	Nguyễn Thị Hương		14/3/1977	Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Đồ Sơn	Giáo viên dạy môn Lịch sử	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Lịch sử	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh C	x		x		
304	Vũ Thị Trâm		13/02/1982	Giáo viên	Trường THPT Đồ Sơn	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ Văn học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C; Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1,	x		x		
305	Phạm Văn Chiến	20/02/1983		Giáo viên	Trường THPT Đồ Sơn	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa học; Thạc sĩ Sư phạm Hóa học	x	Ứng dụng B	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	
306	Trần Văn Hào	19/11/1972		Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Đồ Sơn	Giáo viên dạy môn Công nghệ	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Điện tử; Thạc sĩ tự động hóa 2012	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh C	x		x		
307	Nguyễn Thị Hồng		09/3/1988	Giáo viên	Trường THPT Đồ Sơn	Giáo viên dạy môn Vật lý	x	3	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Vật lý	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B1	x		x		

kg

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTD cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
308	Hoàng Thị Mỹ Hòa		05/6/1982	Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Đồ Sơn	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán học; Thạc sĩ Toán học	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh bậc 3/6 (ĐHHP)	x		x		
309	Nguyễn Thanh Hòa		16/11/1982	Giáo viên	Trường THPT Đồ Sơn	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa; Thạc sĩ ngành Hóa học 2018;	x	Ứng dụng B	Chứng nhận năng lực tiếng Anh B1	x		x		
310	Lưu Minh Dự		13/8/1988	Giáo viên	Trường THPT Đồ Sơn	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ Văn học VN 2017	x	Ứng dụng B	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	
311	Nguyễn Minh Tứ	12/11/1984		Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Đồ Sơn	Giáo viên dạy môn Vật lý	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Vật lý; Thạc sĩ SP ngành Khoa học giáo dục 2018	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B1	x		x		
312	Nguyễn Văn Toàn	12/01/1980		Giáo viên	Trường THPT Đồ Sơn	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa; Thạc sĩ Hóa học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	
313	Nguyễn Thị Lan Phương		11/3/1976	Giáo viên	Trường THPT Đồ Sơn	Giáo viên dạy môn Thể dục	x	4,65	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Giáo dục thể chất	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
314	Nguyễn Thị Ngoan		02/4/1982	Giáo viên	Trường THPT Đồ Sơn	Giáo viên dạy môn Giáo dục công dân	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Giáo dục chính trị	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
315	Phạm Thị Phương		20/6/1985	Giáo viên	Trường THPT Đồ Sơn	Giáo viên dạy môn Thể dục	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Giáo dục thể chất	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
316	Đào Thị Hương		26/7/1976	Giáo viên	Trường THPT Đồ Sơn	Giáo viên dạy môn Lịch sử	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Lịch sử	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
317	Phạm Thị Lý		09/5/1986	Giáo viên	Trường THPT Đồ Sơn	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh C	x		x		

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
318	Ngô Hồng Tân	21/06/1978		Hiệu trưởng	Trường THPT Kiến Thụy	Hiệu trưởng; giảng dạy môn Toán	x	3,99	V07.05.15	Đại học Sư phạm Toán	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B1	x		x		
319	Nguyễn Văn Thành	24/04/1976		Phó hiệu trưởng	Trường THPT Kiến Thụy	Phó hiệu trưởng; giảng dạy môn Thể dục	x	4,32	V07.05.15	Đại học Sư phạm Thể dục thể thao	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
320	Phùng Thị Hạnh		10/08/1978	Phó hiệu trưởng	Trường THPT Kiến Thụy	Phó hiệu trưởng; giảng dạy môn Vật lý	x	3,99	V07.05.15	Đại học Sư phạm Vật lý; Thạc sĩ Lý luận và PP dạy bộ môn Vật lý	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1 (ĐH Thái Nguyên)	x			Tiếng Anh	
321	Nguyễn Thị Hồng Nhung		25/11/1981	Phó hiệu trưởng	Trường THPT Kiến Thụy	Phó hiệu trưởng; Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,66	V07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1 (ĐH Thái Nguyên); tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
322	Nguyễn Thị Thu Huệ		19/8/1979	Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Kiến Thụy	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,99	V07.05.15	Đại học Sư phạm Toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
323	Ngô Trọng Thành	01/9/1979		Giáo viên	Trường THPT Kiến Thụy	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,99	V07.05.15	Đại học Sư phạm Toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1 (ĐH Thái Nguyên)	x			Tiếng Anh	
324	Nguyễn Thị Hoa		18/01/1981	Giáo viên	Trường THPT Kiến Thụy	Giáo viên dạy môn Vật lý	x	3,99	V07.05.15	Đại học Sư phạm Vật lý	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
325	Nguyễn Thị Định		12/08/1985	Giáo viên	Trường THPT Kiến Thụy	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,33	V07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Phương pháp Toán sơ cấp	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1 (ĐH Thái Nguyên)	x			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
326	Nguyễn Thị Thanh Huyền		09/03/1983	Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Kiến Thụy	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,66	V07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ Ngôn ngữ VN	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh C	x		x		
327	Hoàng Hải Long	29/06/1976		Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Kiến Thụy	Giáo viên dạy môn Sinh học	x	4,32	V07.05.15	Đại học Sư phạm Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp; Thạc sĩ Sư phạm Sinh học	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
328	Ngô Thị Lan		23/06/1987	Giáo viên	Trường THPT Kiến Thụy	Giáo viên dạy môn Lịch sử	x	3,33	V07.05.15	Đại học Sư phạm Lịch sử	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
329	Vũ Thị Nhung		01/02/1983	Giáo viên	Trường THPT Kiến Thụy	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,66	V07.05.15	Đại học Sư phạm Toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
330	Nguyễn Thị Thắm		22/04/1984	Giáo viên	Trường THPT Kiến Thụy	Giáo viên dạy môn Thể dục	x	3,66	V07.05.15	Đại học Sư phạm Thể dục thể thao	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh C	x		x		
331	Hoàng Văn Chương	26/11/1971		Giáo viên	Trường THPT Kiến Thụy	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	4,65	V07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh C	x		x		
332	Trần Thị Chiên		28/04/1977	Giáo viên	Trường THPT Kiến Thụy	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	4,32	V07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
333	Ngô Xuân Trường	11/09/1981		Giáo viên	Trường THPT Kiến Thụy	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	3,67	V07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa; Thạc sĩ Hóa học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
334	Phạm Đức Thuận	17/8/1971		Giáo viên	Trường THPT Lê Quý Đôn	Giáo viên dạy môn Vật lý	x	4,98	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Vật lý; Thạc sĩ Vật lý	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh C	x		x		

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
335	Lưu Thị Oanh		16/4/1980	Giáo viên	Trường THPT Lê Quý Đôn	Giáo viên Tin học	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Tin học; Thạc sĩ ngành Công nghệ thông tin	x	Thạc sĩ Công nghệ thông tin	Tiếng Anh B1 (ĐH Hàng hải)	x	x	x		
336	Nguyễn Thị Thanh Diệp		10/6/1982	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Lê Quý Đôn	Phó Hiệu trưởng, giảng dạy môn Toán học	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Quản lý giáo dục	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh bậc 3 (B1) - ĐH Huế	x		x		
337	Lê Thị Hoàng Lan		26/6/1979	Giáo viên	Trường THPT Lê Quý Đôn	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Sư phạm Toán học	x	Đại học công nghệ thông tin	Tiếng Anh C	x	x	x		
338	Lê Thị Cẩm Thơ		16/7/1977	Giáo viên	Trường THPT Lê Quý Đôn	Giáo viên dạy môn Sinh học	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Sinh học; Thạc sĩ Sư phạm Sinh học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
339	Bùi Trung Quân	24/5/1976		Giáo viên	Trường THPT Lê Quý Đôn	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa học	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B1 (ĐHHN)	x		x		
340	Vũ Tiến Quý	15/8/1982		Giáo viên	Trường THPT Lê Quý Đôn	GV Thẻ dực	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Giáo dục thể chất	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
341	Đỗ Duy Định	10/01/1983		Giáo viên	Trường THPT Lê Quý Đôn	Giáo viên dạy môn Lịch sử	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Lịch sử; Thạc sĩ Lịch sử	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
342	Nguyễn Đức Toán	26/01/1979		Giáo viên	Trường THPT Lê Quý Đôn	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Toán học	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
343	Trần Thị Nguyệt		06/5/1972	Giáo viên	Trường THPT Lê Quý Đôn	Giáo viên dạy môn Toán	x	4,98	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Sư phạm Toán	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
344	Lê Thị Nhâm		18/9/1978	Giáo viên	Trường THPT Lê Quý Đôn	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
345	Nguyễn Thị Mai Hương		25/8/1979	Giáo viên	Trường THPT Lê Quý Đôn	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ Văn học	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh C	x		x		
346	Phạm Thị Mai Hương		31/12/1974	Giáo viên	Trường THPT Lê Quý Đôn	Giáo viên dạy môn Toán	x	4,98	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán học; Thạc sĩ Toán học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	
347	Phạm Thị Mai Anh		07/5/1979	Giáo viên	Trường THPT Lê Hồng Phong	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,99	V07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Toán	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh TĐ B1	x		x		
348	Đỗ Thị Hạnh		06/11/1978	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Lê Hồng Phong	Giáo viên dạy môn Sinh học	x	4,32	V07.05.15	Đại học Sư phạm Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp; Thạc sĩ Sinh học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2	x			Tiếng Anh	
349	Vũ Thị Minh Hòa		04/9/1982	Giáo viên	Trường THPT Lê Hồng Phong	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,66	V07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh 3/6	x		x		
350	Nguyễn Thị Phương Dung		19/8/1976	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Lê Hồng Phong	Giáo viên dạy môn Toán	x	4,32	V07.05.15	Đại học Sư phạm Toán - Tin; Thạc sĩ Toán học	x	Đại học SP Toán tin	Tiếng Anh C	x	x	x		
351	Đặng Quốc Huy	16/8/1978		Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Lê Hồng Phong	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,99	V07.05.15	Đại học Sư phạm Toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
352	Nguyễn Thị Nga		20/11/1976	Giáo viên	Trường THPT Lê Hồng Phong	Giáo viên môn Hóa	x	4,32	V07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa học; Thạc sĩ Sư phạm Hóa học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1	x		x		
353	Dương Thị Lan Hương		08/9/1978	Giáo viên	Trường THPT Lê Hồng Phong	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,99	V07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Toán học	x	Cao đẳng Tin học	Giấy chứng nhận năng lực Tiếng Anh B1 (ĐH Thái Nguyên)	x	x		Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
354	Đỗ Thị Nam Phương		24/01/1974	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Lê Hồng Phong	Giáo viên Tiếng anh	x	4,65	V07.05.15	Đại học Sư phạm Anh văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Tiếng Nga	x		x		
355	Lê Phương Thảo		16/12/1980	Giáo viên	Trường THPT Lê Hồng Phong	Giáo viên dạy môn Lịch sử	x	3,66	V07.05.15	Đại học Sư phạm Lịch sử	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
356	Vũ Thế Thụy	10/10/1982		Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Lê Hồng Phong	Phó HT Giáo viên môn Hóa	x	3,66	V07.05.15	Thạc sĩ Sư phạm Hóa học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
357	Đỗ Phương Thảo		06/9/1979	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THPT Lê Hồng Phong	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,66	V07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
358	Nguyễn Thị Ngọc Anh		25/9/1981	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Lê Hồng Phong	Giáo viên Địa Lý	x	3,66	V07.05.15	Đại học Sư phạm Địa lý	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
359	Hà Thị Hương		04/09/1981	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Lê Hồng Phong	Phó HT Giáo viên Ngữ văn	x	3,66	V07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ Quản lý giáo dục	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
360	Phạm Thị Thu Hà		01/01/1979	Tổ Trưởng chuyên môn	Trường THPT Lê Hồng Phong	Giáo viên dạy môn Vật lý	x	3,99	V07.05.15	Đại học Khoa học vật liệu; CC Nghiệp vụ SP bậc một; Thạc sĩ Sư phạm Vật lý lý thuyết	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh ĐB B1	x		x		
361	Lại Thị Quỳnh Diệp		28/07/1977	Giáo viên	Trường THPT Lê Hồng Phong	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	4,32	V07.05.15	Đại học Sư phạm Sinh hóa; Thạc sĩ Sư phạm Hóa	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1 (ĐH Ngoại ngữ)	x			Tiếng Anh	
362	Vũ Thị Thu		17/07/1979	Tổ trưởng chuyên môn	Trường PT Nội trú Đồ Sơn	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Ngữ văn (Cử nhân sư phạm)	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
363	Lương Thị Bích		28/11/1989	Giáo viên	Trường PT Nội trú Đồ Sơn	Giáo viên dạy môn Vật lý	x	3	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Vật lý; Thạc sĩ Sư phạm Vật lý	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1 (ĐH Ngoại ngữ)	x			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
364	Nguyễn Văn Thanh	24/09/1977		Phó Hiệu trưởng	Trường THPT An Dương	Giáo viên dạy môn Toán	x	4.32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Phương pháp toán	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh tương đương B1 Châu Âu	x		x		
365	Đào Thị Thanh Thủy		28/07/1981	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT An Dương	Giáo viên Tiếng Anh	x	3.66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Tiếng Anh	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Pháp C	x		x		
366	Nguyễn Thị Phúc		15/01/1979	Giáo viên	Trường THPT An Dương	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3.99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ ngành ngôn ngữ Việt Nam	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học tiếng Anh	x		x		
367	Bùi Thị Nga		30/07/1981	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT An Dương	GV sinh học	x	3.99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp; Thạc sĩ ngành Sư phạm Sinh học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1 (ĐH Huế - 6/2014)	x		x		
368	Hà Thị Minh Trang		11/11/1981	Giáo viên	Trường THPT An Dương	Giáo viên dạy môn Toán	x	3.99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán - Tin học; Thạc sĩ Toán ứng dụng	x	Đại học Toán Tin	Tiếng Anh tương đương B1 Châu Âu	x	x	x		
369	Vũ Thị Hồng Lê		29/03/1983	Giáo viên	Trường THPT An Dương	Giáo viên dạy môn Toán	x	3.66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán học; Thạc sĩ Toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh tương đương B1 Châu Âu	x		x		
370	Nguyễn Thị Thu Trang		11/12/1983	Giáo viên	Trường THPT An Dương	GV Địa lý	x	3.66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Địa lý; Thạc sĩ Địa lý học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1	x		x		
371	Phan Thị Ngọc		26/09/1974	Giáo viên	Trường THPT An Dương	Giáo viên dạy môn Vật lý	x	4.32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Vật lý; Thạc sĩ Vật lý	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	
372	Phạm Đức Cường	30/11/1968		Tổ phó chuyên môn	Trường THPT An Dương	GV Tin học	x	4.98	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Tin học; Thạc sĩ khoa học máy tính	x	Đại học SP Tin học	Giấy chứng nhận tiếng Anh B1	x	x		Tiếng Anh	

Kg

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
373	Trần Văn Trường	25/02/1975		Giáo viên	Trường THPT An Dương	Giáo viên dạy môn Lịch sử	x	4.32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Lịch sử, Thạc sĩ Lịch sử thế giới	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh tương đương B1	x		x		
374	Bùi Thị Linh		18/04/1981	Giáo viên	Trường THPT An Dương	Giáo viên dạy môn Toán	x	3.66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm ngành Toán - Tin học; Thạc sĩ Phương pháp toán sơ cấp	x	Đại học SP ngành Toán - Tin học	Giấy chứng nhận năng lực tiếng anh B1	x	x		Tiếng Anh	
375	Ngô Thị Ngọc Minh		09/01/1982	Giáo viên	Trường THPT An Dương	Giáo viên dạy môn Sinh học	x	3.66	V.07.05.15	Thạc sĩ Sư phạm Sinh học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1	x		x		
376	Nguyễn Hoàng Bích	17/10/1983		Giáo viên	Trường THPT An Dương	Giáo viên dạy môn Toán	x	3.66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán học; Thạc sĩ Toán	x	Đại học Tin học	Tiếng Anh tương đương B1 châu Âu	x	x	x		
377	Nguyễn Thị Hương Lý		29/11/1988	Giáo viên	Trường THPT An Dương	Giáo viên dạy môn Toán	x	3	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Toán ứng dụng	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh tương đương B1 châu Âu	x		x		
378	Nguyễn Thị Thu Hằng		23/4/1977	Giáo viên	Trường THPT Thụy Hương	Giáo viên dạy môn Sinh học	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
379	Nhữ Thị Hoa		28/01/1986	Giáo viên	Trường THPT Thụy Hương	Giáo viên dạy môn Sinh học	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
380	Nguyễn Thị Thanh Huyền		12/4/1979	Giáo viên	Trường THPT Thụy Hương	Giáo viên môn ngoại ngữ	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Tiếng Anh Sư phạm; Thạc sĩ lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng anh	x	Ứng dụng B	Tiếng Trung B	x			Tiếng Trung	
381	Nguyễn Thị Ngọc Khánh		01/9/1980	Giáo viên	Trường THPT Thụy Hương	Giáo viên dạy môn Sinh học	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Sinh học	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
382	Đặng Thị Ngọc Lan		01/12/977	Phó hiệu trưởng	Trường THPT Thụy Hương	Phó hiệu trưởng, GV môn ngữ văn	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ Sư phạm Ngữ văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B2 10/2018	x		x		

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
383	Đỗ Thị Huyền Nhâm		04/11/1980	Giáo viên	Trường THPT Thụy Hương	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	3,99	V.07.05.15	Đại học công nghệ hoá học, Thạc sĩ Sư phạm Hoá	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
384	Đỗ Thị Nhung		02/02/1984	Giáo viên	Trường THPT Thụy Hương	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hoá	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
385	Nguyễn Thị Phương		18/11/1983	Giáo viên	Trường THPT Thụy Hương	Giáo viên môn địa	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Địa lý	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
386	Phạm Viết Sơn	19/4/1986		Giáo viên	Trường THPT Thụy Hương	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,33	V.07.05.15	Thạc sĩ Sư phạm Toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1 12/2013 (ĐH Ngoại ngữ)	x			Tiếng Anh	
387	Phạm Năng Tân	20/01/1980		Giáo viên	Trường THPT Thụy Hương	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
388	Đoàn Thị Thuý		14/07/1982	Giáo viên	Trường THPT Thụy Hương	Giáo viên môn KTNN	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
389	Cao Thị Yến		01/02/1983	Giáo viên	Trường THPT Thụy Hương	Giáo viên môn ngoại ngữ	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Tiếng Anh; Thạc sĩ lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng anh (tại Hoa Kỳ)	x	Ứng dụng B	Tiếng Trung B	x			Tiếng Trung	
390	Nguyễn Thị Thu Hương		09/01/1973	Phó hiệu trưởng	Trường THPT Cát Hải	Quản lý, GV dạy Sinh	x	4,65	V.07.05.15	Thạc sĩ Sư phạm Sinh học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
391	Bùi Thị Diễm Hằng		03/11/1979	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Cát Hải	Giáo viên dạy môn Sinh học	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Sinh - Hóa; Thạc sĩ Quản lý giáo dục 5/2016	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B1 Châu Âu	x		x		

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
392	Bùi Thị Lan Phương		22/6/1985	Giáo viên	Trường THPT Cát Hải	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa học; Thạc sĩ Hóa phân tích	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1 12/2015	x			Tiếng Anh	
393	Nguyễn Thị Lan		19/10/1978	Giáo viên	Trường THPT Cát Hải	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
394	Nguyễn Thị Hạnh		28/02/1979	Giáo viên	Trường THPT Cát Hải	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
395	Hoàng Thị Phương Thảo		25/02/1982	Hiệu trưởng	Trường THPT Đồng Hòa	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,66	V.07.15.05	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Sư phạm Toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học tiếng Anh	x		x		
396	Nguyễn Đình Thanh	31/01/1976		Phó hiệu trưởng	Trường THPT Đồng Hòa	Giáo viên dạy môn Sinh học	x	4,32	V.07.15.05	Đại học Sư phạm ngành Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp; Thạc sĩ Sư phạm Sinh học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
397	Nguyễn Quỳnh Lan		06/03/1981	Giáo viên, tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Đồng Hòa	Giáo viên môn Lịch sử	x	3,99	V.07.15.05	Đại học Sư phạm Lịch sử	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
398	Khúc Ánh Ngọc		14/12/1980	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	Giáo viên môn Lịch sử	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Lịch sử; Thạc sĩ Sư phạm lịch sử	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1	x		x		
399	Nguyễn Thị Hương		25/12/1975	Giáo viên	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	Giáo viên môn lịch sử	x	4,65	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Lịch sử; Thạc sĩ Quản lý giáo dục	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh bậc 3	x		x		
400	Nguyễn Đức Đại	10/9/1977		Phó hiệu trưởng	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Sư phạm Toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ tiếng Anh	x		x		

kg

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTD cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
401	Nguyễn Thị Thùy		01/11/1978	Giáo viên	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Toán học; Thạc sĩ Lý luận và Phương pháp dạy học môn toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh bậc 3/6	x		x		
402	Nguyễn Thị Vân Huyền		16/5/1978	Giáo viên	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Toán	x	Cao đẳng Tin học	Tiếng Anh C	x	x	x		
403	Nguyễn Thị Mơ		25/7/1985	Giáo viên	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
404	Nguyễn Thị Huệ		20/01/1979	Giáo viên	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
405	Đoàn Thị Hương		06/3/1982	Giáo viên	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa; Thạc sĩ Lý luận và PP dạy học môn hóa học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1 (ĐH Thái Nguyên)	x			Tiếng Anh	
406	Bùi Anh Tuấn	14/02/1985		Giáo viên	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa; Thạc sĩ Hóa học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B2	x		x		
407	Phạm Xuân Hinh	24/4/1976		Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	Giáo viên môn Tin học	x	3,66	V.07.05.15	Cao đẳng Sư phạm Tin học; Đại học Công nghệ thông tin; Thạc sĩ Hệ thống thông tin	x	Đại học Công nghệ thông tin	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B2 (ĐH Thái Nguyên)	x	x		Tiếng Anh	
408	Trần Minh Thu		25/01/1985	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ Ngôn ngữ và Văn hóa Việt Nam	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh tương đương B1	x		x		
409	Lê Thị Hòa My		04/12/1982	Giáo viên	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	Giáo viên Giáo dục công dân	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Giáo dục chính trị	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
410	Nguyễn Thị Kim Cúc		18/08/1982	Giáo viên	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	Giáo viên Địa lý	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Địa lý	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
411	Nguyễn Văn Thiết	20/08/1983		Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Đức Cảnh	Giáo viên dạy môn tin học	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Tin học; Thạc sĩ Công nghệ thông tin 7/2017	x	Thạc sĩ Công nghệ thông tin	Tiếng Anh B1 Châu Âu	x	x	x		
412	Nguyễn Thị Minh Nguyệt		21/01/1979	Phó hiệu trưởng	Trường THPT Nguyễn Đức Cảnh	Phụ trách chuyên môn, Giáo viên môn Văn	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ Sư phạm Ngữ văn 11/2011;	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh IELTS 6.6 (Phân tích thực hành INEC) 18/4/2007; Tiếng Anh C	x		x		
413	Đặng Thị Hương Thu		30/09/1974	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Đức Cảnh	Giáo viên dạy môn Vật lí	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Vật lý	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
414	Phạm Văn Thịnh	29/01/1979		Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Đức Cảnh	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Phương pháp Toán sơ cấp 8/2017	x	Ứng dụng B	Giấy chứng nhận tiếng Anh trình độ B1 12/2015 (ĐH Thái Nguyên)	x			Tiếng Anh	
415	Nguyễn Thị Ánh		10/12/1977	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Đức Cảnh	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	4,42	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ ngôn ngữ Việt Nam 01/2014	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
416	Đinh Thị Thu Ngọc		17/06/1980	Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Đức Cảnh	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam 01/2014	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
417	Nguyễn Văn Sơn	13/12/1975		Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Đức Cảnh	Giáo viên Giảng dạy môn Công Nghệ	x	4,65	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Kỹ thuật	x	Đại học công nghệ thông tin	Tiếng Anh B	x	x		Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
418	Bùi Trọng Tâm	05/7/1983		Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Đức Cảnh	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa; Thạc sĩ Sư phạm Hóa học 5/2013	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
419	Đồng Thu Huyền		02/3/1981	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Đức Cảnh	Giáo viên môn Địa lý	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Địa	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
420	Bùi Văn Hoan	25/04/1983		Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Đức Cảnh	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Toán ứng dụng 9/2016	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận tiếng Anh B1 Châu Âu 9/2015 (ĐH Thái Nguyên)	x			Tiếng Anh	
421	Nguyễn Thị Bình		25/7/1982	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Đức Cảnh	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,33	V.07.05.15	Đại học sư phạm Toán học; Thạc sĩ Phương pháp toán sơ cấp 8/2017	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận tiếng Anh B1 12/2015 (ĐH Thái Nguyên)	x			Tiếng Anh	
422	Nguyễn Thị Diệp		10/8/1982	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Đức Cảnh	Giáo viên dạy môn Vật lí	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Vật lí - Kỹ thuật công nghiệp	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
423	Phạm Cảnh Thuận		21/5/1980	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Đức Cảnh	Giáo viên môn Giáo dục công dân	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Giáo dục chính trị	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
424	Nguyễn Thế Hùng	23/9/1981		Tổ phó tổ Toán Tin	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
425	Nguyễn Thị Thanh		04/3/1979	Giáo viên Toán	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán học; Thạc sĩ Toán học 12/2006	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B1 Châu Âu	x		x		

ky

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
426	Lê Đức Thịnh	24/09/1983		Tổ trưởng tổ Toán Tin	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,66	V.07.05.15	Thạc sĩ Sư phạm Toán 10/2013	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2	x			Tiếng Anh	
427	Lương Thị Mai Anh		04/11/1982	Giáo viên Toán	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,66	V.07.05.15	Đại học sư phạm ngành Toán - Tin học; Thạc sĩ Toán học 8/2018	x	Đại học sư phạm ngành Toán Tin học, Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận Tiếng Anh B1 11/2017 (ĐH Thái Nguyên)	x	x		Tiếng Anh	
428	Nguyễn Văn Quyền	24/6/1984		Giáo viên Toán	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Toán ứng dụng 12/2012	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh tương đương B1 Châu Âu	x		x		
429	Lê Thị Hoàng Hà		21/01/1975	Giáo viên Tin	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Giáo viên Tin	x	4,65	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Tin học; Thạc sĩ ngành Công nghệ thông tin 01/2017	x	Thạc sĩ công nghệ thông tin	Tiếng Anh B1 Châu Âu	x	x	x		
430	Vũ Thế Tiến	16/12/1977		Tổ trưởng tổ Vật lý - Kỹ thuật, Giáo viên Lý	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Giáo viên dạy môn Vật lý	x	3,99	V.07.05.15	Thạc sĩ Sư phạm Vật lý lý thuyết và vật lý toán 12/2017	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B1 Châu Âu	x		x		
431	Trần Thị Hồng Nhung		23/10/1974	Giáo viên Vật lý	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Giáo viên dạy môn Vật lý	x	3,99	V.07.05.15	Thạc sĩ Sư phạm Vật lý 11/2009	x	Đại học Tin học	Tiếng Anh A2	x	x		Tiếng Anh	
432	Đào Thị Thu Thủy		22/08/1979	Giáo viên Vật lý	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Giáo viên dạy môn Vật lý	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Vật lý; Thạc sĩ Giáo dục học 02/2007	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh A2 (cambride E)	x			Tiếng Anh	
433	Lê Văn Khuya	28/02/1984		Giáo viên Công nghệ	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Giáo viên Công nghệ	x	3,00	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp; Đại học Sư phạm Tin học	x	Đại học SP Tin học	Tiếng Anh A2	x	x		Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
434	Vũ Thị Hương		17/02/1979	Giáo viên Vật lý	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Giáo viên dạy môn Vật lý	x	4,32	V.07.05.15	Thạc sĩ Sư phạm Vật lý 11/2009	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
435	Nguyễn Thị Hà		20/01/1980	Giáo viên Vật lý	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Giáo viên dạy môn Vật lý	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Vật lý; Thạc sĩ Vật lý	x	Ứng dụng B	Giấy chứng nhận tiếng Anh B1 11/2017 (ĐH Thái Nguyên)	x			Tiếng Anh	
436	Nguyễn Thị Thanh Thủy		17/4/1978	Tổ trưởng chuyên môn - Giáo viên Hóa	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa học; Tiến sĩ Hóa học 9/2013	x	Ứng dụng B	Chứng nhận tiếng Anh TĐ B2 Châu Âu 7/2012 (ĐH Bách Khoa)	x			Tiếng Anh	
437	Phạm Thị Chiên		24/10/1985	Giáo viên Hóa	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	3,33	V.07.05.15	Thạc sĩ Sư phạm Hóa học 6/2015	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1 Châu Âu	x		x		
438	Phạm Thị Kim Oanh		13/6/1980	Giáo viên Hóa	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	3,99	V.07.05.15	Thạc sĩ Sư phạm Hóa học 4/2011	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh bậc 3	x		x		
439	Nguyễn Thị Thu Huyền		10/10/1981	Giáo viên Sinh	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Giáo viên dạy môn Sinh học	x	3,99	V.07.05.15	Thạc sĩ Sư phạm Sinh học 11/2009	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2	x			Tiếng Anh	
440	Kim Thị Hương		05/5/1977	Giáo viên Sinh	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Giáo viên dạy môn Sinh học	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp; Thạc sĩ ngành Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Sinh học 02/2007	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Tiếng Pháp	x		x		
441	Nguyễn Thị Thu Hiền		23/3/1981	Giáo viên Thể dục	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Giáo viên Thể dục	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Giáo dục thể chất	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2	x			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
442	Nguyễn Thị Phương Thảo		18/01/1979	Giáo viên Sinh	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Giáo viên dạy môn Sinh học	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2	x			Tiếng Anh	
443	Vũ Thuý Dung		24/6/1984	Giáo viên Văn	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ Ngữ văn 3/2009	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
444	Phạm Thị Lan Hương		03/4/1976	Giáo viên Văn	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm ngành Ngữ văn; Thạc sĩ Lý luận và PP dạy học văn 02/2003	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học tiếng Anh	x		x		
445	Quách Thị Thu Thủy		14/12/1978	Giáo viên	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam 7/2012	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
446	Nguyễn Ngọc Thủy Anh		27/02/1984	Giáo viên Văn	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ Ngữ văn 3/2008	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
447	Nguyễn Thị Cẩm Diệu		20/10/1978	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Giáo viên Địa lý	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Địa lý; Thạc sĩ Sư phạm Địa lý học 01/2018	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1 Châu Âu	x		x		
448	Nguyễn Thu Trang		27/12/1983	Giáo viên Địa lý	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Giáo viên Địa lý	x	3,33	V.07.05.15	Thạc sĩ Sư phạm Địa lý học 01/2018	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1 Châu Âu	x		x		
449	Vũ Thành Trung	14/9/1980		Giáo viên	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Giáo viên Địa lý	x	3,66	V.07.05.15	Thạc sĩ Sư phạm Địa lý học 01/2018	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1 Châu Âu	x		x		
450	Đào Trung Quân	23/4/1981		Giáo viên	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Giáo viên Địa lý	x	3,99	V.07.05.15	Thạc sĩ Sư phạm Địa lý 3/2008	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTD cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
451	Tạ Thị Minh Hiền		06/7/1976	Giáo viên Tiếng Anh	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Giáo viên Tiếng Anh	x	4,32	V.07.05.15	Đại học ngành tiếng Anh (hệ Sư phạm); Thạc sĩ Tiếng Anh 10/2005	x	Ứng dụng B	Tiếng Trung C	x		x		
452	Mạc Thị Kim Oanh		27/12/1975	Giáo viên	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Giáo viên Tiếng Pháp	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Tiếng Pháp; Thạc sĩ Tiếng Pháp 5/2012	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh C	x		x		
453	Phạm Tiến Sơn	13/01/1975		Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Giáo viên Tiếng Pháp	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Tiếng Pháp; Thạc sĩ Tiếng Pháp 3/2009	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
454	Vũ Minh Tuấn	18/09/1979		Giáo viên	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	3,99	V.07.05.15	Thạc sĩ Sư phạm Hóa học 3/2008	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng nhận Tiếng Anh B1 Châu Âu 7/2015 (ĐH Thái Nguyên)	x			Tiếng Anh	
455	Nguyễn Thị Mai Ly		17/10/1982	Giáo viên	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ Ngôn ngữ học 11/2011	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
456	Đổng Kim Thép	13/7/1984		Giáo viên	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Giáo viên Kỹ thuật công nghiệp	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
457	Bùi Hương Mai		06/10/1988	Giáo viên	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,00	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam 6/2015	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTD cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
458	Phạm Minh Châu		10/03/1988	Giáo viên	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ Ngôn ngữ học 11/2011	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
459	Nguyễn Thị Thu Vân		12/5/1982	Giáo viên	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ Ngôn ngữ học 11/2011	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
460	Phạm Thị Hoài		20/11/1986	Giáo viên	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ Ngôn ngữ học 01/2014	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
461	Đoàn Thị Thu Huyền		11/02/1976	Giáo viên	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Giáo viên Tiếng Trung	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Tiếng Trung (hệ sư phạm); Thạc sĩ Tiếng Trung quốc 3/2011	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Tiếng Anh - chuyên ngành II	x		x		
462	Trần Thị Thu		03/12/1978	Giáo viên	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Giáo viên Tiếng Pháp	x	3,99	V.07.05.15	Đại học sư phạm Tiếng Pháp	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Tiếng Anh	x		x		
463	Nguyễn Thành Trung	03/12/1980		Giáo viên	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Giáo viên Giáo dục công dân	x	3,66	V.07.05.15	Thạc sĩ Sư phạm Triết học 3/2015	x	Ứng dụng A	Tiếng Anh tương đương B1 Châu Âu 5/2013	x		x		
464	Hoàng Anh Tuấn	16/8/1980		Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Thái Phiên	Phó Hiệu trưởng, giáo viên dạy Toán	x	3,99	V.07.05.15	Đại học SP Toán; Thạc sĩ Quản lý giáo dục 2012	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B1	x		x		
465	Trần Tiên Chinh	25/7/1977		Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Thái Phiên	Phó Hiệu trưởng, giáo viên Địa lý	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Địa lý; Thạc sĩ quản lý giáo dục	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh bậc 3 (TĐ B1 Châu Âu)	x		x		

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
466	Tô Thị Thu Hoa		08/11/1979	Giáo viên	Trường THPT Thái Phiên	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán học; Thạc sĩ Toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1 (ĐH Thái Nguyên)	x			Tiếng Anh	
467	Vũ Văn Ninh	14/5/1980		Giáo viên	Trường THPT Thái Phiên	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán học; Thạc sĩ Toán	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
468	Vũ Thị Mai		27/5/1983	Giáo viên	Trường THPT Thái Phiên	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán học; Thạc sĩ Toán	x	Kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh bậc 3/6	x		x		
469	Bùi Hữu Mên	10/6/1969		Giáo viên	Trường THPT Thái Phiên	Giáo viên dạy môn Toán	x	4,98	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán học; Thạc sĩ Toán	x	Ứng dụng B	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	
470	Trần Mạnh Trung	19/12/1981		Giáo viên	Trường THPT Thái Phiên	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm ngành Toán - Tin; Thạc sĩ Toán	x	Đại học Sư phạm Toán - Tin	Tiếng Anh B	x	x		Tiếng Anh	
471	Hoàng Long	19/9/1982		Giáo viên	Trường THPT Thái Phiên	Giáo viên dạy môn Vật lí	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Vật lý - Tin học; Thạc sĩ Vật lí	x	Đại học SP ngành Vật lý - Tin học	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1	x	x		Tiếng Anh	
472	Nguyễn Văn Nghi	02/01/1981		Giáo viên	Trường THPT Thái Phiên	Giáo viên dạy môn Vật lí	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Vật lý; Thạc sĩ Vật lí	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1	x		x		
473	Vũ Thị Thanh Nga		23/8/1981	Giáo viên	Trường THPT Thái Phiên	Giáo viên dạy môn Vật lí	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Vật lý; Thạc sĩ Vật lí	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
474	Lê Thanh Tĩnh	22/9/1981		Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Thái Phiên	Giáo viên dạy môn Vật lí	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Vật lý; Thạc sĩ Vật lí	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
475	Mai Thu Trang		10/9/1986	Giáo viên	Trường THPT Thái Phiên	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	3,00	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa; Thạc sĩ Hoá học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B2	x			Tiếng Anh	
476	Đào Thị Hồng Vân		08/10/1978	Giáo viên	Trường THPT Thái Phiên	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa; Thạc sĩ Hoá học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	
477	Phạm Thị Nguyệt Ánh		16/3/1983	Giáo viên	Trường THPT Thái Phiên	Giáo viên dạy môn Sinh học	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp; Thạc sĩ Sinh học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	
478	Doãn Thị Trường Nhung		25/7/1982	Giáo viên	Trường THPT Thái Phiên	Giáo viên dạy môn Sinh học	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Sinh học; Thạc sĩ Sinh học; Tiến sĩ Sinh học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B2	x			Tiếng Anh	
479	Vũ Thị Bạch Tuyết		20/11/1975	Giáo viên	Trường THPT Thái Phiên	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Văn; Thạc sĩ Ngữ văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
480	Nguyễn Thị Thu Trang		02/12/1981	Giáo viên	Trường THPT Thái Phiên	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh bậc 3/6	x		x		
481	Lê Đức Thuận	01/7/1978		Giáo viên	Trường THPT Thái Phiên	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
482	Đào Thị Ánh Tuyết		01/9/1973	Giáo viên	Trường THPT Thái Phiên	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	4,65	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh bậc 3/6	x		x		
483	Đặng Thị Việt Hoa		12/2/1971	Giáo viên	Trường THPT Thái Phiên	Giáo viên tiếng Anh	x	4,98	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Nga văn; Đại học Sư phạm Anh văn; Thạc sĩ tiếng Anh	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học tiếng Nga	x		x		

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
484	Lê Đình Long	13/10/1976		Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Thái Phiên	Giáo viên Tin học	x	4,65	V.07.05.15	Cao đẳng Sư phạm Thê dục; Đại học Công nghệ thông tin; Thạc sĩ Khoa học máy tính	x	Thạc sĩ Khoa học máy tính	Tiếng Anh B1	x	x	x		
485	Phạm Thị Thanh Loan		13/05/1981	Giáo viên	Trường THPT Thái Phiên	Giáo viên Giáo dục công dân	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Giáo dục Chính trị; Thạc sĩ Triết học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1	x		x		
486	Đào Thu Hương		30/09/1982	Giáo viên	Trường THPT Thái Phiên	Giáo viên Công nghệ	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Kỹ thuật	x	Ứng dụng B	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
487	Bùi Thị Minh Hải		19/03/1979	Giáo viên	Trường THPT Thái Phiên	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng nhận Tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	
488	Hà Thị Minh Phượng		16/12/1979	Giáo viên	Trường THPT Thái Phiên	Giáo viên dạy môn Vật lí	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Vật lý; Thạc sĩ Vật lí	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
489	Phạm Thị Ngọc Bình		02/11/1975	Giáo viên	Trường THPT Thái Phiên	Giáo viên dạy môn Toán	x	4,65	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
490	Phạm Thu Hà		03/05/1974	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Thái Phiên	Giáo viên dạy môn Toán	x	4,65	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Giáo dục học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
491	Vũ Phương Thảo		08/01/1977	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Thái Phiên	Giáo viên dạy môn Sinh học	x	4,32	V.07.05.15	ĐH Sinh-KTNN, Thạc sĩ Lý luận và Phương pháp dạy Sinh học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
492	Bùi Thị Hương		20/10/1974	Giáo viên	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Giáo viên dạy môn Toán	x	4,65	V.07.05.13	Đại học Sư phạm Toán - Tin	x	Đại học sư phạm Toán - Tin	Tiếng Anh B	x	x		Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
493	Nguyễn Thị Lâm		05/9/1986	Giáo viên	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,00	V.07.05.13	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Phương pháp toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1 (ĐH Thái Nguyên)	x			Tiếng Anh	
494	Vũ Thị Huyền Trang		02/8/1978	Giáo viên	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,99	V.07.05.13	Đại học Sư phạm Toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh bậc 2	x			Tiếng Anh	
495	Nguyễn Thị Ngọc Dung		08/01/1980	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Giáo viên tiếng Anh	x	3,66	V.07.05.13	Đại học Tiếng Anh Sư phạm; Đại học tiếng Trung	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học tiếng Trung	x		x		
496	Bùi Thị Thu Hương		06/09/1978	Giáo viên	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,99	V.07.05.13	Đại học Sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ Ngôn ngữ học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2	x			Tiếng Anh	
497	Hoàng Thị Thu Hải		15/02/1978	Tổ trưởng chuyên môn; giáo viên	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Giáo viên dạy môn Vật lí	x	3,99	V.07.05.13	Đại học sư phạm Lý-Tin; Thạc sĩ Vật lý	x	Đại học sư phạm Lý-Tin	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1 (ĐH Thái Nguyên)	x	x		Tiếng Anh	
498	Nguyễn Thị Nguyệt Anh		13/11/1974	Tổ trưởng chuyên môn; giáo viên	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Giáo viên dạy môn Sinh học	x	4,32	V.07.05.13	Đại học Sư phạm Sinh-Kỹ thuật nông nghiệp; Thạc sĩ sư phạm Sinh học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học tiếng Anh	x		x		
499	Nguyễn Hoàn Phúc	19/7/1987		Giáo viên	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Giáo viên Tin	x	3,33	V.07.05.13	Đại học ngành Tin; CC Nghiệp vụ SP; Thạc sĩ Sư phạm Công nghệ thông tin	x	Thạc sĩ SP Công nghệ thông tin	Tiếng Anh B1	x	x	x		
500	Nguyễn Thị Tâm		21/6/1977	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Giáo viên dạy môn Toán	x	4,32	V.07.05.13	Đại học Sư phạm Toán - Tin; Thạc sĩ toán ứng dụng	x	Đại học Sư phạm Toán - Tin	Tiếng Anh tương đương B1	x	x	x		

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/ CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/ GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
501	Vũ Đức Minh	06/4/1977		Giáo viên	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Giáo viên Giáo dục công dân	x	3,99	V.07.05.13	Đại học Sư phạm Giáo dục chính trị; Thạc sĩ ngành Triết học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh tương đương B1	x		x		
502	Nguyễn Thế Ngọc	14/3/1980		Giáo viên	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Giáo viên dạy môn Vật lí	x	3,66	V.07.05.13	Đại học Sư phạm ngành Vật lý - Kỹ thuật công nghiệp; Thạc sĩ sư phạm Vật lý lý thuyết và vật lý toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh TD B1	x		x		
503	Đào Bá Bình	25/02/1979		Giáo viên	Trường THPT Quốc Tuấn	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Quản lý giáo dục	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1	x		x		
504	Phạm Chi Minh	17/6/1978		Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Quốc Tuấn	Giáo viên môn Tin	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Tin học; Thạc sĩ ngành Công nghệ thông tin	x	Thạc sĩ Công nghệ thông tin	Tiếng Anh B2	x	x	x		
505	Vũ Văn Sử	20/11/1981		Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Quốc Tuấn	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	3,66	V.07.05.15	Đại học sư phạm Hóa; Thạc sĩ Hóa học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1	x		x		
506	Phạm Thị Hà		05/5/1979	Tổ trưởng chuyên môn, CT công đoàn	Trường THPT An Lão	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,99	V.07.05.15	Thạc sĩ Sư phạm Văn học 2016	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận tiếng Anh B1 (áp dụng đào tạo sau ĐH) - ĐH Ngoại ngữ	x			Tiếng Anh	
507	Đỗ Thị Minh Huệ		02/9/1973	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT An Lão	Giáo viên môn Địa lý	x	4,65	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Địa lý	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh bậc 2/6	x			Tiếng Anh	
508	Nguyễn Thị Hồng Vân		11/3/1978	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT An Lão	Giáo viên dạy môn Sinh học	x	4,32	V.07.05.15	Thạc sĩ Sư phạm Sinh học 2017	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh bậc 3/6	x		x		
509	Vũ Văn Dũng	09/11/1978		Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT An Lão	Giáo viên dạy môn Vật lí	x	4,32	V.07.05.15	Thạc sĩ Sư phạm Vật lý 2009	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng anh C	x		x		

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
510	Nguyễn Xuân Minh	13/5/1981		Tổ phó chuyên môn	Trường THPT An Lão	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa; Thạc sĩ ngành Hóa phân tích 2017	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận tiếng Anh B1 (áp dụng đào tạo sau ĐH)	x			Tiếng Anh	
511	Phạm Thị Hồng Hà		07/5/1980	Tổ phó chuyên môn	Trường THPT An Lão	GV Lịch sử	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Lịch sử	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
512	Bùi Quang Bình	18/4/1985		Giáo viên	Trường THPT An Lão	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán 2018	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh bậc 3/6; tiếng Anh C	x		x		
513	Đặng Thị Thuận		03/02/1970	Giáo viên	Trường THPT An Lão	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	4,65	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
514	Phan Văn Dân	16/5/1978		Giáo viên	Trường THPT An Lão	Giáo viên dạy môn Toán	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Phương pháp Toán cao cấp	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	
515	Bùi Văn Mười	05/8/1975		Giáo viên	Trường THPT An Lão	Giáo viên Thể dục	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Thể dục thể thao (ngành Giáo dục thể chất)	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
516	Nguyễn Thị Hoa		19/12/1977	Giáo viên	Trường THPT An Lão	Giáo viên Thể dục	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Thể dục thể thao (ngành Giáo dục thể chất)	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
517	Hoàng Thị Ngọc Mai		04/8/1987	Giáo viên	Trường THPT An Lão	Giáo viên Tiếng Anh	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm tiếng Anh; Thạc sĩ Tiếng anh	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Trung B	x			Tiếng Trung	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
518	Lê Thị Hòa		22/12/1979	Giáo viên	Trường THPT An Lão	Giáo viên Công nghệ	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Kỹ thuật	x	Cao đẳng SP kỹ thuật - Tin học	Tiếng Anh B	x	x		Tiếng Anh	
519	Ngô Thị Kim Liên		18/6/1977	Giáo viên	Trường THPT An Lão	Giáo viên dạy môn Vật lý	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Vật lý - Kỹ thuật công nghiệp	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
520	Bùi Đức Thành	14/11/1979		Giáo viên	Trường THPT An Lão	GV Công nghệ	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Kỹ thuật	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
521	Nguyễn Văn Duy	19/12/1979		Giáo viên	Trường THPT An Lão	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
522	Nguyễn Thị Quyên		15/8/1980	Giáo viên	Trường THPT An Lão	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa; Thạc sĩ Hóa học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1	x			Tiếng Anh	
523	Nguyễn Thị Hương		19/02/1980	Giáo viên	Trường THPT An Lão	Giáo viên dạy môn Vật lý	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Vật lý	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
524	Đỗ Thị Mai Anh		23/10/1978	Giáo viên	Trường THPT An Lão	Giáo viên dạy môn Ngữ văn	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Văn học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2	x			Tiếng Anh	
525	Ngô Thị Bích Hải		06/01/1969	Giáo viên	Trường THPT An Lão	Giáo viên dạy môn Hóa học	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x		x (nữ trên 50 tuổi)		
526	Nguyễn Thị Thiện		25/8/1978	Giáo viên	Trường THPT An Lão	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh bậc 3/6	x		x		
527	Bùi Thị Trang Dung		23/4/1980	Giáo viên	Trường THPT An Lão	GV Lịch sử	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Lịch sử	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
528	Nguyễn Thị Khiển		05/10/1978	Giáo viên	Trường THPT An Lão	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh bậc 3/6	x		x		
529	Vương Văn Huy	09/8/1980		Giáo viên; Bí thư đoàn trường	Trường THPT An Lão	Giáo viên; Bí thư đoàn trường	x	3,99	V.07.05.15	Thạc sĩ sư phạm Vật lý	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh bậc 3/6	x		x		
530	Phạm Thị Thanh Mai		22/5/1979	Giáo viên	Trường THPT An Lão	Giáo viên Sinh học	x	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp; Thạc sĩ Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Sinh học	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh 2/6	x			Tiếng Anh	
531	Nguyễn Minh Trường	30/10/1975		Giáo viên	Trường THPT An Lão	Giáo viên thể dục	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Giáo dục Thể chất	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	
532	Nguyễn Thị Tuyền		21/8/1982	Giáo viên	Trường THPT An Lão	Giáo viên tiếng Anh	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm tiếng Anh; Thạc sĩ Tiếng Anh	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Trung B	x			Tiếng Trung	
533	Phạm Thị Thanh Hương		18/4/1979	Giáo viên	Trường THPT An Lão	Giáo viên dạy môn Tiếng Anh	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Tiếng Anh Sư phạm	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Trung B	x			Tiếng Trung	
534	Phan Dư	26/9/1974		Giáo viên	Trường THPT An Lão	Giáo viên Thể dục	x	4,65	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Giáo dục thể chất	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
535	Trần Thị Khánh		12/8/1974	Giáo viên	Trường THPT An Lão	Giáo viên dạy môn Sinh học	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	x			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
536	Lê Thị Mai		12/10/1982	Giáo viên	Trường THPT An Lão	Giáo viên Toán	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Thạc sĩ Phương pháp Toán sơ cấp	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x		x		
537	Phạm Thị Thu Hà		18/9/1983	Giáo viên	Trường THPT An Lão	Giáo viên Tiếng Anh	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Tiếng Anh Sư phạm; Thạc sĩ Tiếng Anh	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Pháp B1	x			Tiếng Pháp	
538	Bùi Thị Thanh Hà		17/03/1976	Tổ phó; Giáo viên	Trung tâm GDTX Hải Phòng	Giáo viên dạy môn Toán	x	4,65	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1	x		x		
539	Hoàng Hải Lương	01/09/1980		Giáo viên	Trung tâm GDTX Hải Phòng	Giáo viên dạy môn Toán	x	3,00	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán; Đại học Sinh	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1	x		x		
540	Vũ Thị Thúy Nga		14/02/1973	Giám đốc; Giáo viên	Trung tâm Tin học	Giáo viên Tin học	x	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Tin học	x	Đại học SP Tin	Tiếng Anh B1, tiếng Anh C	x	x	x		
541	Nguyễn Thị Hương		07/01/1970	Tổ trưởng; Giáo viên	Trung tâm Tin học	Giáo viên Tin học	x	4,65	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Tin	x	Đại học SP Tin	Tiếng Anh C	x	x	x		
542	Hoàng Văn Sáng	13/10/1981		Tổ trưởng; Giáo viên	Trung tâm Tin học	Giáo viên Tin học	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Công nghệ thông tin; Thạc sĩ Khoa học máy tính	x	Thạc sĩ Khoa học máy tính	Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh B1	x	x		Tiếng Anh	
543	Đỗ Thị Nhung		31/8/1980	Tổ phó; Giáo viên	Trung tâm Tin học	Giáo viên Tin học	x	3,66	V.07.05.15	Đại học sư phạm Kỹ thuật; Đại học Công nghệ thông tin	x	Đại học Công nghệ thông tin	Tiếng Anh B	x	x		Tiếng Anh	
544	Đỗ Thị Thu		10/10/1979	Tổ phó; Giáo viên	Trung tâm Tin học	Giáo viên Tin học	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Công nghệ thông tin	x	Đại học SP Công nghệ thông tin	Tiếng Anh C	x	x	x		

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Vị trí làm việc đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				CSTĐ cấp cơ sở/GV THPT dạy giỏi/GV chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THPT hạng II	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
545	Nguyễn Thị Khánh		15/01/1982	Bí thư Đoàn trường; Giáo viên	Trung tâm Giáo dục kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp Hải Phòng	Giáo viên Tin học	x	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Tin, Thạc sĩ Công nghệ thông tin	x	Đại học SP Tin	Tiếng Anh B1	x	x	x		
546	Đào Văn Đức	14/08/1979		Tổ trưởng chuyên môn; Giáo viên	Trung tâm Giáo dục kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp Hải Phòng	Giáo viên Điện lạnh	x	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Kỹ thuật; Thạc sĩ Quản lý giáo dục	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1	x		x		

Tổng số: 546 người

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN DỰ THI THẮNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
TỪ GIẢNG VIÊN (HẠNG III) LÊN GIẢNG VIÊN CHÍNH (HẠNG II) NĂM 2019 CỦA THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**
(Kèm theo Quyết định số **1223/QĐ-UBND** ngày **15** tháng **5** năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị công tác	Vị trí việc làm đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giảng viên hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Có đề án NCKH, sách phục vụ đào tạo, bài báo khoa học	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng NVSP cho giảng viên	Chứng chỉ bồi dưỡng giảng viên chính (hạng II)	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
1	Đỗ Thị Thu Thủy		15/12/1977	Giảng viên Phòng Đào tạo	Trường Đại học Hải Phòng	Quản lý đào tạo và giảng dạy học phần: Vật liệu học; Vật liệu phi kim; Kim loại học.	x	3,99	V.07.01.03	Thạc sĩ ngành kỹ thuật (chuyên ngành vỏ tàu thủy) 12/2008	x	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	x		x		Khối ngành V
2	Đỗ Thị Thanh Toàn		13/3/1981	Phó trưởng phòng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Trường Đại học Hải Phòng	Phụ trách công tác khảo thí, NCKH, giảng dạy học phần: Tin học cơ sở; Ứng dụng PTKT trong dạy học	x	3,66	V.07.01.03	Thạc sĩ ngành công nghệ thông tin (chuyên ngành Khoa học máy tính) 8/2009	x	x	Thạc sĩ ngành Công nghệ thông tin	Đại học Ngôn ngữ Anh	x	x	x		Khối ngành V
3	Nguyễn Thị Thu Hồng		10/5/1983	Giảng viên Phòng Thanh tra Pháp chế	Trường Đại học Hải Phòng	Thanh tra pháp chế, NCKH, giảng dạy học phần: Vệ kỹ thuật, cơ học ứng dụng	x	3,33	V.07.01.03	Tiến sĩ ngành Khoa học giáo dục (chuyên ngành LL và PP dạy học bộ môn KTCN) 3/2019	x	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2 khung năng lực 6 bậc VN 10/8/2017	x			Tiếng Anh	Khối ngành V
4	Đinh Xuân Khánh	12/9/1983		Phó Trưởng bộ môn Khoa Toán	Trường Đại học Hải Phòng	Giảng dạy học phần toán	x	3,66	V.07.01.03	Thạc sĩ ngành Toán học 3/2011	x	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng nhận tiếng Anh trình độ TĐ B2 Châu Âu 4/2017	x			Tiếng Anh	Khối ngành V
5	Đỗ Thị Hồng Minh		11/02/1978	Giảng viên Khoa Toán	Trường Đại học Hải Phòng	Giảng dạy học phần: Toán cao cấp; phương pháp dạy học Đại số và Giải tích; Đánh giá kết quả học tập của HS trong dạy học môn Toán	x	3,99	V.07.01.03	Tiến sĩ ngành Khoa học giáo dục (chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán) 1/2016	x	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	x		x		Khối ngành V
6	Ngô Quốc Hoàn	19/6/1986		Giảng viên Khoa Toán	Trường Đại học Hải Phòng	Giảng dạy học phần Toán	x	3,33	V.07.01.03	Tiến sĩ ngành Toán tin học 2/2017; Thạc sĩ ngành toán học	x	x	Tiến sĩ Toán tin; Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiến sĩ ngành Toán - Tin (tại Pháp)	x	x	x		Khối ngành V

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị công tác	Vị trí việc làm đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giảng viên hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Có đề án NCKH, sách phục vụ đào tạo, bài báo khoa học	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng NVSP cho giảng viên	Chứng chỉ bồi dưỡng giảng viên chính (hạng II)	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
7	Nguyễn Ngọc Khương	22/10/1984		Phó Trưởng bộ môn Khoa Công nghệ thông tin	Trường Đại học Hải Phòng	Giảng dạy học phần: Môi trường lập trình trực quan, Toán học rời rạc, Nhập môn hệ Cơ sở dữ liệu, Phát triển ứng dụng Web, Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động	x	3,33	V.07.01.03	Thạc sĩ ngành Công nghệ thông tin 1/2015	x	x	Thạc sĩ ngành Công nghệ thông tin	Tiếng Anh B2 Châu Âu 6/2014	x	x		Tiếng Anh	Khối ngành V
8	Nguyễn Thị Tâm		25/7/1978	Phó Trưởng khoa Khoa Du lịch	Trường Đại học Hải Phòng	Giảng dạy học phần: Khách sạn Du lịch (Nghề vụ lễ tân; Nghiệp vụ nhà hàng; Thực hành nghiệp vụ khách sạn; Quản trị lễ tân)	x	3,33	V.07.01.03	Tiến sĩ ngành Kinh tế 2/2019 (thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh khách sạn và du lịch)	x	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh bậc 4 (TĐ B2 Châu Âu) 09/8/2017	x			Tiếng Anh	Khối ngành VII
9	Nguyễn Thúy An		06/02/1983	Phó Trưởng khoa Khoa Du lịch	Trường Đại học Hải Phòng	Giảng dạy học phần: Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch; Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch 1,2; Kỹ năng hỗ trợ trong hoạt động hướng dẫn du lịch; Cơ sở văn hóa Việt Nam	x	3,33	V.07.01.03	Thạc sĩ ngành Văn hóa học 3/2012	x	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1 Châu Âu 03/2015	x			Tiếng Anh	Khối ngành VII
10	Đào Thị Tú Anh		15/02/1983	Giảng viên Khoa giáo dục tiểu học và mầm non	Trường Đại học Hải Phòng	Giảng dạy học phần: Thể dục và phương pháp dạy học thể dục ở Tiểu học	x	3,33	V.07.01.03	Thạc sĩ ngành Giáo dục học (chuyên ngành giáo dục thể chất) 2/2012	x	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Toefl 467 14/7/2011	x			Tiếng Anh	Khối ngành I
11	Nguyễn Minh Giang	30/6/1975		Trưởng bộ môn Khoa Giáo dục tiểu học và mầm non	Trường Đại học Hải Phòng	Giảng dạy học phần Toán	x	4,65	V.07.01.03	Tiến sĩ ngành Khoa học giáo dục (chuyên ngành LL và PP dạy học toán) 3/2018	x	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 4/6 (TĐ B2 Châu Âu 3/2016)	x			Tiếng Anh	Khối ngành I
12	Hoàng Thị Nga		11/10/1985	Phó Trưởng bộ môn Khoa Giáo dục tiểu học và mầm non	Trường Đại học Hải Phòng	Giảng dạy học phần: PPDH Toán ở Tiểu học 1; PPDH Toán ở Tiểu học 2; Bồi dưỡng HS giỏi Toán ở Tiểu học; Phát triển năng lực tư duy Toán cho HS TH	x	3,33	V.07.01.03	Thạc sĩ ngành Toán học 5/2012	x	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1 Châu Âu 7/2014	x			Tiếng Anh	Khối ngành I
13	Nguyễn Thị Lan Minh		29/11/1983	Giảng viên Khoa Lý luận chính trị	Trường Đại học Hải Phòng	Giảng dạy học phần: Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	x	3,33	V.07.01.03	Thạc sĩ ngành triết học 11/2012	x	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh bậc 3/6 khung năng lực 6 bậc VN 10/2015	x			Tiếng Anh	Khối ngành VII

kg

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị công tác	Vị trí việc làm đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giảng viên hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Có đề án NCKH, sách phục vụ đào tạo, bài báo khoa học	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng NVSP cho giảng viên	Chứng chỉ bồi dưỡng giảng viên chính (hạng II)	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
14	Lê Thị Thanh Huyền		10/8/1981	Giảng viên khoa Tâm lý giáo dục học	Trường Đại học Hải Phòng	Giảng dạy học phần tâm lý đại cương	x	3,66	V.07.01.03	Thạc sĩ ngành Tâm lý học 3/2008	x	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Ielts 5,0 (tđ B1 12/2017)	x		x		Khối ngành VII
15	Nguyễn Văn Thành	21/12/1981		Giảng viên khoa Tâm lý giáo dục học	Trường Đại học Hải Phòng	Giảng dạy học phần: quản lý hành chính nhà nước, chiến lược phát triển con người VN	x	3,33	V.07.01.03	Thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục 11/2009	x	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	x		x		Khối ngành VII
16	Cao Thị Vân Anh		01/5/1983	Phó Trưởng bộ môn Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh	Trường Đại học Hải Phòng	Giảng dạy học phần: Quản trị kinh doanh, Quản trị doanh nghiệp, khởi sự kinh doanh, Quản trị chi phí	x	3,66	V.07.01.03	Thạc sĩ ngành Kinh tế 5/2011	x	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	x		x		Khối ngành III
17	Nguyễn Thị Thúy Hà		22/5/1978	Phó Trưởng bộ môn Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh	Trường Đại học Hải Phòng	Giảng dạy học phần: Kế toán XNK, Giao nhận vận tải, Thanh toán quốc tế	x	3,99	V.07.01.03	Thạc sĩ ngành Kinh tế 4/2006	x	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B2 Châu Âu 9/2016	x			Tiếng Anh	Khối ngành III
18	Nguyễn Thị Liên		21/10/1984	Giảng viên Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh	Trường Đại học Hải Phòng	Giảng dạy học phần: kinh tế quản trị kinh doanh	x	3,33	V.07.01.03	Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh 11/2011	x	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	x		x		Khối ngành III
19	Đào Minh Hằng		08/11/1986	Trưởng bộ môn Khoa Kế toán tài chính	Trường Đại học Hải Phòng	Giảng dạy học phần: Lý thuyết Kiểm toán, Kiểm toán tài chính, Thiết kế môn học kiểm toán, Phân tích báo cáo tài chính và định giá tài sản)	x	3,33	V.07.01.03	Tiến sĩ ngành kinh tế 8/2017	x	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	x		x		Khối ngành III
20	Nguyễn Quang Tuấn	17/5/1976		Trưởng khoa Khoa Xây dựng	Trường Đại học Hải Phòng	Giảng dạy học phần: Kiến trúc công trình; Các đồ án môn học ngành kiến trúc	x	3,99	V.07.01.03	Tiến sĩ ngành Kiến trúc 8/2017	x	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B2 Châu Âu 11/2015	x			Tiếng Anh	Khối ngành V
21	Phạm Hồng Khoa	26/12/1984		Trưởng khoa Khoa Điện Cơ	Trường Đại học Hải Phòng	Giảng dạy học phần: Kỹ thuật điện; Thực hành điện cơ bản; Khí cụ điện; Lý thuyết mạch điện 1; Lý luận dạy học Công nghệ; Phương tiện dạy học.	x	3,66	V.07.01.03	Thạc sĩ ngành Giáo dục học 3/2009; có QĐ vv công nhận học vị và cấp bằng Tiến sĩ ngành ngành lý luận và phương pháp dạy học bộ môn KTCN (8/2017)	x	x	Đại học tin học	Đại học Ngôn ngữ Anh	x	x	x		Khối ngành V

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị công tác	Vị trí việc làm đang đảm nhận (ghi rõ môn đang giảng dạy)	Thời gian giữ ngạch/CDNN giảng viên hạng III hoặc tương đương theo quy định	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Có đề án NCKH, sách phục vụ đào tạo, bài báo khoa học	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng NVSP cho giảng viên	Chứng chỉ bồi dưỡng giảng viên chính (hạng II)	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
22	Vương Gia Hải	08/01/1984		Giảng viên Khoa Điện Cơ	Trường Đại học Hải Phòng	Giảng dạy học phần: Cơ học kỹ thuật; Công nghệ hàn; Máy tự động và robot; Cơ khí đại cương; Hướng dẫn đồ án môn học, thực tập tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp.	x	3,33	V.07.01.03	Thạc sĩ ngành chế tạo máy 5/2011	x	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	x		x		Khối ngành V
23	Bùi Gia Thịnh	17/8/1984		Phó Trưởng khoa Khoa Điện Cơ	Trường Đại học Hải Phòng	Giảng dạy học phần: Lý thuyết Điều khiển tự động, Phản tử tự động và cảm biến, Thực hành Chính định, vận hành hệ thống tự động điện công nghiệp, Thực hành Chính định, vận hành hệ thống điện, Hướng dẫn TTTN, Hướng dẫn ĐATN	x	3,33	V.07.01.03	Tiến sĩ ngành Tự động hóa (tại Đài Loan)	x	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiến sĩ ngành tại Đài Loan	x		x		Khối ngành V
24	Nguyễn Đức Lợi	18/7/1982		Phó trưởng khoa Khoa Xây dựng	Trường Đại học Hải Phòng	Giảng dạy học phần: Tổ chức thi công; Đồ án Tổ chức thi công/ KXD)	x	3,66	V.07.01.03	Thạc sĩ ngành Kỹ thuật 4/2011	x	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	x		x		Khối ngành V
25	Hoàng Văn Quý	19/6/1982		Phó Trưởng bộ môn Khoa Điện Cơ	Trường Đại học Hải Phòng	Giảng dạy học phần: Công nghệ chế tạo máy 1, Công nghệ chế tạo máy 2, Tự động hóa thủy khí, Hệ thống Cơ điện tử, Đồ án Công nghệ Chế tạo máy, Đồ án Cơ điện tử, Thực hành chuyên ngành	x	3,33	V.07.01.03	Thạc sĩ ngành Kỹ thuật cơ khí 01/2011	x	x	Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng nhận tiếng Anh TĐ B2 Châu Âu 4/2018	x			Tiếng Anh	Khối ngành V

Tổng số: 25 người

Ghi chú:

- Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên.

- Khối ngành III: Kinh doanh quản lý; Pháp luật.

- Khối ngành V: Toán và Thống kê; Máy tính và Công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật; Kỹ thuật; Sản xuất chế biến; Kiến trúc và xây dựng; Nông lâm và thủy sản; Thú y

- Khối ngành VII: Nhân văn; Khoa học xã hội và hành vi; Báo chí và thông tin; Dịch vụ xã hội; Khách sạn, du lịch, thể thao và du lịch cá nhân; Dịch vụ vận tải; Môi trường và bảo vệ môi trường; An ninh - Quốc phòng.

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
TỪ Y TẾ CÔNG CỘNG (HẠNG III) LÊN Y TẾ CÔNG CHÍNH (HẠNG II) NĂM 2019 CỦA THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

(Kèm theo Quyết định số **1223** /QĐ-UBND ngày **15** tháng **5** năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng CDNN theo quy định (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Có đề án, công trình khoa học, sáng chế phát minh	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ						Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ BD tiêu chuẩn chức danh NN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
1	Đinh Thị Vịnh		05/4/1976	Trưởng khoa ATTP - YTCC và dinh dưỡng	Trung tâm Y tế quận Đồ Sơn	x	V.08.04.10	3,66	Thạc sĩ Y tế công cộng (8/2015)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh TĐ B1 Châu Âu	x			Tiếng Anh	
2	Đào Phương Trà		11/12/1977	Trưởng Khoa An toàn thực phẩm	Trung tâm y tế quận Ngô Quyền	x	V.08.04.10	3,99	Thạc sĩ y tế công cộng	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C	x			Tiếng Anh	
3	Đặng Văn Tiến	29/3/1965		Phó giám đốc	Trung tâm Y tế quận Đồ Sơn	x	V.08.04.10	4,98	Thạc sĩ Y tế công cộng 12/2015	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C	x			Tiếng Anh	
4	Đào Thị Kim		17/7/1976	Trưởng khoa kiểm soát nhiễm khuẩn	Bệnh viện đa khoa quận Ngô Quyền	x	V.08.04.10	3,66	Thạc sĩ y tế công cộng (6/2014)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C, Anh TĐ B1 Châu Âu (CC sau môn học)	x			Tiếng Anh	
5	Nguyễn Thị Thanh Ngọc		10/10/1981	Nhân viên Khoa SK Môi trường - Nghề nghiệp	Trung tâm Y tế Dự phòng	x	V.08.04.10	3,66	Thạc sĩ y tế công cộng (3/2011)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	x		x		

Tổng số: 05 người

19

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
TỪ BÁC SĨ (HẠNG III) LÊN BÁC SĨ CHÍNH (HẠNG II) NĂM 2019 CỦA THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**
(Kèm theo Quyết định số **1223** /QĐ-UBND ngày **15** tháng **5** năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng CDNN theo quy định (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Có đề án, công trình khoa học, sáng chế phát minh	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ						Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ BD tiêu chuẩn chức danh NN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
1	Trần Đức Thắng	25/6/1974		Nhân viên Khoa Hồi sức tích cực theo yêu cầu	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	x	V.08.01.03	4,32	Bác sĩ CKI Nội khoa	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học tiếng Anh	x		x		
2	Nguyễn Thị Ngọc Anh		13/6/1982	Phó trưởng khoa Huyết học lâm sàng	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	x	V.08.01.03	3,66	Bác sĩ CKI Huyết học truyền máu	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C	x			Tiếng Anh	
3	Trần Xuân Tùng	03/10/1981		Nhân viên Khoa Hồi sức tích cực Ngoại	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	x	V.08.01.03	3,33	Thạc sĩ Y khoa (Nội khoa) 02/2016	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C; Anh TD B1 Châu Âu (CC sau ĐH)	x			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng CDNN theo quy định (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Có đề án, công trình khoa học, sáng chế phát minh	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ						Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ BD tiêu chuẩn chức danh NN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
4	Đặng Việt Hùng	01/01/1979		Nhân viên Khoa Thần kinh	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	x	V.08.01.03	3,99	Thạc sĩ Y học (Nội tâm thần) 4/2008	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2 Châu Âu 9/2017	x			Tiếng Anh	
5	Trần Quang Hưng	09/4/1977		Phó Giám đốc Trung tâm Ung bướu	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	x	V.08.01.03		Thạc sĩ Ung thư	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	x		x		
6	Nguyễn Quốc Huy	16/11/1973		Phó trưởng khoa Điều trị theo yêu cầu	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	x	V.08.01.03	3,99	Thạc sĩ Y học 4/2007; Bác sĩ CKII Nội hô hấp	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 4 (TĐ B2 Châu Âu) 7/2016	x			Tiếng Anh	
7	Nguyễn Thị Thu Hà		09/9/1977	Nhân viên Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	x	V.08.01.03	3,99	Bác sĩ CKI Chẩn đoán hình ảnh	đang học	Ứng dụng B	Tiếng Anh C	x			Tiếng Anh	
8	Hoàng Thị Loan		22/8/1976	Phó trưởng khoa Khoa Xét nghiệm đa khoa	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	x	V.08.01.03	3,99	Bác sĩ CKI Hóa sinh	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	x		x		

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng CDNN theo quy định (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Có đề án, công trình khoa học, sáng chế phát minh	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ						Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ BD tiêu chuẩn chức danh NN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
9	Lại Thị Quỳnh		07/02/1976	Phó trưởng khoa Khoa Vi sinh	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	x	V.08.01.03	4,32	Thạc sĩ Y học (Vi sinh y học) 4/2007; BS đa khoa	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C	x			Tiếng Anh	
10	Đỗ Ngọc Hải	01/12/1980		Trưởng khoa Khoa Xét nghiệm đa khoa	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	x	V.08.01.03	3,66	Tiến sĩ Y học (Hóa sinh) 12/2016	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2 Châu Âu 5/2014	x			Tiếng Anh	
11	Ngô Anh Thế	22/03/1975		Trưởng khoa Bệnh nhiệt đới	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	x	V.08.01.03	3,66	Tiến sĩ Y học (Truyền nhiễm) 10/2017	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	x		x		
12	Đào Trọng Hoàng	19/9/1975		Phó trưởng khoa Bệnh nhiệt đới	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	x	V.08.01.03	3,99	Thạc sĩ Truyền nhiễm 3/2012	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	x			Tiếng Anh	
13	Lê Văn Thiệu	26/11/1978		Trưởng khoa Nội soi - Thăm dò chức năng	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	x	V.08.01.03	3,66	Tiến sĩ Y học (Nội tiêu hóa) 7/2015	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	x		x		
14	Nguyễn Thị Thùy Ngân		27/10/1980	Trưởng khoa Khoa Nội 3	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	x	V.08.01.03	3,66	Thạc sĩ Y học (Nội khoa) 4/2012	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học tiếng Anh	x		x		

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng CDNN theo quy định (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Có đề án, công trình khoa học, sáng chế phát minh	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ						Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ BD tiêu chuẩn chức danh NN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
15	Trần Thị Ánh Tuyết		04/3/1977	Nhân viên Khoa Thận nhân tạo	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	x	V.08.01.03	3,99	Thạc sĩ Y học (Nội khoa) 4/2012	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh bậc 4/6	x			Tiếng Anh	
16	Cao Minh Tiệp	16/7/1978		Phó trưởng khoa Phẫu thuật KTC theo yêu cầu	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	x	V.08.01.03	3,66	Thạc sĩ Y học (Ngoại khoa) 4/2012	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	x		x		
17	Trần Thị Bích Thủy		30/01/1980	Trưởng khoa Khoa Dinh dưỡng	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	x	V.08.01.03	3,66	Bác sĩ CKI Nội	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh; Anh B2 Châu Âu 9/2018	x		x		
18	Nguyễn Thu Hiền		06/8/1971	Phó trưởng khoa Khám bệnh theo yêu cầu	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	x	V.08.01.03	4,65	Bác sĩ CKI Chẩn đoán hình ảnh	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh TĐ B1 Châu Âu 3/2019	x			Tiếng Anh	
19	Bùi Thị Ánh Ngọc		15/7/1980	Phó trưởng khoa Khoa Tim mạch	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	x	V.08.01.03	3,66	Thạc sĩ Tim mạch 02/2013	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh; Anh B1 Châu Âu 9/2018	x		x		

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng CDNN theo quy định (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp giữ	Hệ số lương	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Có đề án, công trình khoa học, sáng chế phát minh	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ						Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ BD tiêu chuẩn chức danh NN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
20	Nguyễn Thị Thu Trang		11/9/1978	Phó Giám đốc Trung tâm Huyết học - Truyền máu	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiếp	x	V.08.01.03	3,66	Thạc sĩ Huyết học truyền máu 02/2011	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C	x			Tiếng Anh	
21	Lưu Thị Thanh Duyên		30/8/1980	Phó trưởng khoa Hồi sức tích cực Ngoại	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiếp	x	V.08.01.03	3,66	Thạc sĩ Y học (Nội khoa) 4/2012	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1 Châu Âu 9/2018	x			Tiếng Anh	
22	Nguyễn Thị Xuân Hương		11/11/1972	Phụ trách khoa Khoa Da liễu	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiếp	x	V.08.01.03	4,65	Bác sĩ CKII Da liễu	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh TĐ B1 Châu Âu 3/2019	x			Tiếng Anh	
23	Nguyễn Thị Phương Thảo		13/9/1976	Phó trưởng khoa Khám bệnh theo yêu cầu	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiếp	x	V.08.01.03	3,99	Thạc sĩ Y học (Nội khoa) 3/2010	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học tiếng Anh	x		x		
24	Bùi Thị Thu Hằng		12/5/1977	Phó trưởng khoa Khoa Thận nhân tạo	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiếp	x	V.08.01.03	3,99	Bác sĩ CKI Nội	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 3/6 11/2017 - ĐHHP	x			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng CDNN theo quy định (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Có đề án, công trình khoa học, sáng chế phát minh	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ						Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ BD tiêu chuẩn chức danh NN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
25	Bùi Thị Quỳnh		01/7/1982	Phó trưởng khoa Khoa Khám bệnh	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	x	V.08.01.03	3,33	Thạc sĩ Y học (Nội khoa) 4/2013	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	x		x		
26	Tạ Việt Tiến	03/11/1972		Nhân viên Khoa Cấp cứu	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	x	V.08.01.03	4,98	Bác sĩ CKI Nội khoa	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh cấp độ 3 (B1) 12/2018	x			Tiếng Anh	
27	Nguyễn Quốc Nam	30/12/1975		Nhân viên Khoa Cấp cứu	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	x	V.08.01.03	3,33	Bác sĩ CKII Nội chung	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh cấp độ 3 (B1) 12/2018	x			Tiếng Anh	
28	Đặng Thị Thanh Hà		25/5/1981	Phó trưởng khoa Hồi sức tích cực Ngoại	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	x	V.08.01.03	3,66	Thạc sĩ Y học (Nội khoa) 4/2013	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1 Châu Âu 12/2018	x			Tiếng Anh	
29	Phạm Thị Hoài Thanh		22/10/1979	Phó trưởng khoa Khoa Hồi sức tích cực Nội & chống độc	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	x	V.08.01.03	3,66	Thạc sĩ Y học (Nội khoa) 4/2012; Bác sĩ CKII Hồi sức cấp cứu	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1 Châu Âu 12/2018; Anh C	x			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng CDNN theo quy định (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Có đề án, công trình khoa học, sáng chế phát minh	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ						Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ BD tiêu chuẩn chức danh NN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
30	Nguyễn Thị Bích Ngọc		09/3/1981	Phó trưởng khoa Khoa Cấp cứu	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	x	V.08.01.03	3,66	Bác sĩ CKI Nội	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1 Châu Âu 12/2018	x			Tiếng Anh	
31	Nguyễn Quang Hùng	01/08/1976		Trưởng khoa Tai mũi họng	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	x	V.08.01.03	3,66	Bác sĩ CKII Tai mũi họng	đang học	Ứng dụng B	Anh B2 Châu Âu 4/2015	x			Tiếng Anh	
32	Nguyễn Văn Tuyết	28/12/1966		Nhân viên Nội 3	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	x	V.08.01.03	4,32	Thạc sĩ Y học (Nội khoa) 3/2010	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1 12/2018	x			Tiếng Anh	
33	Nguyễn Thế May	12/10/1981		Phó trưởng khoa Phẫu thuật Lồng ngực - Tim mạch	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	x	V.08.01.03	3,33	Thạc sĩ Ngoại khoa 02/2013	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	x		x		
34	Nguyễn Thu Hương		12/7/1977	Phó trưởng khoa Điều trị theo yêu cầu	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	x	V.08.01.03	3,99	Thạc sĩ Nội khoa 3/2010	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1 Châu Âu 9/2018	x			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng CDNN theo quy định (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Có đề án, công trình khoa học, sáng chế phát minh	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ						Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ BD tiêu chuẩn chức danh NN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
35	Đặng Việt Sơn	02/7/1980		Phó trưởng khoa Khoa Ngoại 12	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	x	V.08.01.03	3,99	Thạc sĩ Ngoại khoa 3/2010	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	x		x		
36	Nguyễn Trường Giang	16/12/1977		Trưởng khoa Giải phẫu bệnh	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	x	V.08.01.03	3,99	Thạc sĩ y học (Giải phẫu bệnh) 3/2009	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	x		x		
37	Nguyễn Thị Yên		07/11/1974	Nhân viên Răng hàm mặt	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	x	V.08.01.03	3,99	Bác sĩ CKII Răng hàm mặt	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	x			Tiếng Anh	
38	Phạm Thu Hương		02/02/1982	Trưởng khoa Huyết học lâm sàng	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	x	V.08.01.03	3,33	Bác sĩ CKI Nội khoa	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	x		x		
39	Đỗ Mạnh Thắng	30/4/1973		Trưởng khoa Ngoại 12	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	x	V.08.01.03	4,65	Thạc sĩ Y học (Phẫu thuật đại cương) 02/2005	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	x		x		

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng CDNN theo quy định (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp giữ	Hệ số lương	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Có đề án, công trình khoa học, sáng chế phát minh	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ						Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ BD tiêu chuẩn chức danh NN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
40	Đỗ Thị Phương Chung		15/10/1979	Phó Giám đốc Trung tâm Ung bướu	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	x	V.08.01.03	3,99	Thạc sĩ Y học (Ung thư) 4/2008	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	x		x		
41	Bùi Văn Tùng	16/9/1980		Phó trưởng Khoa Ngoại 7	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	x	V.08.01.03	3,33	Bác sĩ CKII Ngoại khoa	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	x		x		
42	Vũ Tuấn Anh	13/12/1980		Bác sĩ, Trưởng khoa ngoại thần kinh lồng ngực	Bệnh viện Kiến An	x	V.08.01.03	3,66	Bác sĩ CKI, CKII- Ngoại khoa	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - bậc 3/6 khung năng lực NNVN 8/2017	x			Tiếng Anh	
43	Nguyễn Thị Chín		15/5/1975	Bác sĩ Khoa Khám bệnh quốc tế kiêm phó trưởng phòng tổ chức cán bộ	Bệnh viện Kiến An	x	V08.01.03	4,32	Thạc sĩ Y học - Nội khoa (4/2013)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - bậc 4/6 khung năng lực NNVN 11/2017	x			Tiếng Anh	

Kg

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng CDNN theo quy định (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Có đề án, công trình khoa học, sáng chế phát minh	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ						Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ BD tiêu chuẩn chức danh NN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
44	Lương Quang Hưng	07/8/1973		Trưởng khoa Lọc máu	Bệnh viện Kiến An	x	V.08.01.03	3,99	Bác sĩ CKII- Nội hô hấp (6/2016)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - bậc 4/6 khung năng lực NNVN 11/2017	x			Tiếng Anh	
45	Phạm Văn Thành	13/3/1980		Bác sĩ Trưởng khoa Sản	Bệnh viện Kiến An	x	V08.01.03	3,66	Bác sĩ CKII- Sản Phụ khoa (5/2018)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - bậc 4/6 khung năng lực NNVN 11/2017	x			Tiếng Anh	
46	Lê Hiếu	09/4/1975		Bác sĩ Sản phụ khoa	Bệnh viện Kiến An	x	V08.01.03	3,66	Bác sĩ CKI- Sản phụ khoa (3/2014)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - bậc 4/6 khung năng lực NNVN 11/2017	x			Tiếng Anh	
47	Mạc Duy Khang	25/7/1968		Bác sĩ- Thạc sĩ- Khoa Khám bệnh	Bệnh viện Kiến An	x	V08.01.03	3,33	Thạc sĩ Y học - Nội khoa (4/2012)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học tiếng Anh	x		x		
48	Nguyễn Văn Hào	16/12/1981		Bác sĩ Khoa Phẫu thuật gây mê	Bệnh viện Kiến An	x	V08.01.03	3,33	Bác sĩ CKI- GMHS (10/2016)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - bậc 4/6 khung năng lực NNVN 11/2017	x			Tiếng Anh	

Ng

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng CDNN theo quy định (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Có đề án, công trình khoa học, sáng chế phát minh	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ						Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ BD tiêu chuẩn chức danh NN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
49	Đỗ Thị Thanh Nhân		28/11/1975	Phó Trưởng khoa Khoa Phẫu thuật gây mê	Bệnh viện Kiến An	x	V08.01.03	3,99	Thạc sĩ Y học - Ngoại khoa (7/2015)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - bậc 4/6 khung năng lực NNVN 11/2017	x			Tiếng Anh	
50	Lê Thị Huệ		03/12/1980	Bác sĩ Khoa Nhi	Bệnh viện Kiến An	x	V08.01.03	3,66	Bác sĩ CKI-Nhi (5/2012)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - bậc 4/6 khung năng lực NNVN 11/2017 (ĐHHP)	x			Tiếng Anh	
51	Phạm Thị Minh Huệ		09/5/1975	Phó trưởng khoa Nhi	Bệnh viện Kiến An	x	V08.01.03	3,99	Bác sĩ CKI-Nhi (01/2010)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - bậc 4/6 khung năng lực NNVN 11/2017 (ĐHHP)	x			Tiếng Anh	
52	Trần Văn Sơn	05/01/1971		Trưởng khoa phẫu thuật gây mê	Bệnh viện Kiến An	x	V08.01.03	4,65	Bác sĩ CKII-GMHs (12/2018)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - bậc 4/6 khung năng lực NNVN 11/2017	x			Tiếng Anh	

Ng

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng CDNN theo quy định (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Có đề án, công trình khoa học, sáng chế phát minh	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ						Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ BD tiêu chuẩn chức danh NN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
53	Vũ Thị Oanh		01/02/1980	Bác sĩ Khoa Phụ khoa	Bệnh viện Kiến An	x	V08.01.03	3,99	Bác sĩ CKII sản phụ khoa (01/2018)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	x		x		
54	Lê Thị Giang		24/4/1982	Bác sĩ, Phó trưởng khoa-phụ trách khoa-Khoa phụ khoa	Bệnh viện Kiến An	x	V08.01.03	3,33	Thạc sĩ Y học - sản phụ khoa (2/2016)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - bậc 4/6 khung năng lực NNVN 11/2017	x			Tiếng Anh	
55	Lê Văn Phong	12/7/1975		Bác sĩ, Phó trưởng khoa Giải phẫu bệnh	Bệnh viện Kiến An	x	V08.01.03	3,99	Bác sĩ CKI Giải phẫu bệnh (09/2017)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - bậc 4/6 khung năng lực NNVN 11/2017	x			Tiếng Anh	
56	Bùi Đình Dương	09/12/1967		Bác sĩ, Phó trưởng khoa Nội tổng hợp	Bệnh viện Kiến An	x	V08.01.03	3,99	Bác sĩ CKII- Nội hô hấp (6/2016)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C	x			Tiếng Anh	

Ng

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng CDNN theo quy định (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Có đề án, công trình khoa học, sáng chế phát minh	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ						Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ BD tiêu chuẩn chức danh NN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
57	Nguyễn Tiến Dũng	18/8/1982		Bác sĩ, Trưởng khoa Hồi sức tích cực	Bệnh viện Kiến An	x	V08.01.03	3,33	Thạc sĩ Y học- Nội khoa (10/2016)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C	x			Tiếng Anh	
58	Bùi Thị Phương Lan		02/02/1976	Bác sĩ CKI- Khoa Mắt	Bệnh viện Kiến An	x	V08.01.03	3,66	Bác sĩ CKI- Nhân khoa (4/2014)	đang học	Ứng dụng B	Anh C	x			Tiếng Anh	
59	Nguyễn Thị Kim Ngân		07/6/1981	Bác sĩ CKI - Khoa Khám bệnh	Bệnh viện Kiến An	x	V08.01.03	3,33	Bác sĩ CKI Tai Mũi Họng 10/2013	đang học	Ứng dụng B	Anh bậc 3/6 khung năng lực NNVN 10/2019	x			Tiếng Anh	
60	Trần Tuấn Hạnh	29/8/1983		Trưởng khoa Ngoại Ung bướu	Bệnh viện Kiến An	x	V08.01.03	3,33	Bác sĩ CKII- Ngoại chung	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 3/6 khung năng lực NNVN 10/2019	x			Tiếng Anh	

lv

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng CDNN theo quy định (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Có đề án, công trình khoa học, sáng chế phát minh	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ						Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ BD tiêu chuẩn chức danh NN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
61	Hoàng Ngọc Anh	15/09/1973		Trưởng khoa	Bệnh viện Trẻ em	x	V.08.01.03	3,33	Bác sĩ CKII Nhi khoa (T6/17)	đang học	Ứng dụng B	Đại học tiếng Anh	x		x		
62	Vũ Thị Nhân		05/10/1975	Trưởng khoa Huyết học	Bệnh viện Trẻ em	x	V.08.01.03	3,66	Bác sĩ CKI Hóa sinh (T4/15)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C	x			Tiếng Anh	
63	Lê Quang Quỳnh	15/6/1982		Phó Trưởng khoa Tiêu hóa	Bệnh viện Trẻ em	x	V.08.01.03	3,33	Bác sĩ CKI Nhi (T5/2013)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1 Châu Âu 4/2018 - ĐH Hàng hải	x			Tiếng Anh	
64	Nguyễn Thị Lan Hương		20/01/1980	Phó Trưởng khoa Răng hàm mặt - Mắt	Bệnh viện Trẻ em	x	V.08.01.03	3,66	Bác sĩ CKI Mắt (T5/12)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C	x			Tiếng Anh	
65	Phạm Trung Kiên	06.9.1979		Phó giám đốc bệnh viện	Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Hải Phòng	x	V.08.01.03	3,66	Bác sĩ CKI - Lao và bệnh Phổi (T5/2013)	đang học	Ứng dụng B	Anh C	x			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng CDNN theo quy định (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Có đề án, công trình khoa học, sáng chế phát minh	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ						Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ BD tiêu chuẩn chức danh NN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
66	Vũ Thị Nga Hằng		12/10/1967	Trưởng phòng Quản lý CLBV và CTXH	Bệnh viện Tâm Thần	x	V.08.01.03	4,65	Bác sĩ CKI - tâm thần (T4/2015)	đang học	Ứng dụng B	Anh C	x		x (Nữ trên 50 tuổi)		
67	Vũ Thị Thanh Thúy		12/12/1976	Phó Trưởng phòng Đào tạo và chỉ đạo tuyển	Bệnh viện Tâm Thần	x	V.08.01.03	3,99	Thạc sĩ y học (T6/2010)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C	x			Tiếng Anh	
68	Nguyễn Thị Vân		20/09/1976	Phó Trưởng khoa Sản 3	Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng	x	V.08.01.03	3,99	Bác sĩ CKII sản phụ khoa (6/2017)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C	x			Tiếng Anh	
69	Lê Thị Hoàn		21/10/1976	Bác sĩ Khoa Sản I	Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng	x	V.08.01.03	4,32	Thạc sĩ Sản phụ khoa 3/2010; Bác sĩ CK2 sản phụ khoa (T10/2017)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C	x			Tiếng Anh	
70	Nguyễn Thị Quế Anh		03.11.1973	Bác sĩ Khoa Kế hoạch hóa gia đình	Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng	x	V.08.01.03	3,99	Bác sĩ CKII sản phụ khoa (T5/2018)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C	x			Tiếng Anh	

Ng

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng CDNN theo quy định (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Có đề án, công trình khoa học, sáng chế phát minh	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ						Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ BD tiêu chuẩn chức danh NN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
71	Dương Thọ Quỳnh Hương		22/03/1977	Phó trưởng khoa Hỗ trợ sinh sản	Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng	x	V.08.01.03	3,99	Bác sĩ CKII sản phụ khoa (T5/2018)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 4/6 khung NLNNVN 11/2017 (ĐHHP)	x			Tiếng Anh	
72	Bùi Thị Hoa		30.08.1975	Bác sĩ Khoa Hỗ trợ sinh sản	Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng	x	V.08.01.03	3,99	Bác sĩ CKII sản phụ khoa (T10/2017)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C	x			Tiếng Anh	
73	Mạc Thanh Tùng	06.08.1966		Phó trưởng khoa Phụ 1	Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng	x	V.08.01.03	4,65	Bác sĩ CKII sản phụ khoa (T4/2015)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C	x			Tiếng Anh	
74	Bùi Thị Minh Thu		17.09.1977	Bác sĩ Khoa Sản 3	Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng	x	V.08.01.03	3,99	Thạc sĩ Y học - Sản phụ khoa 4/2008; Bác sĩ CK2 sản phụ khoa (T5/2018)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Tiếng anh	x		x		
75	Đặng Thị Thu Hà		18.09.1974	Bác sĩ Khoa Hỗ trợ sinh sản	Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng	x	V.08.01.03	4,32	Bác sĩ CK2 sản phụ khoa (T10/2017)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C	x			Tiếng Anh	

ng

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng CDNN theo quy định (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Có đề án, công trình khoa học, sáng chế phát minh	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ						Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ BD tiêu chuẩn chức danh NN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
76	Phạm Thị Anh Tú		25.09.1980	Bác sĩ Khoa Gây mê hồi sức	Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng	x	V.08.01.03	3,66	Bác sĩ CK1 Gây mê hồi sức (T12/2010)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	x		x		
77	Lê Thị Dung		09.01.1978	Phó trưởng khoa Khoa Đờ đê	Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng	x	V.08.01.03	3,99	Bác sĩ CK2 sản phụ khoa (T10/2017)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C	x			Tiếng Anh	
78	Nguyễn Thị Quỳnh Diệp		17.06.1974	Bác sĩ Khoa Hỗ trợ sinh sản	Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng	x	V.08.01.03	4,32	Bác sĩ CKII sản phụ khoa (T6/2017)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C	x			Tiếng Anh	
79	Vương Thị Thu Thủy		16.11.1974	Trưởng khoa QL thai nghén và Chẩn đoán trước sinh	Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng	x	V.08.01.03	3,99	Thạc sĩ sản phụ khoa 02/2011; Bác sĩ CKII sản phụ khoa (T1/2019)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 4/6 khung NLNNVN 11/2017 (ĐHHP)	x			Tiếng Anh	
80	Phạm Yến Vân		14.06.1971	Trưởng khoa Phụ 2	Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng	x	V.08.01.03	4,98	Bác sĩ CKII sản phụ khoa (T3/2013)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C	x			Tiếng Anh	
81	Trương Thị Thanh Thủy		09.12.1976	Phó trưởng khoa	Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng	x	V.08.01.03	3,99	Bác sĩ CKII sản phụ khoa (T5/2018)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C	x			Tiếng Anh	

Ng

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng CDNN theo quy định (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Có đề án, công trình khoa học, sáng chế phát minh	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ						Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ BD tiêu chuẩn chức danh NN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
82	Nguyễn Văn Lợi	20/01/1974		Bác sĩ Phòng Kế hoạch tổng hợp	Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng	x	V.08.01.03	4,32	Bác sĩ CKII sản phụ khoa (T01/2019)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C	x			Tiếng Anh	
83	Ngô Thị Thanh Hà		20/8/1972	Bác sĩ Khoa Gây mê hồi sức	Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng	x	V.08.01.03	3,99	Thạc sĩ Y học Gây mê hồi sức (T2/2009)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C	x			Tiếng Anh	
84	Nguyễn Ngọc Điệp		14/7/1969	Bác sĩ Khoa Khám bệnh	Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng	x	V.08.01.03	4,32	Bác sĩ CKII sản phụ khoa (T6/2017)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C	x		x (nữ trên 50 tuổi)		
85	Nguyễn Thị Lan Anh		06/8/1969	Bác sĩ Khoa Khám bệnh	Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng	x	V.08.01.03	4,32	Bác sĩ CKII sản phụ khoa (T4/2014)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C	x		x (nữ trên 50 tuổi)		
86	Nguyễn Thị Thanh Thúy		16/6/1973	Phó Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp	Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng	x	V.08.01.03	4,32	Bác sĩ CKI Sản (T5/13)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C	x			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng CDNN theo quy định (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Có đề án, công trình khoa học, sáng chế phát minh	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ						Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ BD tiêu chuẩn chức danh NN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
87	Nguyễn Thị Duyên Hải		24/01/1978	Phó trưởng khoa Phẫu thuật nội soi	Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng	x	V.08.01.03	3,99	Bác sĩ CKII sản phụ khoa (T6/2016)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C	x			Tiếng Anh	
88	Bùi Thị Thúy Vân		26/9/1975	Bác sĩ Khoa Sản 1	Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng	x	V.08.01.03	3,66	Bác sĩ CKII sản phụ khoa (T6/2017)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C	x			Tiếng Anh	
89	Nguyễn Trung Toàn	09/9/1977		Phó Trưởng khoa Đẻ đẻ	Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng	x	V.08.01.03	3,99	Thạc sỹ Sản phụ khoa (T2/2011)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C	x			Tiếng Anh	
90	Bùi Minh Khôi	07/10/1984		Phụ trách khoa Truyền nhiễm	Bệnh viện Đa khoa Thủy Nguyên	x	V.08.01.03	3,0	Bác sĩ CKI - Nội khoa (T5/2018)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 5 (C1) 9/2018	x			Tiếng Anh	
91	Chu Hồng Thanh	27/11/1977		Phó Trưởng khoa, Phụ trách khoa Cấp cứu-HSTC-CĐ	Bệnh viện Đa khoa Thủy Nguyên	x	V.08.01.03	3,99	Bác sĩ CKI - Nhi (T4/2015)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 5 (C1) 10/2018	x			Tiếng Anh	

19

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng CDNN theo quy định (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Có đề án, công trình khoa học, sáng chế phát minh	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ						Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ BD tiêu chuẩn chức danh NN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
92	Hoàng Thị Hồng Vĩnh	11/6/1973		Trưởng khoa Nhi	Bệnh viện Đa khoa Thủy Nguyên	x	V.08.01.03	3,99	Bác sĩ CKI - Nhi khoa (T4/2014)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C	x			Tiếng Anh	
93	Bùi Văn Hải	05/7/1979		Trưởng khoa Khám bệnh	Bệnh viện Đa khoa Thủy Nguyên	x	V.08.01.03	3,66	Bác sĩ CKI Nội khoa (T2/2015)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 4/6 khung NLNNVN 8/2019	x			Tiếng Anh	
94	Nguyễn Thị Mơ	26/7/1980		Phó trưởng khoa Mắt	Bệnh viện Đa khoa Thủy Nguyên	x	V.08.01.03	3,66	Bác sĩ CKI - Mắt (T4/2015)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 4/6 khung NLNNVN 8/2019	x			Tiếng Anh	
95	Nguyễn Thị Tường	01/10/1976		Trưởng khoa Xét nghiệm	Bệnh viện Đa khoa Thủy Nguyên	x	V.08.01.03	3,99	Bác sĩ CKI - Hóa sinh (T5/2012)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 4/6 khung NLNNVN 8/2019	x			Tiếng Anh	
96	Nguyễn Văn Tuất	07/5/1971		Phó trưởng khoa Ngoại	Bệnh viện Đa khoa Thủy Nguyên	x	V.08.01.03	3,99	Bác sĩ CKI - Ngoại (T3/2011)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 4/6 khung NLNNVN 8/2019	x			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng CDNN theo quy định (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Có đề án, công trình khoa học, sáng chế phát minh	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ						Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ BD tiêu chuẩn chức danh NN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
97	Phạm Thị Quế	19.08.1971		Bác sĩ khoa Khám bệnh	Bệnh viện Đa khoa Thủy Nguyên	x	V.08.01.03	4,65	Bác sĩ CKI - Nội (02/2010)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 4/6 khung NLNNVN 8/2019	x			Tiếng Anh	
98	Lại Đức Dũng	20/01/1980		Bác sĩ khoa Ngoại	Bệnh viện Đa khoa Thủy Nguyên	x	V.08.01.03	3,66	Bác sĩ CKI - Ngoại khoa (T3/2014)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 4/6 khung năng lực NNVN 8/2019	x			Tiếng Anh	
99	Vũ Văn Bộ	04/02/1976		Trưởng khoa YHCT-PHCN	Bệnh viện Đa khoa Thủy Nguyên	x	V.08.01.03	3,66	Bác sĩ CKI - YHCT(T2/2015)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 4/6 khung năng lực NNVN 8/2019	x			Tiếng Anh	
100	Nguyễn Huy Công	03/5/1980		Phó trưởng khoa YHCT-PHCN	Bệnh viện Đa khoa Thủy Nguyên	x	V.08.01.03	3,33	Bác sĩ CKI chuyên ngành YHCT (T9/17)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 4/6 khung năng lực NNVN 8/2019	x			Tiếng Anh	

ng

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng CDNN theo quy định (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Có đề án, công trình khoa học, sáng chế phát minh	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ						Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ BD tiêu chuẩn chức danh NN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
101	Bùi Thị Thái	15/01/1973		Trưởng Cơ sở ĐTHI Quảng Thanh	Bệnh viện Đa khoa Thủy Nguyên	x	V.08.01.03	4,32	Bác sĩ CKI Nội khoa (T5/18)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 4/6 khung năng lực NNVN 8/2019	x			Tiếng Anh	
102	Cao Trung Dũng	16/8/1980		Trưởng khoa Khoa Liên chuyên khoa	Bệnh viện đa khoa An Lão	x	V.08.01.03	3,66	BS CKI TMH (5/2012), RHM (T4/2015)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 4/6 khung NLNNVN 8/2019	x			Tiếng Anh	
103	Đinh Trọng Du	19/8/1979		Trưởng khoa Ngoại	Bệnh viện đa khoa An Lão	x	V.08.01.03	3,66	Bác sĩ CKI Ngoại (T3/2011)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 4/6 khung NLNNVN 8/2019	x			Tiếng Anh	
104	Nguyễn Thị Hồng Huế		18/11/1972	Trưởng khoa	Bệnh viện đa khoa An Lão	x	V.08.01.03	3,99	Bác sĩ CKI Nội khoa (T4/2014)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 4/6 khung NLNNVN 8/2019	x			Tiếng Anh	
105	Phạm Thị Hòe		02/10/1973	Trưởng khoa Cận lâm sàng	Bệnh viện đa khoa An Lão	x	V.08.01.03	4,32	Bác sĩ CKI Chẩn đoán hình ảnh (T5/2012)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C	x			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng CDNN theo quy định (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Có đề án, công trình khoa học, sáng chế phát minh	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ						Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ BD tiêu chuẩn chức danh NN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
106	Phạm Thị Vân		05/6/1982	Phó trưởng khoa Khoa sản	Bệnh viện đa khoa An Lão	x	V.08.01.03	3,66	Bác sĩ CKI Sản phụ khoa (T4/2014)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 4/6 khung NLNNVN 8/2019	x			Tiếng Anh	
107	Hoàng Tuấn Tiến	05/12/1982		Trưởng khoa Y học cổ truyền	Bệnh viện đa khoa An Lão	x	V.08.01.03	3,33	Bác sĩ CKI Nội khoa (T6/2016)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 4/6 khung NLNNVN 8/2019	x			Tiếng Anh	
108	Phạm Xuân Thịnh	02/12/1978		Trưởng khoa Khoa Nội	Bệnh viện đa khoa An Lão	x	V.08.01.03	3,66	Bác sĩ CKI Nội khoa (T4/2014)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 4/6 khung NLNNVN 8/2019	x			Tiếng Anh	
109	Nguyễn Thị Phiến		10/02/1979	Trưởng khoa	Bệnh viện đa khoa An Lão	x	V.08.01.03	3,66	Bác sĩ CKI Nhi (T5/2012)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 4/6 khung NNVN 6/2019	x			Tiếng Anh	
110	Đặng Kiên Cường	04/10/1975		Trưởng khoa Ngoại	Bệnh viện đa khoa quận Ngô Quyền	x	V.08.01.03	3,99	Bác sĩ CKII Chấn thương chỉnh hình (6/2017)	đang học	Ứng dụng B	Anh C	x			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng CDNN theo quy định (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Có đề án, công trình khoa học, sáng chế phát minh	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ						Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ BD tiêu chuẩn chức danh NN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
111	Nguyễn Thị Thu Thủy		03/06/1971	Trưởng khoa Truyền nhiễm	Bệnh viện đa khoa quận Ngô Quyền	x	V.08.01.03	3,99	Bác sĩ CKI Nội (01/2010)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C	x			Tiếng Anh	
112	Nguyễn Hoàng Đại	29/4/1969		Phó trưởng khoa Ngoại	Bệnh viện đa khoa quận Ngô Quyền	x	V.08.01.03	4,65	Bác sĩ CKI Ngoại (T12/2007)	đang học	Ứng dụng B	Anh C	x			Tiếng Anh	
113	Trần Thị Loan		22/6/1970	Trưởng phòng khám khu vực Vạn Mỹ	Bệnh viện đa khoa quận Ngô Quyền	x	V.08.01.03	4,98	Bác sĩ CKI nhi (11/2008)	đang học	Ứng dụng B	Anh C	x			Tiếng Anh	
114	Thiếu Thị Ngọc Lan		22/3/1976	Trưởng khoa Hồi sức cấp cứu	Bệnh viện đa khoa quận Ngô Quyền	x	V.08.01.03	3,66	Bác sĩ CKI Nội khoa	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C	x			Tiếng Anh	
115	Nguyễn Mạnh Trường	09/8/1974		Phó Trưởng khoa	Trung tâm Cấp cứu 115 Hải Phòng	x	V.08.01.03	4,32	Bác sĩ CKI Nội khoa (T4/2014)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C	x			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng CDNN theo quy định (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Có đề án, công trình khoa học, sáng chế phát minh	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ						Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ BD tiêu chuẩn chức danh NN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
116	Trần Thuý Dương		15/11/1980	Trưởng khoa Nội nhi	Trung tâm Y tế quận Hồng Bàng - Hải Phòng	x	V.08.01.03	3,66	Bác sỹ CKI Nội (T4/2015)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C	x			Tiếng Anh	
117	Nguyễn Hữu Thùý	28/3/1973		Phó Giám đốc	Trung tâm Y tế quận Kiến An	x	V.08.01.03	3,99	Thạc sỹ y học (T5/12)	đang học	Ứng dụng B	Anh C	x			Tiếng Anh	
118	Phạm Văn Tuấn	21/7/1978		Trưởng phòng	Trung tâm Y tế quận Lê Chân	x	V.08.01.03	3,99	Bác sỹ CKI Chẩn đoán hình ảnh (T4/2015)	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C	x			Tiếng Anh	
119	Ngô Văn Tiến	10/10/1972		Phó giám đốc TTYT	Trung Tâm y tế huyện Kiến Thụy	x	V.08.01.03	4,32	Bác sỹ CKI nội khoa	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 4 khung năng lực NNVN 8/2019	x			Tiếng Anh	
120	Phạm Thị Hải Thanh		18/7/1976	Phó giám đốc TTYT	Trung Tâm y tế huyện Kiến Thụy	x	V.08.01.03	3,99	Bác sỹ CKI sản khoa	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 4 khung năng lực NNVN 8/2019	x			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng CDNN theo quy định (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Có đề án, công trình khoa học, sáng chế phát minh	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ						Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ BD tiêu chuẩn chức danh NN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
121	Trần Thị Thành		17/8/1969	Phó giám đốc TTYT	Trung Tâm y tế huyện Kiến Thụy	x	V.08.01.03	4,32	Bác sỹ CKI nội khoa	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 4 khung năng lực NNVN 8/2019	x		x (nữ trên 50 tuổi)		
122	Đỗ Hải Châu	20/6/1972		Trưởng khoa xét nghiệm và chẩn đoán HA	Trung Tâm y tế huyện Kiến Thụy	x	V.08.01.03	4,32	Bác sỹ CKI CDHA	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C	x			Tiếng Anh	
123	Cao Đức Huy	24/4/1964		Trưởng khoa Nhi - lây	Trung Tâm y tế huyện Kiến Thụy	x	V.08.01.03	3,99	Bác sỹ CKI nhi	đang học	Ứng dụng B	Anh bậc 4 khung năng lực NNVN 8/2019	x		x (nam trên 55 tuổi)		
124	Nguyễn Thị Hương		20/6/1979	Phó trưởng Khoa Liên chuyên khoa	Bệnh viện đa khoa quận Ngô Quyền	x	V.08.01.03	3,33	Bác sỹ CKI Răng hàm mặt	đang học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C	x			Tiếng Anh	

Tổng số: 124 người